

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Tập 1



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2006

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 1

Dải đá ngầm di động

Năm 1866 được đánh dấu bằng một sự kiện kỳ lạ, một hiện tượng không được giải thích và không thể giải thích nổi mà chắc chưa ai quên. Những lời đồn đại về hiện tượng bí hiểm đó chẳng những làm nhân dân các thành phố cảng và các lục địa xôn xao, mà còn gây hoang mang lớn trong đám thủy thủ. Cánh lái buôn, chủ tàu, thuyền trưởng ở châu Âu và châu Mỹ, các sĩ quan hải quân các nước, và sau đó nhiều chính phủ ở cả hai châu đều hết sức lo lắng về sự kiện này. Số là thời gian gần đây, nhiều tàu buôn đi biển thường gặp một vật hình thoi dài đôi khi sáng lấp lánh, vượt xa cá voi về kích thước và tốc độ di chuyển. Những lời ghi trong nhật ký của các con tàu đó giống nhau một cách lạ lùng về sự miêu tả hình dáng bên ngoài, về tốc độ ghê gớm và sức mạnh của vật đó, cũng như về thái độ đặc biệt của nó. Nếu đó là một loại cá voi thì theo sự miêu tả, nó lớn hơn tất cả những con cá voi đã được khoa học biết đến. Không một nhà khoa học

nào có thể tin được hiện tượng kỳ lạ này nếu không được nhìn thấy nó tận mắt. Nếu bỏ qua những sự đánh giá quá dè dặt cho rằng con quái vật không dài quá sáu mươi mét và gạt đi những lời thổi phồng quá đáng miêu tả nó như một con vật khổng lồ rộng một hải lý, dài ba hải lý, thì ta vẫn phải thừa nhận rằng quái vật, nếu có thật, nhất định vượt quá những kích thước đã được các nhà động vật học ghi nhận. Con người vốn cả tin những điều huyền hoặc, nên ta cũng dễ hiểu rằng hiện tượng kỳ lạ này đã làm họ xao xuyến thế nào. Một số người đã tìm cách xếp tất cả các câu chuyện đó vào một loại bịa đặt hão huyền, nhưng vô ích! Con vật kia vẫn tồn tại, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa.

Ngày 20 tháng 7 năm 1866, chiếc tàu Ga-vóc-nơ Hi-ghin-xơ của công ty tàu biển Can-cút-ta-en Béc-nắc đã gặp một vật nổi khổng lồ cách bờ biển phía đông úc năm hải lý. Thoạt tiên, thuyền trưởng Bê-cơ đình ninh rằng mình phát hiện ra một dải đá ngầm chưa được ghi trên bản đồ. ạng ta vừa bắt đầu xác định tọa độ của dải đá, thì từ trong lòng cái khối màu đen ấy bỗng vọt lên hai cột nước cao hơn bốn mươi mét. Vì sao vậy? Đó là một dải đá mạch nước ngầm? Hay đó chỉ là một động vật có vú sống dưới biển phun không khí từ mũi ra làm vọt lên những luồng nước?

Ngày 23 tháng 7 năm đó, tàu Cri-xtô-ban Cô-lôn của Công ty tàu

biển Đông ẩn lại thấy hiện tượng này ở vùng biển Thái Bình Dương. Xưa nay đâu có chuyện cá voi bơi với tốc độ lạ thường như vậy? Chỉ trong ba ngày mà hai chiếc tàu gặp nó ở hai điểm cách nhau trên bảy trăm dặm. Mười lăm ngày sau, cách nơi nói trên hai ngàn dặm, tàu Hen-vê-xi-a của Công ty tàu biển Quốc gia và tàu Sa-nơn của Công ty Roi-on Mây-lơ trên đường đi giữa châu Mỹ và châu Âu gặp nhau ở Đại Tây Dương, đã phát hiện ra quái vật ở 42,15 độ vĩ bắc và 60,35 độ kinh về phía tây kinh tuyến Grin-uyt. Hai tàu cũng quan sát và xác định được bằng mắt, là con vật có vú, dài ít nhất hơn một trăm mét. Họ xác định được như vậy là vì hai tàu đều nhỏ hơn con vật, mặc dù cả hai đều dài một trăm mét. Giống cá voi khổng lồ ở vùng đảo A-lê-út cũng không thể dài quá năm mươi mét. Những tin tức này đồn dập bay về, những thông báo mới của tàu Pê-rê vượt Đại Tây Dương, cuộc chạm trán giữa quái vật với tàu ét-na, biên bản của các sĩ quan trên chiếc tàu chiến Pháp Noóc-măng-đi và bản báo cáo tỉ mỉ của Phít-xơ Giêm-xơ, thuyền trưởng tàu Lo Clai-đơ -tất cả những cái đó đã làm náo động dư luận. ở những nước hay suy nghĩ hồ đồ thì hiện tượng kỳ lạ này là đề tài vô tận cho những chuyện bông đùa, nhưng những nước chín chắn hơn và có đầu óc thực tế như Anh, Mỹ, Đức thì hết sức quan tâm đến chuyện này. ở thủ đô các nước, con quái vật đã trở thành "mốt": người ta hát về nó trong các tiệm cà phê, nhạo báng nó trên báo chí, đưa nó

lên sân khấu. Vớ được dịp may hiếm có, mấy tờ lá cải tha hồ tung tin vịt. Họ dựng lên đủ loại quái vật hoang đường, từ con cá voi trắng khổng lồ khiếp ở các nước vùng Bắc cực đến những con bạch tuộc gớm ghiếc có thể dùng vòi cuốn cả tàu chở nặng năm trăm tấn chìm xuống đáy biển. Trong các hội nghị cứu vãn và các tạp chí khoa học nổi lên một cuộc tranh luận ồn ào không dứt giữa những người tin và không tin.

Các nhà báo, những người yêu khoa học trong cuộc tranh cãi với đối phương, đã phải đổ biết bao nhiêu mực thậm chí một số đã đổ cả máu vì cuộc đấu khẩu về con rắn biển đó dẫn tới những trận đấu chân đầu tay thực sự! Cuộc "chiến tranh" này đã kéo dài suốt sáu tháng ròng không phân thắng bại. .. Mấy tháng đầu năm 1867, câu chuyện quái vật hình như đã bị chôn vùi và chẳng cần gọi lại làm gì. Nhưng những sự kiện mới lại lan truyền trong công chúng. Bây giờ không còn là chuyện giải quyết một vấn đề khoa học thú vị nữa, mà là một nguy cơ nghiêm trọng. Quái vật đó đã biến thành một hòn đảo, một dải đá ngầm di động, bí hiểm, không thể bắt được! Mùng năm tháng ba năm 1867, tàu Mô-ra-vi-an của Công ty tàu biển Mông-rê-an đang chạy nhanh ở 27,30 độ vĩ và 72,15 độ kinh bỗng đâm phải một dải đá ngầm không thấy ghi trên một bản đồ hoa tiêu nào. Nhờ gió thuận và động cơ mạnh bốn trăm sức ngựa, chiếc tàu chạy với tốc độ mười ba hải

lý một giờ. Tàu đâm mạnh đến nỗi nếu vỏ tàu không thật vững vàng thì nhất định sẽ bị đắm cùng với hai trăm ba mươi bảy thủy thủ và hành khách từ Ca-na-đa về. Cuộc va chạm xảy ra lúc rạng đông, khoảng năm giờ sáng. Các sĩ quan trực nhật lao tới mũi tàu. Họ xem xét rất kỹ mặt biển, nhưng chẳng thấy gì đáng nghi ngờ, ngoài một đợt sóng to nổi lên cách đó hơn nửa ki-lô-mét. Xác định tọa độ xong, tàu Mô-ra-vi-an lại tiếp tục hành trình mà không thấy chỗ nào bị hư hại. Nó đã va phải cái gì vậy? Một dải đá ngầm hay xác một chiếc tàu bị đắm? Chẳng ai biết cả. Nhưng sau đó, khi xem xét phần dưới của tàu ở xưởng sửa chữa, người ta thấy một bộ phận của lòng tàu bị hư hại. Sự kiện nghiêm trọng này chắc cũng có thể bị lãng quên nhanh chóng như nhiều sự kiện khác tương tự, nếu ba tuần sau đó nó không được lặp lại trong những điều kiện y hệt. Và cũng do chiếc tàu mang cờ một cường quốc và thuộc một công ty hàng hải nên tin xảy ra tai nạn được truyền đi rất rộng...

Ngày 13 tháng 4 năm 1867, tàu Xcốt-len cũng thuộc công ty nói trên đang ở 15,37 độ kinh và 45,37 độ vĩ. Biển lặng, gió nhẹ. Nhờ động cơ rất mạnh, tàu chạy hơn mười ba hải lý một giờ. Guồng bánh quay đều trong sóng biển. Bốn giờ mười bảy phút chiều, khi hành khách đang ăn trong phòng ăn thì thân tàu bỗng rung lên vì va nhẹ vào một vật gì đó ở phía lái, sau guồng bên

trái một chút. Xét tính chất của va chạm, có thể đoán là tàu vừa bị một vật nhọn đâm vào. Nhưng có lẽ cũng chẳng ai chú ý tới sự việc đó nhiều, nếu thợ đốt lò không chạy lên boong và kêu ầm lên:

-Hầm tàu bị thủng! Hầm tàu bị thủng! Trong giây phút đầu, hành khách hoang mang nhốn nháo, nhưng thuyền trưởng An-đốc-xơn đã làm họ bình tĩnh lại. Thực ra tàu không bị đe dọa gì. Vì nó được chia thành bảy ngăn riêng biệt không thấm nước, nên một chỗ rò rỉ nhỏ chẳng đáng sợ. An-đốc-xơn lập tức xuống hầm tàu. ạng ta thấy ngăn số năm bị ngập nước. Căn cứ vào tốc độ nước ừa vào, thì lỗ thủng ở thân tàu khá to. Cũng may là ở ngăn này không có nồi hơi, nếu có thì đã bị tắt ngấm. An-đốc-xơn ra lệnh tắt máy và cử một thủy thủ lặn xuống nước xem xét chỗ thủng. Một phút sau xác định được rằng phần dưới thân tàu có một lỗ thủng rộng hai mét. Vì không có khả năng bịt kín chỗ đó nên tàu Xcôt-len phải tiếp tục hành trình, để guồng bánh xe ngập một nửa xuống nước. Tai nạn xảy ra cách mũi Cle ba trăm hải lý. Thế là tàu Xcôt-len cập bến Li-vớc-pun chậm mất ba ngày, làm mọi người hết sức lo lắng. Tàu được đưa vào xưởng sửa chữa để các kỹ sư xem xét. Họ không tin ở mắt mình nữa! ở thân tàu, dưới mặt nước hai mét rưỡi, có một lỗ thủng hình tam giác cân. Ba cạnh của lỗ thủng rất nhẵn, tựa như bị kéo cắt. Rõ ràng là vật

chọc thủng thân tàu phải có độ rắn rất cao. Hơn nữa sau khi xuyên qua lá thép dày bốn cen-ti-mét, nó tự rút ra được. Sự việc đó không ai giải thích nổi!

Từ ngày đó, tất cả những tai nạn ngoài biển mà không có nguyên nhân đều quy cả cho quái vật. Nó phải chịu trách nhiệm về nhiều vụ đắm tàu. Đáng tiếc rằng số tàu bị đắm khá lớn và ít nhất có hai trăm trong số tàu đắm được coi là "mất tích". Dù sao thì cũng do quái vật mà giao thông giữa các lục địa ngày càng nguy hiểm. Dư luận tha thiết yêu cầu phải trừ khử quái vật đó bằng bất kỳ giá nào.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 2

Tán thành và phản đối

Khi xảy ra những việc vừa kể trên thì tôi đã hoàn thành công việc nghiên cứu ở bang Nê-brát-xca (bắc Mỹ) và đang quay về. Chính phủ Pháp cử tôi vào đoàn nghiên cứu khoa học với tư cách là phó giáo sư của Viện bảo tàng lịch sử tự nhiên Pa-ri. Sau khi đã đi khắp miền Nê-brát-xca trong sáu tháng và thu thập được những bộ hiện vật hết sức quý giá, cuối tháng ba tôi về tới Niu I-ooc. Tôi dự định sẽ lên đường về Pháp vào đầu tháng năm. Vì vậy, mấy ngày rồi rỗi còn lại trước khi xuống tàu, tôi dành để xếp loại những bộ sưu tập về khoáng vật, thực vật và động vật của tôi. Chính lúc đó tàu Xcôt-len gặp nạn. Tất nhiên tôi theo dõi sát mọi việc đã làm dư luận xôn xao. Tôi đã đọc đi đọc lại tất cả những báo chí châu Mỹ và Châu Âu, nhưng những cái đó cũng chẳng soi sáng gì thêm cho vấn đề đang làm mọi người thắc mắc. Câu chuyện bí hiểm đã kích thích tính tò mò của tôi...

Tôi tới Niu I-ooc đúng lúc đang nổi lên những cuộc tranh cãi gay gắt xung quanh câu chuyện này. Những giả thiết về hòn đảo di động, về dải đá ngầm do những người ít thẩm quyền đề ra, đã bị vứt bỏ hoàn toàn. Thật vậy "dải đá ngầm" sao có thể di chuyển với tốc độ như vậy nếu nó không có máy móc cực mạnh? Giả thiết cho rằng đó là xác một chiếc tàu khổng lồ bị đắm trôi đi với tốc độ ghê gớm như vậy cũng bị gạt bỏ. Còn lại hai giả thiết có người ủng hộ: một số người cho rằng mọi sự bất hạnh đều do một con vật khổng lồ gây ra; một số khác thì cho rằng đó là một chiếc tàu ngầm có động cơ cực mạnh. Giả thiết cuối cùng đó có vẻ gần sự thật hơn cả, nhưng lại bị bác bỏ sau những cuộc điều tra ở cả hai bán cầu. Khó có thể tin rằng một tư nhân nào lại có được một chiếc tàu như vậy. Nó đã được đóng bao giờ và ở đâu? Và việc đóng một chiếc tàu khổng lồ như vậy làm sao có thể giữ kín được? Chỉ nhà nước mới có thể chế tạo ra những loại máy có sức phá hoại ghê gớm như vậy. ở thời đại chúng ta, khi trí tuệ con người rất thành thạo trong việc sáng chế ra những công cụ giết người thì cũng dễ tin được rằng có một nước nào đó đã bí mật chế tạo và đem thử chiếc tàu khủng khiếp này. Nhưng cuối cùng giả thiết về một chiếc tàu ngầm quân sự đã đổ sụp, vì tất cả các chính phủ đều tuyên bố là không dính dáng gì đến chuyện này. Không thể nghi ngờ được sự thành thật của những bản tuyên bố đó, vì các đường biển quốc tế đều bị đe dọa. Hơn nữa,

việc đóng một chiếc tàu ngầm khổng lồ như vậy không thể thoát khỏi sự chú ý của dư luận. Giữ bí mật trong những điều kiện như vậy đối với tư nhân đã hết sức khó, còn đối với từng nước là điều không tưởng vì mỗi hành động của họ đều bị các cường quốc đối địch theo dõi gắt gao. Thế là sau khi điều tra ở các nước Anh, Pháp, Nga, Phổ, Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Mỹ và cả Thổ nữa, giả thiết về tàu ngầm đã phá sản hoàn toàn. Mặc dù bị những tờ báo lá cải chế giễu, con quái vật kia lại nổi lên mặt nước. óc tưởng tượng được kích động lại vẽ nên những bức tranh vô lý nhất trong lĩnh vực khoa học viễn tưởng. Về tới Niu I-ooc, tôi có vinh dự được nhiều người đến hỏi ý kiến về vấn đề này. ở Pháp tôi có cho xuất bản cuốn sách in thành hai tập, nhan đề "Những bí mật của biển sâu". Cuốn sách đó được giới khoa học hoan nghênh và đã khiến tôi trở thành chuyên gia nổi tiếng về một lĩnh vực ít được nghiên cứu của lịch sử tự nhiên. Người ta yêu cầu tôi phát biểu ý kiến về vấn đề này. Nhưng trong tay tôi không có một tài liệu cụ thể nào nên tôi từ chối, lấy cớ là hoàn toàn không hiểu biết gì cả. Tuy nhiên, bị dồn vào chân tường, tôi đành phải nói lên phán đoán của mình. Và cuối cùng, "Tôn ông A-rô-nắc", giáo sư viện bảo tàng Pa-ri, mà các phóng viên báo Niu I-oóc Hê-ron yêu cầu "phát biểu ý kiến" phải đầu hàng. Tôi lên tiếng vì im lặng mãi cũng không tiện. Tôi xem xét vấn đề về cả mọi mặt chính trị và khoa học.

Tôi xin trích ra đây mấy đoạn trong bài báo đăng ngày 30-4:

“Sau khi cân nhắc từng giả thiết đã được đề ra và không có những giả thiết khác vững chắc hơn, chúng ta đành thừa nhận sự tồn tại của một con vật sống dưới biển có sức mạnh phi thường. Những lớp nước sâu của đại dương hầu như chưa được nghiên cứu. Chưa một cuộc thăm dò nào xuống được tới những lớp nước đó. Cái gì đang xảy ra dưới vực thẳm chưa ai biết đến ấy? Những sinh vật nào đang sống và có thể sống ở độ sâu mười hai, hay mười lăm hải lý dưới mặt biển? Cơ thể của chúng ra sao? Bất kỳ giả thiết nào cũng chỉ là phỏng đoán mà thôi. Nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta có thể giải quyết bằng hai cách: Hoặc là chúng ta đã biết hết các loài sinh vật sống trên hành tinh chúng ta, hoặc là chưa biết hết. Nếu ta chưa biết hết, nếu trong lĩnh vực ngư học, thiên nhiên còn giấu ta nhiều điều bí mật, thì chẳng có cơ sở nào để không thừa nhận sự tồn tại của những con cá, hay động vật có vú thuộc những giống, loài mà ta chưa biết, những sinh vật đặc biệt sống được ở các lớp nước sâu; chỉ thỉnh thoảng mới nổi lên mặt biển do tác động của các Quy luật vật lý nào đó, hoặc do tính khí bất thường của thiên nhiên. Trái lại, nếu ta đã biết hết các loài động vật, thì cần tìm kiếm con vật nói trên trong số những con vật biển đã được phân loại, trong trường hợp này, tôi sẵn sàng cho rằng đây là một con cá thiết hình khổng lồ. Cá

thiết hình bình thường, hay cá một sừng, dài tới mười tám mét. Hãy nhân kích thước nó lên năm lần, mười lần, hãy cho nó một sức mạnh, một cái sừng cân xứng với thân hình nó. Như vậy các bạn sẽ hình dung được con quái vật! Nó sẽ có kích thước mà các sĩ quan tàu Sa-nơn cho biết, có cái sừng nhọn đâm thủng được tàu Xcôt-len và các tàu vượt đại dương khác. Cá thiết hình có một sừng lớn sắc như gươm và rắn như thép. Người ta đã nhiều lần thấy những vết thương trên mình cá voi là loại động vật mà bao giờ cá thiết hình cũng đánh thắng.

Nhiều khi người ta lấy được những mảnh vụn của sừng cá ở vỏ tàu bằng gỗ bị đâm thủng. Viện bảo tàng của Đại học y khoa Pa-ri có một cái sừng cá thiết hình dài hai mét hai mươi lăm cen-ti-mét, chu vi chỗ to nhất là bốn mươi tám cen-ti-mét. Chúng ta hãy hình dung một cái sừng lớn hơn mười lần, con cá mạnh hơn mười lần, bơi nhanh hai mươi năm hải lý một giờ, hãy nhân khối lượng của con cá với tốc độ của nó, thì sẽ hiểu được nguyên nhân gây ra tai nạn. Tóm lại, trong khi chờ đợi những tin tức đầy đủ hơn, tôi nghiêng về ý kiến cho rằng đây là một con cá thiết hình khổng lồ có sừng nhọn, lớn như những tàu chiến bọc thép và cũng di chuyển nhanh như vậy. Tôi xin giải thích hiện tượng bí hiểm này như trên, nhưng với điều kiện là nó phải có thực chứ không phải là chuyện bịa đặt (điều này cũng có thể xảy ra)."

Những lời cuối cùng là mưu mẹo của tôi: tôi muốn giữ uy tín của nhà bác học và không muốn cho dân Mỹ, một dân tộc hay đùa cợt, có cơ để nhạo báng. Tôi đã để lại một con đường để rút lui. Thực lòng tôi rất tin rằng đây là một quái vật. Bài báo của tôi đã gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi và được nhiều người đọc. Có cả những người tán thành tôi. Cách giải quyết vấn đề do tôi đề nghị, cho phép người ta được hoàn toàn tự do tưởng tượng. Trí tuệ con người được thỏa thích tạo nên hình tượng những con vật khổng lồ, mà những động vật trên trái đất như: voi, tê giác, nếu đứng cạnh chỉ là những chú chim chích. Môi trường nước sản ra những loài có vú rất lớn, có lẽ cả những loài nhuyễn thể khổng lồ, những loài giáp xác khổng khiếp, những con cua nặng hai trăm tấn! Đã có một thời, những động vật trên trái đất, những loài bốn chân bốn tay, bò sát và chim đều có hình thù đồ sộ. Sau đó thời gian đã rút ngắn kích thước của chúng lại. Vì sao ta không thể cho rằng dưới các lớp biển sâu chưa được nghiên cứu còn bảo tồn được những động vật khổng lồ của những thời kỳ xa xưa nhất?

Nhưng nếu tất cả câu chuyện huyền bí đó đối với một số người chỉ có ý nghĩa thuần túy khoa học, thì những người có đầu óc thực tế hơn, đặc biệt là người Mỹ và người Anh, lại rất lo lắng đến sự an toàn của các đường giao thông vượt đại dương và đặt

việc trừ khử con quái vật ra một cách cấp thiết. Báo chí đại diện quyền lợi của các giới công nghiệp và tài chính xem xét vấn đề này một cách nguyên tắc, nghĩa là từ mặt thực tế này. Dư luận các nước, trước hết là Mỹ, ủng hộ sáng kiến đó của giới kinh doanh. ở Niu I-ooc, người ta bắt đầu chuẩn bị một chuyến đi đặc biệt, nhằm tìm kiếm con cá thiết hình đó. Chiếc tàu chiến A-bram Lin-côn phải gấp rút ra khơi ngay. Cửa các kho quân sự được mở ra để cung cấp mọi thứ cần thiết cho thuyền trưởng Pha-ra-gút, chỉ huy tàu. Nhưng đúng lúc có quyết định trang bị cho đoàn thám hiểm, thì con cá lại biến mất. Suốt hai tháng trời con cá chẳng thấy tăm hơi nó đâu. Chẳng một chiếc tàu nào gặp nó. Hình như con cá cảm thấy người ta đang mưu hại nó. Người ta đã nói đến chuyện đó quá nhiều! Lại truyền đi bằng cả đường điện tín đặt ngầm dưới Đại Tây Dương nữa! Những người hay đùa quả quyết rằng con cá xảo quyệt đó đã tóm được bức điện và đã có những biện pháp đề phòng. Chiếc tàu chiến đã chuẩn bị xong để đi xa, được trang bị loại đạn bắn cá voi rất mạnh, nhưng sẽ đi hướng nào thì chẳng ai được biết. Tình trạng căng thẳng đang lên tới đỉnh cao thì bỗng ngày 2 tháng 7 có tin đồn là chiếc tàu chạy thường xuyên giữa Xan Phran-xit-xcô và Thượng Hải ba tuần trước đây đã gặp quái vật ở phía bắc Thái Bình Dương. Tin đó đã gây một ấn tượng rất mạnh. Thuyền trưởng Pha-ra-gút chỉ còn không đầy hai mươi bốn tiếng đồng hồ để chuẩn bị.

Lương thực đã được chất lên tàu. Các hầm tàu đầy ắp than. Thủy thủ đã tập hợp đông đủ. Chỉ còn việc đốt lò và nhổ neo! Pha-ra-gút không được phép chậm trễ dù chỉ mấy giờ! Vả lại, chính Pha-ra-gút cũng nôn nóng muốn ra khơi ngay. Trước khi tàu Lin-côn nhổ neo ba tiếng đồng hồ, tôi nhận được một bức thư, nội dung như sau:

Kính gửi Ngài A-rô-nắc, giáo sư Viện bảo tàng Pa-ri. Khách sạn "Đại lộ số 5" Niu I-oóc, Thưa Ngài, Nếu Ngài có ý muốn tham gia đoàn thám hiểm trên tàu A-bram Lin-côn, thì chính phủ Mỹ sẽ lấy làm hài lòng về việc Ngài thay mặt nước Pháp đóng góp vào việc này, Thuyền trưởng Pha-ra-gút sẽ dành cho Ngài một phòng riêng trên tàu. Kính chào Ngài Bộ trưởng Bộ hàng hải Đ.B.Hộp-Xon.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 3

Xin tùy giáo sư

Khi nhận được thư của ông Hốp-Xơn, tôi đang vừa nghĩ nhiều về việc bắt con cá một sừng, vừa nghĩ nhiều về ý định vượt qua những cánh đồng Tây -Bắc. Tuy vậy, đọc xong thư của ông bộ trưởng, tôi hiểu ngay rằng sứ mệnh thực sự của tôi, mục đích của cả cuộc đời tôi là phải tiêu diệt được con quái vật này, không cho nó làm hại mọi người. Tôi vừa kết thúc một cuộc hành trình gian khổ nên rất mệt mỏi và cần nghỉ ngơi. Tôi rất mong trở về Tổ quốc, về với bạn bè và căn phòng ở Vườn bách thú, về với những bộ sưu tập quý giá của tôi! Nhưng không gì có thể ngăn cản tôi tham gia đoàn thám hiểm này. Sự mệt nhọc, bạn bè, những bộ sưu tập -tất cả đều bị quên đi! Không cần suy nghĩ nhiều, tôi nhận ngay lời mời của chính phủ Mỹ. Tôi nghĩ:

“Dù thế nào, mọi con đường cũng đều dẫn tới bờ biển nước Pháp! Nó sẽ giúp ta mang về Viện bảo tàng tự nhiên Pa-ri cái

sừng dài không dưới nửa mét của nó". Nhưng trong khi chờ đợi tương lai xa xôi đó, tôi còn phải tìm nó ở phía bắc Thái Bình Dương, nói khác đi, là phải đi về phía ngược với nước Pháp.

-Công-xây!

-Tôi nóng ruột gọi to. Công-xây là người giúp việc tôi và theo tôi đi khắp nơi. Tôi mến anh ta và anh ta cũng quý tôi. Công-xây tính điềm đạm, trung thực, cần cù, thường nhìn nhận các bước ngoặt của số phận một cách triết lý, rất khéo tay và luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Trái hẳn với tên gọi, anh ta chẳng bao giờ khuyên ai, ngay cả khi người ta đến hỏi ý kiến. Vì thường xuyên tiếp xúc với giới khoa học của Vườn bách thú. Công-xây học tập được nhiều điều. Anh ta chuyên về phân loại tự nhiên, rất thành thạo về các "kiểu, nhóm, lớp, bộ, họ, giống, loài". Nhưng kiến thức của anh ta đến đây cũng là hết. Phân loại là năng khiếu tự nhiên của Công-xây, anh ta không tiến xa nữa. Nhưng dù sao Công-xây cũng là người rất tốt. Mười năm nay, Công-xây theo tôi trong tất cả các chuyến đi nghiên cứu. Tôi chưa hề thấy anh ta kêu ca phàn nàn khi chuyến đi bị kéo dài hay gặp khó khăn, gian khổ, Công-xây sẵn sàng theo tôi đi bất kỳ nước nào, dù đó là Trung Quốc hay Công-

gô, dù đường xa đến mấy. Ngoài ra, Công-xây có thể tự hào về sức khỏe hiếm có bất chấp mọi bệnh tật, về những bắp thịt rắn chắc và một hệ thần kinh rất vững vàng. Công-xây ba mươi tuổi, so với tuổi tôi thì như mười lăm so với hai mươi. Xin các bạn thứ lỗi cho cách diễn đạt rắc rối của tôi vì đó chỉ là cách thú nhận rằng tôi đã bốn mươi tuổi! Nhưng Công-xây có một nhược điểm. Là người câu nệ hình thức, anh ta bao giờ cũng gọi tôi là "giáo sư", điều đó làm tôi rất bực mình.

-Công-xây!

-Tôi gọi lần thứ hai và hồi hải chuẩn bị lên đường. Tôi rất tin ở lòng trung thành của Công-xây. Thông thường, tôi không hỏi xem anh ta có đồng ý đi theo tôi không, nhưng chuyến đi này có thể sẽ kéo dài chưa biết đến bao giờ, có thể sẽ nguy hiểm, vì đây là cuộc săn bắt một con vật có khả năng đánh chìm tàu chiến xuống biển như một cái vỏ hạt dẻ! Mọi người dù dừng dừng đến đâu cũng phải suy nghĩ ít nhiều!

-Công-xây!

-Tôi gọi lần thứ ba. Công-xây xuất hiện.

-Giáo sư gọi tôi ạ?

-Anh ta vừa vào vừa hỏi.

-Đúng vậy, anh bạn ạ. Anh hãy thu xếp đồ đạc của tôi và chuẩn bị cho mình nữa. Hai giờ nữa chúng ta sẽ lên đường!

-Xin tùy giáo sư, -Công-xây bình thản trả lời.

-Không được lè mề một chút nào! Anh xếp tất cả hành lý, quần áo của tôi vào va-li, càng nhiều càng nhanh càng tốt.

-Còn những bộ sưu tập của giáo sư thì sao ạ?

-Công-xây hỏi.

-Chúng ta sẽ giải quyết sau.

-Sao lại sau ạ?

-Chúng sẽ được bảo quản ở khách sạn. Rồi tôi sẽ cho gửi về Pháp.

-Thế chúng ta không về Pa-ri ạ?

-Ừ... tất nhiên sẽ về... nhưng có lẽ phải đi vòng một chút...

-Xin tùy ý giáo sư. Đi vòng cũng được ạ!

-Vòng một chút thôi! Chúng ta chỉ đi chệch đường thẳng một chút thôi! Và đi bằng tàu A-bram Lin-côn.

-Xin tùy giáo sư.

-Công-xây ngoan ngoãn trả lời.

-Anh bạn ạ, anh biết không, chúng ta sẽ đi để trừ khử con quái vật, con cá thiết hình nổi tiếng đó. Tác giả bộ sách "Những bí mật của biển sâu" không thể từ chối việc đi cùng thuyền trưởng Pha-ra-gút trong chuyến thám hiểm này được. Nhiệm vụ thực vinh quang nhưng cũng rất nguy hiểm, vì phải hành động một cách mờ mịt và con quái vật có nhiều điều bí ẩn. Nhưng dù thế nào, thuyền trưởng của chúng ta cũng sẽ không cho nó thoát!...

-Giáo sư đi đâu, tôi xin đi đó ạ, -Công-xây trả lời.

-Anh cứ nghỉ kỹ đi! Tôi chẳng muốn giấu anh điều gì cả. Tham gia những cuộc thám hiểm thế này có thể sẽ không trở về đây.

-Xin tùy giáo sư. Mười lăm phút sau, va-li đã xếp xong. Công-xây chuẩn bị rất nhanh, có thể bảo đảm là anh chẳng quên gì, vì anh ta xếp quần áo cũng thạo như phân loại chim và cá vậy.

Người phục vụ ở khách sạn mang hành lý của chúng tôi ra phòng ngoài. Tôi chạy vội xuống tầng dưới, thanh toán tiền nong ở văn phòng khách sạn, nơi luôn luôn tấp nập khách mới đến. Tôi yêu cầu chuyển về Pa-ri những kiện hàng gồm tiêu bản động vật và thực vật đã sấy khô. Sau đó, tôi và Công-xây nhảy lên xe ngựa. Một phút sau, xe đỗ ở bến, nơi tàu Lin-côn đang thả từng cuộn khói dày đặc. Hành lý của chúng tôi được mang ngay lên boong. Tôi chạy lên tàu và hỏi thuyền trưởng Pha-ra-gút. Một thủy thủ dẫn tôi đi. Một sĩ quan tư thế hùng dũng bắt tay tôi và hỏi:

-Ngài là Pi-e A-rô-nắc?

-Vâng. Còn ngài là thuyền trưởng Pha-ra-gút?

-Vâng, chính tôi! Xin chào giáo sư! Chúng tôi đã dành cho ngài một phòng riêng! Tôi đáp lễ và biết thuyền trưởng đang rất bận chuẩn bị cho tàu nổ máy nhổ neo, tôi chỉ đề nghị cho biết phòng

riêng của tôi ở đâu. Tàu Lin-côn rất thích hợp với nhiệm vụ mới. Đó là một chiếc tàu chiến có những máy móc tối tân chạy bằng hơi nước có áp suất tới bảy at-mốt-phe. Với áp suất đó, tàu Lin-côn chạy nhanh mười tám hải lý một giờ. Tốc độ như vậy là nhanh nhưng tiếc thay vẫn chưa đủ để đuổi bắt con cá khổng lồ kia. Sự trang trí bên trong tàu cũng tương xứng với những phẩm chất hàng hải của tàu. Tôi rất hài lòng về căn phòng riêng ở phía lái và thông với phòng ăn.

-Chúng ta ở đây rất tiện, -tôi bảo Công-xây.

-Thưa giáo sư vâng. Tôi bảo Công-xây mở va-li, xếp ra những đồ dùng cần thiết còn tôi thì lên boong xem tàu chuẩn bị nhổ neo. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Pha-ra-gút hạ lệnh tháo dây neo tàu Lin-côn ở bến Blúc-lin. Nếu tôi đến chậm 15 phút, thậm chí ít hơn, thì có lẽ tàu đã lên đường và tôi sẽ không được tham gia cuộc thám hiểm rất đặc biệt, có một không hai này, cuộc thám hiểm dù có thuật lại một cách chân thực cũng vẫn bị coi như một chuyện bịa đặt hoàn toàn. Thuyền trưởng Pha-ra-gút không để mất một ngày, một giờ nào. ạng ta phải tức tốc tới những vùng biển đã phát hiện ra quái vật. Pha-ra-gút gọi trưởng máy lên hỏi:

-áp suất đã đủ chưa?

-Thưa, đủ.

-Cho tàu chạy!

-Pha-ra-gút ra lệnh. Mệnh lệnh lập tức được truyền xuống buồng máy. Chân vịt quay ngày càng nhanh. Tàu Lin-côn hùng dũng tiến quân, có hàng trăm xuồng và tàu kéo chở đầy người tiễn đưa long trọng. Bến tàu Blúc-lin và tất cả khu vực dọc sông It-ri-vơ của Niu I-ooc chật ních người. Những tiếng hoan hô từ miệng năm mươi vạn người vang lên không ngớt. Hàng ngàn khăn tay được tung lên trời cho tới khi tàu Lin-côn ra tới vịnh Hút-dôn ở mỏm ngoài cùng của bán đảo, nơi thành phố Niu I-ooc đang xây dựng. Ba giờ chiều. áp lực hơi nước tăng lên, chân vịt quay ngày càng nhanh. Chiếc tàu chạy dọc theo bờ cát thấp Long Ai-len và tới gần tám giờ sáng thì mở hết tốc lực vượt trên sóng nước Đại Tây Dương đen thẫm.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 4

Nét len

Thuyền trưởng Pha-ra-gút là một người đi biển dày kinh nghiệm, thực xứng đáng với chiếc tàu chiến mà ông ta chỉ huy. Pha-ra-gút với con tàu chỉ là một. ạng ta là linh hồn của tàu. ạng ta không mảy may nghi ngờ sự tồn tại của con cá, nhưng cũng không cho phép ai được bàn tán nhằm nhí về vấn đề đó. ạng ta tin là có con quái vật không phải bằng óc mà bằng tim. Pha-ra-gút sẽ trừ khử được nó -ông ta thề như vậy.

Hoặc là thuyền trưởng Pha-ra-gút sẽ diệt con cá thiết hình, hoặc là con cá sẽ giết chết Pha-ra-gút. Không thể có sự thỏa hiệp nào! Toàn thể thủy thủ nhất trí với thuyền trưởng. Điều đó thể hiện rất rõ khi họ bàn luận, tranh cãi với nhau, khi họ cân nhắc từng khả năng giúp họ tìm ra con quái vật một cách nhanh chóng nhất, khi họ chăm chú quan sát mặt biển! Ngay cả những sĩ quan, lúc bình thường vẫn xem việc trực ban là một nhiệm vụ khổ sai, giờ đây

cũng sẵn sàng trực thêm giờ. Về phía thủy thủ thì họ chỉ có một nguyện vọng: tìm thấy con cá một sừng, bắn trúng nó, kéo lên tàu rồi xả ra từng mảnh. Họ quan sát mặt biển một cách căng thẳng. Cần nói thêm rằng thuyền trưởng Pha-ra-gút đã hứa là sẽ thưởng hai ngàn đô-la cho người nào phát hiện ra quái vật đầu tiên, không kể là thủy thủ đang học nghề, thủy thủ hay sĩ quan. Tôi cũng chẳng thua gì mọi người, tôi cũng đứng trên boong ngày này sang ngày khác. Chỉ có Công-xây là tỏ vẻ dửng dưng trước chuyện này và không hề có cái tâm trạng bị kích động đang lan tràn trên tàu. Thuyền trưởng Pha-ra-gút đã trang bị cho tàu của mình tất cả những thứ cần thiết để đánh con cá voi khổng lồ. Không một chiếc tàu đánh cá voi nào có thể được trang bị tốt hơn. Trên tàu Lin-côn có tất cả các thứ đạn bắn cá voi hiện đại nhất, từ loại đạn giống mũi tên nhọn phóng đi bằng tay, đến các loại đạn phá bắn bằng súng nòng dài. Phía mũi tàu có một cỗ đại bác kiểu cải tiến bắn loại đạn hình nón nặng bốn ki-lô-gam đi xa mười sáu ki-lô-mét. Tóm lại, tàu Lin-côn được trang bị tất cả các loại vũ khí ghê gớm nhất. Nhưng chưa hết! Trên tàu còn có Nét Len - "vua" bắn cá voi. Nét Len, gốc Ca-na-đa, là thợ săn cá voi giỏi tuyệt vời. Anh ta chưa hề gặp đối thủ trong cái nghề nguy hiểm của mình. Ở Nét Len, sự khéo léo và bình tĩnh, lòng can đảm và sự nhanh trí đã kết hợp với nhau một cách cân đối. Cá voi hay cá nhà táng phải quỷ quyệt ranh ma lắm mới thoát được

phát đạn của anh ta. Nét Len khoảng gần bốn mươi tuổi. Anh ta cao lớn, vạm vỡ, vẻ mặt khắc khổ, ít cười mở, nóng tính, nên hơi một chút là nổi giận đùng đùng. Vẻ bề ngoài của anh ta làm mọi người chú ý, đặc biệt là đôi mắt cương nghị. Tôi cho rằng thuyền trưởng Pha-ra-gút đã hành động đúng khi mời Nét Len tham gia cuộc tìm kiếm. Cánh tay rắn chắc và đôi mắt tinh tường của anh ta cũng bằng tất cả đội thủy thủ rồi. Có thể ví Nét Len như một cái kính viễn vọng đồng thời là một khẩu đại bác luôn luôn sẵn sàng nhả đạn. Người Ca-na-đa thì cũng là người Pháp, và tôi phải thú thực rằng, mặc dù ít cười mở, Nét Len vẫn có đôi chút cảm tình với tôi; chắc anh ta bị quốc tịch của tôi hấp dẫn. Đã có dịp anh ta nói với tôi bằng tiếng Pháp, một thứ tiếng Pháp cổ từ thời Ra-bơ-le hiện còn dùng ở một số tỉnh của Ca-na-đa.

Nét xuất thân từ một gia đình gốc rễ lâu đời ở thành phố Quê-béc thuộc dòng dõi những thủy thủ can trường từ thời thành phố còn thuộc Pháp. Dần dần Nét cởi mở hơn, và tôi sẵn lòng nghe anh ta kể chuyện cuộc đời phiêu bạt của mình ở vùng biển Bắc và Nam cực. Chuyện đánh cá của Nét, chuyện chiến đấu tay đôi với cá voi đượm một chất thơ chân thực. Nét kể chuyện theo lối anh hùng ca, đôi lúc tôi có cảm tưởng như đang nghe một Hô-me người Ca-na-đa đang ca I-li-át... Tôi miêu tả con người can đảm đó đúng như tôi hiểu anh ta hiện nay. Tôi đã kết bạn với Nét.

Chúng tôi ràng buộc với nhau bằng một tình bạn không gì phá vỡ nổi, một tình cảm nảy nở và củng cố qua những thử thách gay go của cuộc đời. Nét cừ lắm! Tôi sẵn sàng sống thêm một trăm năm nữa để nhớ tới anh, Nét ạ! Nhưng Nét có ý kiến gì đối với con vật đó? Phải thú thực rằng anh ta không tin sự tồn tại của con cá một sừng thần bí ấy. Và là người duy nhất trên tàu không tán thành sự mù quáng của số đông. Thậm chí anh ta lảng tránh không động chạm tới chuyện con quái vật mà tôi có lần định nói với anh ta. Buổi chiều ngày 30 tháng 7 tuyệt đẹp, ba tuần sau khi tàu nhổ neo, chúng tôi tới gần mũi Blăng. Tàu vượt qua chí tuyến nam và chỉ còn bảy trăm hải lý nữa về phía nam là tới eo biển Ma-gien-lăng. Tám ngày nữa tàu Lin-côn sẽ bắt đầu rẽ sóng Thái Bình Dương! Tôi và Nét Len ngồi ở phía trước tàu nói chuyện phiếm, mắt không rời khỏi mặt biển. Câu chuyện tất nhiên chuyển sang vấn đề con cá một sừng, khổng lồ. Tôi bắt đầu điếm qua tất cả các trường hợp có thể quyết định ít nhiều sự thất bại của chuyến đi này. Nhưng thấy Nét lảng tránh, tôi đặt thẳng vấn đề:

-ạ Nét ạ, sao ông có thể nghi ngờ sự tồn tại của con cá mà chúng ta đang tìm diệt? Ạ có cơ sở gì để không tin vào những sự việc đã xảy ra? Nét đưa mắt nhìn tôi khoảng một phút. Trước khi trả lời, anh ta theo thói quen vỗ trán một cái rồi nhắm mắt lại

dường như để tập trung tư tưởng, rồi mới nói:

-Có cơ sở vững chắc, ngài A-rô-nắc ạ!

-ạng hãy nghe tôi, ông Nét! ạng là thợ săn cá voi chuyên nghiệp, ông đã từng gặp những con cá rất lớn. Lẽ ra ông phải tin hơn nhiều người khác là có một con cá khổng lồ thật, như thế mới đúng. Ai chứ ông thì trong trường hợp này không nên là kẻ nghi ngờ.

-Ngài làm rồi, giáo sư ạ. Nếu người dốt nát tin rằng có những ngôi sao chổi báo điềm dữ đang bay trên trời, rằng trong lòng đất có những con quái vật thời cổ xưa thì họ cứ việc tin! Nhưng nhà thiên văn học và nhà địa chất học thì thấy những chuyện huyền hoặc đó thật nực cười. Người đánh cá voi cũng vậy. Tôi đã bao lần săn cá voi, bắn trúng và diệt được cũng nhiều, nhưng dù chúng có to và khỏe đến đâu thì sừng và đuôi của chúng cũng không thể đâm thủng được vỏ tàu bằng kim loại.

-Nhưng ông Nét ạ, người ta kể lại rằng có những trường hợp rằng cá thiết hình đâm xuyên qua vỏ tàu.

-Tàu gỗ thì được thôi. Nhưng tôi cũng chưa thấy, và khi chưa

thấy tận mắt thì tôi chưa thể tin được rằng cá voi, cá nhà táng và cá một sừng lại có thể đâm thủng tàu.

-ạng hãy nghe tôi, ông Nét...

-Xin lỗi giáo sư! Giáo sư muốn nói gì thì nói, nhưng đó nhất định không phải là cá. Là loại bạch tuộc khổng lồ thì còn có lý hơn.

-Bạch tuộc càng ít khả năng hơn, ông Nét ạ! Bạch tuộc là loài có thân mềm. Dù nó dài một trăm năm mươi mét đi nữa thì nó vẫn là một loài không xương sống và hoàn toàn vô hại đối với những tàu lớn như Xcôt-len và Lin-côn. Đã đến lúc phải xếp những chuyện hoang đường về chiến công của các loại bạch tuộc và các quái vật tương tự vào kho rồi!

-Tóm lại, thưa nhà nghiên cứu tự nhiên, -Nét hỏi có vẻ châm biếm, -ngài tin chắc con cá voi khổng lồ đó là có thật?

-Đúng! Lòng tin của tôi dựa trên việc đối chiếu các sự kiện một cách lô-gic. Tôi tin rằng đó là một động vật có vú, cơ thể rất khỏe, thuộc loại có xương sống, như cá voi, cá nhà táng hay cá heo, và có một cái sừng rắn chắc đặc biệt.

-Hừm!

-Nét lắc đầu nghi ngờ. Tôi nói tiếp:

-àng bạn Ca-na-đa rất đáng kính ời, ông nên nhớ rằng, nếu con cá đó có thật, nếu nó sống dưới biển sâu, ở những lớp nước cách mặt biển mấy hải lý, thì tất nhiên nó phải có một cơ thể khỏe mạnh vô cùng.

-Khỏe mạnh thế để làm gì?

-Để chịu được áp lực của những lớp nước phía trên.

-Thật không?

-Nét nheo mắt hỏi.

-Thật chứ! Để chứng minh, tôi có thể dẫn ra mấy con số.

-Con số để làm gì? Con số thì muốn nói thế nào chẳng được!

-Điều đó chỉ đúng trong việc buôn bán chứ không đúng trong

toán học đâu. ạng nghe tôi nói nhé: Ta hãy hình dung áp lực một át-mốt-phe là áp lực một cột nước cao khoảng mười mét. Trên thực tế, cột nước đó thấp hơn một chút vì nước biển đặc hơn nước ngọt. Vậy khi ông lặn xuống nước sâu khoảng mười mét, thì mỗi cen-ti-mét vuông trên người ông phải chịu áp lực một áp-mốt-phe. Từ đây, ta có thể tính rằng ở độ sâu một trăm mét, áp lực nước bằng mười át-mốt-phe; ở độ sâu một ngàn mét, áp lực nước bằng một trăm át-mốt-phe; ở độ sâu một vạn mét, áp lực nước bằng một ngàn át-mốt-phe. Tóm lại, nếu ta xuống tới độ sâu thần kỳ như vậy thì mỗi cen-ti-mét vuông trên mình ta phải chịu một ngàn ki-lô-gam. Thế ông có biết bề mặt thân thể người ta là bao nhiêu cen-ti-mét vuông không, ông Nét?

-Thưa ngài, tôi thật không biết ạ.

-Khoảng mười bảy ngàn.

-Thế cơ ạ?

-Vì trong thực tế, áp lực không khí hơi nhỉnh hơn một ki-lô-gam trên một cen-ti-mét vuông nên mười bảy ngàn cen-ti-mét vuông người ông đang phải chịu áp lực mười bảy ngàn năm trăm sáu tám ki-lô-gam đấy!

-Thế mà tôi chẳng thấy gì cả!

-Thấy làm sao được! Dưới áp lực lớn như thế mà người ông không bị đè bẹp, chính vì không khí trong người ông cũng có áp lực như vậy. Nghĩa là có một sự cân bằng hoàn toàn giữa áp lực bên ngoài và bên trong, trung hòa lẫn nhau. Vì thế ông không cảm thấy gì cả. Nhưng ở dưới nước thì hoàn toàn không giống như vậy.

-à, à, tôi hiểu rồi!

-Nét chăm chú nghe rồi trả lời.

-Nước khác với không khí, nó ép từ ngoài vào chứ không thấm được vào trong.

-Chính thế ông Nét ạ! Dưới độ sâu mười mét, ông sẽ chịu áp lực mười bảy nghìn năm trăm sáu tám ki-lô-gam, dưới độ sâu một trăm mét, áp lực đó tăng lên mười lần, nghĩa là bằng một trăm bảy mươi nhăm nghìn sáu trăm tám mươi ki-lô-gam. Nói một cách hình tượng, thì áp lực nước sẽ cán mỏng anh tốt hơn bất cứ một máy ép nào!

-Chà chà, khiếp quá nhỉ!

-Vậy thì, ông bạn bắn cá voi kính mến ơi, nếu một con vật có xương sống dài mấy trăm mét và to ngang tương xứng, có thể sống ở độ sâu như thế, thì mấy triệu cen-ti-mét vuông trên thân nó phải chịu áp lực hàng chục tỷ ki-lô-gam. Con vật đó phải có các cơ mạnh thế nào, cơ thể nó phải có sức đề kháng cao thế nào mới chịu nổi một áp lực lớn như thế!

-Có lẽ nó được bọc một lá thép dày hai mươi cen-ti-mét hệt như cái tàu bọc thép!

-Có lẽ thế đấy, ông Nét ạ. ạng thử nghĩ xem, một khối đồ sộ như vậy, lao đi với tốc độ xe lửa chạy nhanh, mà đâm vào thân tàu thì sẽ có sức phá hoại thế nào!

-Vâng... Đúng vậy... có thể...

-Nét trả lời. Anh ta lúng túng vì những con số đó, nhưng vẫn chưa muốn đầu hàng.

-Thế nào, ông tin rồi chứ?

-Ngài đã thuyết phục tôi được một điều. Nếu quả thực dưới biển sâu có những con vật như vậy thì chúng phải rất khỏe đúng như ngài nói.

-Nhưng nếu ông cứ cãi bướng là chúng không có thực thì ông sẽ giải thích vụ tàu Xcôt-len như thế nào?

-Giải thích thế này...

-Nét ngập ngừng.

-Nào, nào. Nói đi.

Giải thích rằng tất cả những cái đó đều là chuyện bịa đặt! Nhưng trả lời như vậy chỉ chứng tỏ là Nét ương bướng chứ chẳng có gì khác. Hôm đó, tôi để anh ta yên. Vụ tàu Xcôt-len không còn nghi ngờ gì nữa. Tàu bị thủng to đến nỗi phải hàn lại, và tôi thấy chẳng cần đòi hỏi những chứng cứ có tính thuyết phục hơn làm gì. Tàu không thể tự nhiên bị thủng, và vì đã loại trừ những ý kiến cho rằng tàu đã đâm phải một dải đá ngầm hay một viên đạn bắn cá voi, nên mọi sự đều gán cả cho cái sừng nhọn của quái vật. Tóm lại, dựa vào những lý lẽ đã trình bày ở trên, tôi xếp quái

vật vào kiểu có xương sống, lớp có vú, bộ cá voi. Còn xếp nó vào họ, giống, loài nào thì sau này mới biết rõ được. Muốn giải quyết vấn đề này, cần phải mổ quái vật, muốn mổ thì phải bắt được; muốn bắt được thì phải bắn trúng -đó là việc của Nét Len; muốn bắn trúng thì phải tìm ra -đó là việc của cả tàu; muốn tìm ra thì phải gặp -đó lại là chuyện may rủi!

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 5

May rủi

Lúc đầu, tàu Lin-côn chạy một cách đơn điệu. Chỉ có một lần Nét Len được dịp trở tài khiến mọi người phải kính nể. Ngày 30 tháng 6, ở độ vĩ các đảo Ma-lu-in, tàu Lin-côn bắt liên lạc với chiếc tàu đánh cá voi Môn-rô-ê đang đi ngược chiều. Nhưng tàu đó chẳng được tin gì về con cá thiết hình cả. Khi thuyền trưởng tàu Môn-rô-ê biết trên tàu bạn có Nét Len, ông ta bèn yêu cầu Nét bắn giúp con cá voi mà họ đã phát hiện ra ở vùng biển này. Vì tò mò muốn xem Nét làm ăn thế nào, thuyền trưởng Pha-ra-gút cho phép Nét sang tàu Môn-rô-ê. Cuộc săn bắn rất đạt. Nét hạ được những hai con cá voi; một con hạ tại chỗ bằng một phát trúng tim; con thứ hai thì phải săn đuổi mất mấy phút! Thật tình, tôi không dám đảm bảo tính mạng cho con cá voi nào chạm trán với Nét. Tàu lướt nhanh dọc bờ biển đông nam của Nam Mỹ, và ngày mùng 3 tháng 7 đã tới cửa vào eo biển Ma-gien-lăng. Nhưng thuyền trưởng Pha-ra-gút không muốn vào cái eo khúc

khuyết đó nên hướng tàu về mũi Hoóc. Toàn hạm tàu tán thành quyết định của thuyền trưởng. Thực tế làm gì có khả năng gặp con cá một sừng ở eo biển hẹp này! Phần lớn, thủy thủ đều đinh ninh rằng con quái vật khổng lồ không thể bơi qua được eo này. Ngày 6 tháng 7, khoảng ba giờ chiều, tàu Lin-côn vòng qua hòn đảo đơn độc, mỏm đá cực nam của Nam Mỹ mà những người đi biển Hà Lan đã lấy tên thành phố Hoóc quê hương mình để đặt cho. Vòng qua mũi Hoóc, chúng tôi hướng về phía tây bắc và sớm hôm sau tàu bắt đầu vào vùng biển Thái Bình Dương. "Chú ý đây! Chú ý đây!"

Thủy thủ tàu Lin-côn bảo nhau. Họ chăm chú quan sát. Món tiền thưởng hai ngàn đô-la hấp dẫn họ. Mắt họ và ống nhòm chẳng giây phút nào được nghỉ. Ngày đêm họ dõi nhìn mặt biển. Tôi không ham gì tiền thưởng nhưng cũng làm như họ. Ờn, tôi cũng vội, ngủ, cũng chẳng yên. Mặc dù nắng cháy và mưa xối xả, tôi vẫn không rời boong tàu. Tôi dăm dăm nhìn những ngọn sóng bạc đầu lan tận chân trời! Và đã bao lần tôi cùng anh em thủy thủ phải hồi hộp khi thấy cá voi phơi lưng đen trên mặt nước. Những lúc ấy, thủy thủ chạy ùa cả lên boong. Họ nín thở và căng mắt ra theo dõi con cá. Tôi cũng cố sức nhìn; đến mức có thể hỏng võng mô và mù mắt. Nhưng chúng tôi đều hồi hộp một cách uổng công vô ích! Nhiều lần tàu Lin-côn đã tiến sát con cá. Nhưng đó

chỉ là một con cá voi hay cá nhà táng bình thường. Chúng bỏ chạy khi nghe tiếng hò hét của thủy thủ. Trời rất đẹp. Tàu chạy trong những điều kiện thuận lợi, mặc dù lúc đó đang mùa mưa lớn. Biển lặng, tầm nhìn rất xa. Nét Len vẫn tỏ vẻ hoài nghi. Anh ta cố ý không lên boong trong những giờ không phải trực. Cặp mắt tinh tường của anh ta lẽ ra có thể rất được việc. Nhưng trong mười đồng hồ thì tám tiếng anh chàng Ca-na-đa búng bình này ngồi đọc sách hay nằm khăn trong phòng. Tôi đã trách anh ta hàng trăm lần về thái độ dửng dưng này. Nét trả lời:

-à! dào, thưa giáo sư, nếu con quái vật đó có thực thì liệu ta có nhiều may mắn tìm ra nó không? Đúng là ta chỉ tìm nó một cách hú họa. Người ta bảo đã thấy nó ở phía bắc Thái Bình Dương ư? Cho là thế. Nhưng từ ngày đó tới nay đã hai tháng, mà tính con cá không thích ở lâu một chỗ! Chính ngài đã nói:

“Con cá có khả năng di chuyển với tốc độ phi thường!” Thưa giáo sư, ngài hẳn rõ hơn tôi rằng thiên nhiên không tạo ra cái gì không có mục đích. Thiên nhiên chẳng bao giờ phú cho con vật bản chất lười biếng một sự nhanh nhẹn như vậy cả. Vì vậy, nếu con cá là có thật, thì nó đã chuồn đi rất xa rồi! Tất cả vấn đề là như vậy! Chúng tôi đang đi một cách hú họa! Nhưng biết làm thế nào! Hy vọng gặp con cá thiết hình ngày càng mong manh...

Ngày 20 tháng 7, tàu vượt qua chí tuyến nam ở 105 độ kinh và ngày 27 vượt xích đạo ở kinh tuyến 110 độ. Từ đây, tàu hướng mũi về phía tây, về khu vực trung tâm của Thái Bình Dương. Thuyền trưởng Pha-ra-gút phán đoán rất có lý rằng dễ bắt gặp con cá ở những vùng biển sâu, cách xa các lục địa và đảo lớn là những nơi nó không dám đến gần. "Vùng biển gần bờ đối với nó quá rộng" - người hoa tiêu giải thích cho chúng tôi như vậy. Tàu Lin-côn chạy ngang qua các đảo Pau-mô-tu, Mác-ki-đơ, Xan-uyt, vượt chí tuyến bắc ở độ kinh 132 độ rồi tiến vào biển Trung Hoa.

Cuối cùng, chúng tôi đã tới nơi diễn ra những "chiến công" mới nhất của quái vật! Mọi sinh hoạt trên tàu đều ngưng đọng lại. Mọi người đều bị kích động đến cao độ. Chẳng ai ăn ngủ gì được. Mỗi ngày khoảng hai mươi lần chúng tôi bị nôn nao lên vì một sự tính toán lầm, hoặc vì một thủy thủ nhìn gà hóa cuốc. Thần kinh chúng tôi bị hưng phấn quá mức đến nỗi có nguy cơ sắp phản ứng lại. Và phản ứng đã xảy ra. Ba tháng, đã ba tháng ròn ròn mà mỗi ngày dài như một thế kỷ, tàu Lin-côn rẽ sóng Thái Bình Dương để đuổi bắt những con cá voi gặp trên đường khi thì đột ngột đổi hướng, khi thì giảm tốc độ, khi lại phóng quá nhanh khiến máy móc trên tàu có thể bị hỏng. Từ bờ biển Nhật Bản đến

bờ biển châu Mỹ, chẳng có chỗ nào không được xem xét kỹ... Nhưng vô ích! Biển cả vẫn hoang vắng, mịt mù! Chẳng có một dấu hiệu gì của con cá thiết hình khổng lồ, của hòn đảo ngầm hay dải đá di động, chẳng có dấu vết gì của chiếc tàu bị đắm bập bênh ở đây. Tóm lại, chẳng có gì lạ cả! Với tính hay dao động cố hữu của con người, đoàn thủy thủ đã đi từ cực này sang cực khác. Rất đáng buồn là những người trước kia ủng hộ cuộc thám hiểm hăng hái nhất bây giờ lại trở thành những kẻ phản đối nó kịch liệt nhất. Tình trạng bạc nhược lan tràn khắp tàu, và nếu thuyền trưởng Pha-ra-gút không hết sức kiên trì thì chắc hẳn tàu Lin-côn chẳng có điều gì đáng trách về thất bại này, vì họ đã làm mọi việc có thể làm được. Chỉ còn cách mau chóng quay tàu về nước. Một kiến nghị như thế được trao cho thuyền trưởng, nhưng Pha-ra-gút vẫn giữ ý định của mình. Anh em thủy thủ công khai tỏ vẻ bất mãn, kỷ luật trên tàu bị sa sút. Tôi không muốn nói rằng thủy thủ bắt đầu nổi loạn, nhưng sau một thời gian đấu tranh ngăn của họ, thuyền trưởng Pha-ra-gút, giống như Cô-lông xưa kia, đành phải xin hoãn trong ba ngày. Nếu trong ba ngày nữa không phát hiện ra quái vật thì tàu Lin-côn sẽ quay mũi về phía biển Châu Âu. Lời hứa của Pha-ra-gút được công bố ngày 2 tháng 11. Tinh thần của thủy thủ lại lên ngay. Họ hăm hở quan sát mặt biển, ai cũng muốn phóng tầm mắt nhìn đại dương lần cuối với hy vọng là sẽ thành công. Ông nhòm lại được sử

dụng...

Hai ngày đã qua. Tàu Lin-côn chạy từ từ. Các thủy thủ nghĩ ra trăm phương ngàn kế để nhử con cá đến hay để "khiêu khích" nó nếu nó đang ở vùng biển này. Từng miếng mồi to được buộc ở phía lái khiến lũ cá mập được một phen thỏa thích! Tàu đỗ lại. Các xuồng nhỏ bơi ngang dọc xung quanh tàu, không để sót một điểm nào trên mặt biển. Chiều mừng 4 tháng 11 đã tới mà tấm màn bí mật vẫn chưa hé ra chút nào! Trưa ngày 5 tháng 11, hạn 3 ngày sắp hết. Khi chuông đồng hồ điểm tiếng cuối cùng, thuyền trưởng Pha-ra-gút, trung thành với lời hứa của mình, ra lệnh cho quay tàu về hướng đông nam và từ biệt vùng biển phía bắc Thái Bình Dương.

Tàu Lin-côn lúc đó cách bờ biển Nhật Bản không đầy hai trăm hải lý. Trời đã tối. Đồng hồ điểm tám giờ. Những đám mây dày che khuất mặt trăng lưỡi liềm. Từng làn sóng nhẹ lăn tăn bên thân tàu. Tôi đứng ở mũi tàu, tựa mình vào thành. Công-xây đứng cạnh tôi và nhìn thẳng về phía trước. Anh em thủy thủ trèo lên cao quan sát chân trời đang bị bóng đêm thu hẹp lại. Các sĩ quan dùng ống nhòm chăm chú theo dõi mặt biển đang tối dần. Đôi lúc mặt trăng lọt qua kẽ mây hắt những tia bạc xuống mặt biển màu thẫm. Nhưng mây đen lại kéo đến làm tắt ngấm ánh

trắng. Nhìn Công-xây, tôi thấy anh ta lần đầu tiên hòa mình vào tâm trạng chung. Có thể là lần đầu tiên trong đời, thần kinh anh ta bị căng lên vì tò mò.

-Thế nào, Công-xây, -tôi nói, -đây là dịp cuối cùng để kiếm hai ngàn đô-la đấy.

-Thưa giáo sư, tôi xin nói là chưa bao giờ tôi trông ngóng vào món tiền thưởng đó. Giả dụ chính phủ Mỹ hứa thưởng cả một trăm ngàn đô-la, họ cũng sẽ chẳng mất đi một xu nào!

-Anh nói đúng Công-xây ạ. Thật là một việc làm ngu dại! Chúng ta đã hành động một cách hồ đồ khi nhúng tay vào việc này. Chúng ta đã lãng phí biết bao thời gian! Biết bao nhiêu lo lắng, băn khoăn vô ích. Lẽ ra ta đã về Pháp từ sáu tháng trước rồi...

-Vâng, về tới nhà giáo sư ở Viện bảo tàng Pa-ri rồi ạ! Và có lẽ tôi đã phân loại xong những khoáng vật trong bộ sưu tập của giáo sư rồi!...

-Đúng vậy, anh Công-xây ạ! Và tôi đang hình dung mọi người sẽ cười ta thế nào! Công-xây bình thản trả lời:

-Tôi nghĩ rằng người ta sẽ cười giáo sư. Tôi không biết có nên nói không? ...

-Anh cứ nói. -... và giáo sư bị cười cũng đáng.

-Sao lại thế?

-Khi đã có vinh dự được làm bác học như giáo sư thì không nên... Công-xây chưa kịp nói hết lời thì một tiếng hô lớn phá tan bầu không khí tĩnh mịch. Đó là tiếng Nét Len:

-ạ, nó kia rồi! Ngay trước mũi tàu!

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 6

Mở hết tốc lực

Tất cả xô tới chỗ Nét: thuyền trưởng, các sĩ quan, anh em thủy thủ. Thậm chí các kỹ sư và thợ đốt lò cũng bỏ máy và lò mà chạy lên. Pha-ra-gút ra lệnh hãm tàu lại và chiếc tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính. Trời tối như mực. Tôi rất ngạc nhiên không hiểu vì sao Nét có thể nhìn thấy một vật gì đó trong đêm dày đặc như thế này. Tim tôi đập mạnh như muốn vỡ ra. Nhưng Nét không lầm. Một lát sau, mọi người đã nhìn thấy cái mà Nét chỉ. Cách tàu Lin-côn gần bốn trăm mét, biển hình như được chiếu sáng từ trong ra. Đó không phải là hiện tượng biển có ánh sáng như thường gặp. Con quái vật nổi lên những lớp nước phía trên và đang nghỉ. Từ thân nó tỏa ra cái ánh sáng rực rỡ khó tả mà nhiều thuyền trưởng đã nói đến trong báo cáo của họ. Những cơ quan phát sáng của con vật phải mạnh mẽ thế nào mới phát ra được ánh hào quang long lẫy như vậy! Con vật đó có hình bầu dục lớn, thon dài, ở giữa đặc biệt sáng và giảm dần đi ở hai đầu.

-Đó chỉ là nơi tập trung những chất hữu cơ phát sáng thôi!

-Một sĩ quan nói.

-Ngài làm rồi, -tôi kiên quyết phản đối, -Động vật chẳng bao giờ phát ra chất sáng như vậy. Đó là ánh sáng điện... Kìa nhìn xem, nhìn xem kìa! ánh sáng đang chuyển động khi gần khi xa. Nó đang hướng về phía chúng ta đây! Có tiếng kêu la trên boong.

-Nghiêm!

-Thuyền trưởng Pha-ra-gút hô.

-Cho tàu lùi! Mọi người chạy về vị trí của mình. Kẻ thì về buồng lái, người thì về buồng máy. Tàu Lin-côn vẽ một nửa vòng tròn trên mặt biển.

-Lái sang phải! Cho tàu chạy thẳng!

Pha-ra-gút ra lệnh. Chiếc tàu chiến tăng tốc độ và bắt đầu tránh ra xa điểm sáng. Tôi đã lầm. Chiếc tàu muốn lảng tránh, nhưng con quái vật đuổi theo với tốc độ lớn hơn. Chúng tôi nín thở. Có

lẽ chẳng phải vì sợ hãi mà vì ngạc nhiên mà chúng tôi cứ đứng sững tại chỗ. Con vật lướt theo chúng tôi như đùa giỡn. Nó lượn quanh tàu lúc ấy đang chạy nhanh mười bốn hải lý một giờ. Nó rọi ánh sáng điện vào tàu rồi trong chớp mắt lại bơi ra cách tàu hai, ba hải lý và để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh trông tựa những cuộn khói từ một đầu tàu chạy nhanh phun ra. Bỗng nhiên từ phía sau đường chân trời đen thẫm, con quái vật lấy đà lao thẳng tới tàu Lin-côn với một tốc độ ghê người. Nhưng đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt điện. Không, nó không lặn xuống, vì nếu lặn thì ánh sáng phải giảm đi dần dần. Đứng này nó tắt phụt, tựa như nguồn ánh sáng bỗng bị cạn. Con quái vật lại xuất hiện ở phía bên kia tàu, chẳng biết là đã vòng qua hay chui luôn phía dưới. Từng giây phút có thể xảy ra tai nạn đâm vào nhau. Tôi ngạc nhiên về thái độ của con tàu. Nó bỏ chạy chứ không giao chiến. Chính con tàu có nhiệm vụ tìm diệt quái vật, thế mà giờ đây quái vật lại lướt theo tàu! Tôi lưu ý thuyền trưởng Pha-ra-gút về việc đó. Trên khuôn mặt gan góc của ông ta lộ rõ vẻ hoang mang cao độ. ạng ta nói:

-Ngài A-rô-nắc ạ, tôi không rõ đây là con vật gì nên không muốn cho tàu mạo hiểm trong bóng đêm này. Ngài định tấn công nó bằng cách nào? Và tự vệ thế nào? Ta hãy chờ tới rạng đông, lúc đó vai trò sẽ thay đổi.

-Ngài không còn nghi ngờ gì về hiện tượng này nữa chứ, thưa thuyền trưởng?

-Thưa ngài, hẳn đây là một con cá thiết hình không lồ và có điện.

-Vâng, có lẽ đúng. Nó cũng nguy hiểm như cá đuối điện. Và nếu nó có cả cơ quan phát điện thì nó quả là con vật đáng sợ nhất mà tạo hóa đã sinh ra! Vì vậy, thưa ngài, tôi đang áp dụng tất cả những biện pháp đề phòng.

Toàn hạm tàu suốt đêm đó ở tư thế sẵn sàng. Chẳng ai chớp mắt. Tàu Lin-côn không đủ sức đo tốc độ với quái vật nên phải chạy chậm lại. Quái vật cũng bắt chước tàu, lượn lờ với sóng và hình như không có ý định rời trận địa. Tuy vậy, tới gần nửa đêm nó cũng biến mất, hay nói đúng hơn, "tắt ngấm" đi như một con đom đóm khổng lồ. Nó đã lặn xuống biển sâu chăng? Chúng tôi chẳng dám hy vọng như vậy. Gần một giờ sáng bỗng vang lên một tiếng rít chói tai, dường như gần đâu đây có một vòi nước cực mạnh từ đáy biển vọt lên. Thuyền trưởng Pha-ra-gút, Nét Len và tôi lúc đó đang đứng ở mũi tàu và đắm đắm nhìn vào bóng đêm.

-Nét Len này, anh có hay được nghe tiếng cá voi phun nước không?

-Thuyền trưởng hỏi.

-Thưa ngài, có! Nhưng tôi chưa hề gặp con cá voi nào mà chỉ phát hiện ra nó đã được thưởng hai nghìn đô-la cả.

-Anh thực xứng đáng nhận món tiền thưởng đó. Thế khi cá voi phun nước qua lỗ mũi, nó cũng gây tiếng rít như vậy à?

-Đúng vậy! Nhưng kêu to hơn. Không thể nào làm lẫn được. Rõ ràng một con cá voi ở vùng biển này đang bám sát tàu ta. Nếu ngài cho phép, đến rạng sáng tôi sẽ nói chuyện với nó.

-Nếu lúc đó nó còn hứng nghe chuyện của ông, ông Nét ạ.

-Tôi tỏ vẻ nghi ngờ.

-Thế thì tôi sẽ đến sát nó, nó sẽ phải nghe thôi!

-Nếu vậy, tôi phải cho anh một cái xuống à? Pha-ra-gút hỏi.

-Tất nhiên.

-Và thí mạng cả những người chèo xuồng à?

-Thí mạng cả tôi nữa!

Nét bình thản trả lời. Gần hai giờ sáng, cách tàu Lin-côn năm hải lý, vệt sáng lại xuất hiện. Mặc dù cách xa và sóng gió âm âm, tiếng quẫy đuôi và tiếng thở phì phò của con cá vẫn rõ mồn một. Trước rạng đông, chúng tôi đã sẵn sàng nghênh chiến. Lưới đánh cá voi đã xếp ở hai thành tàu. Thuyền phó ra lệnh chuẩn bị loại súng bắn xa một hải lý và cả loại súng bắn đạn phá có thể hạ được những con thú lớn nhất. Nét Len mài sắc mũi lao, một thứ vũ khí diệt cá voi lợi hại trong tay anh ta. Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của cá thiết hình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào! Đến tám giờ sáng, những dải sương mù dày đặc bắt đầu trôi trên sóng và từ từ bốc lên cao. Chân trời được mở rộng và sáng rõ. Bỗng lại có tiếng Nét Len nói:

-Nhìn xem kia. Nó ở phía bên trái đuôi tàu!

Mọi người phóng tầm mắt nhìn về phía đó. Cách chiếc tàu chiến một hải lý rưỡi, có một vệt dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh thế bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kỹ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vê-xi-a và Sa-nơn hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều. Trong khi tôi quan sát con vật lạ thì từ hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét. Giờ đây tôi mới hình dung được đôi chút về cách thở của cá thiết hình. Các thủy thủ nóng lòng chờ lệnh thuyền trưởng. Pha-ra-gút quan sát con vật một lúc rồi ra lệnh gọi trưởng máy.

-Hơi nước đủ rồi chứ?

-Thuyền trưởng hỏi.

-Báo cáo, đủ!

-Tăng áp lực! Cho tàu chạy hết tốc độ! Nghe lệnh thuyền trưởng, toàn thể thủy thủ hoan hô ba lần. Giờ chiến đấu đã diễn. Mấy phút sau, hai ống khói tàu nhả ra những cuộn khói đen, boong tàu rung lên vì áp lực cao trong nồi hơi. Chân vịt bắt đầu quay. Tàu Lin-côn lao thẳng về phía con cá. Nó để chiếc tàu tới cách chừng một trăm mét rồi mới dừng đỉnh tránh ra một quãng khá xa. Cuộc đuổi bắt kéo dài ít nhất bốn mươi năm phút, nhưng tốc độ chiếc tàu không cho phép nó theo kịp con cá. Thuyền trưởng Pha-ra-gút giận dữ rút rút bộ râu rậm. ạng ta gọi to:

-Nét Len! Nét tới.

-Thế nào, anh Nét, đã đến lúc thả xuống chưa?

-Thưa ngài, đành phải chậm lại một chút. Khi con vật này chưa muốn nộp mạng thì chưa bắt nổi nó đâu!

-Làm thế nào bây giờ?

-Thưa ngài nếu có thể tăng áp lực hơi nước. Khi tàu tiến gần hơn chút nữa, tôi sẽ phóng cho nó một phát lao.

-Anh đi đi!

-Pha-ra-gút trả lời Nét, rồi ra lệnh cho thợ máy tăng áp lực hơi nước. Nét Len lên vị trí chiến đấu. Lò hơi hoạt động mạnh, chân vịt bắt đầu quay bốn ba vòng phút. Đồng hồ chỉ tốc độ mười tám hải lý rưỡi một giờ. Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải! Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! Anh em thủy thủ tức giận điên người. Họ nguyên rửa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ. Trưởng máy lại được gọi lên.

-áp lực đã tăng chưa?

-Pha-ra-gút hỏi.

-Báo cáo, đã.

-Bao nhiêu át-mốt-phe?

-Sáu phẩy năm.

-Hãy nâng lên tám át-mốt-phe. Thật là một mệnh lệnh kiêu Mỹ! Thuyền trưởng của một công ty nào đó trên sông Mít-xít-xi-pi

muốn cạnh tranh với một tàu khác cũng không thể hành động hơn thế.

-Công-xây, -tôi bảo người giúp việc trung thành của tôi, -chúng ta chắc sẽ bay lên trời mất!

-Thưa vâng!

-Công-xây trả lời. Thú thật, lòng dũng cảm của thuyền trưởng rất hợp ý tôi. Tàu Lin-côn lao lên phía trước. Người ta lại đo tốc độ.

-Bao nhiêu?

-Pha-ra-gút hỏi.

-Báo cáo thuyền trưởng: mười chín phẩy ba hải lý.

-Tăng thêm áp lực! Trưởng máy tuân lệnh. áp kế chỉ mười ắt-mốt-phe. Nhưng quái vật cũng "mở hết tốc lực", chẳng vất vả gì lắm cũng đạt mười chín phẩy ba hải lý một giờ. Tôi không thể miêu tả hết tâm trạng của mình trong cuộc đuổi bắt ấy! Từng đường gân thớ thịt trong người tôi rung lên. Nét Len đứng ở vị trí bắn, lao cầm tay. Con cá mấy lần cho tàu đến gần. Nét kêu

lên:

-Ta sắp đuổi kịp rồi! Sắp kịp rồi! Nhưng đúng lúc anh ta chuẩn bị bắn thì con cá lại bỏ chạy với tốc độ ít nhất ba mươi hải lý một giờ. Và khi tàu chúng tôi phóng nhanh nhất thì nó lại bơi vòng quanh tàu, hình như muốn chế nhạo chúng tôi. Đến giữa trưa, tàu vẫn cách con cá một khoảng như lúc tám giờ sáng. Cuối cùng, thuyền trưởng Pha-ra-gút quyết định dùng những biện pháp quyết liệt hơn.

-à, quái vật muốn thoát khỏi tay tàu Lin-côn à! Thử xem mày có thoát được loại đạn hình nón này không? Thủy thủ trưởng đâu? Ra lệnh cho anh em tới khẩu súng đẳng mũi.

Khẩu súng lập tức được nạp đạn. Một tiếng nổ vang lên, nhưng viên đạn bay cao hơn con cá một chút. Con cá lúc đó ở cách tàu nửa hải lý.

-Cho xạ thủ giỏi hơn bắn!

-Thuyền trưởng ra lệnh.

-Ai bắn trúng quái vật sẽ được thưởng năm trăm đô-la! Bắn xạ

thủ già có bộ râu bạc

-tới nay tôi còn như đang thấy cái nhìn bình thản và điềm đạm của bác

-bước tới khẩu súng ngắm và điều chỉnh khá lâu. Tiếng súng chưa dứt đã nghe tiếng hoan hô vang dậy. Viên đạn rơi trúng đích. Nhưng lạ chưa nó trượt trên lưng con cá, văng đi độ hai hải lý nữa rồi rơi tòm xuống biển.

-Chà chà!

-ạng lão giận dữ.

-Con quái vật này có lẽ được bọc thép dày tới một trăm năm mươi mi-li-mét!

-Quân khôn kiếp!

-Thuyền trưởng Pha-ra-gút hét lên. Cuộc săn bắt lại tiếp tục. Pha-ra-gút nghiêng mình về phía tôi và nói:

-Chừng nào tàu Lin-côn chưa tung lên trời thì tôi còn săn con cá

này!

-Ngài làm thế là đúng.

-Tôi trả lời. Có thể hy vọng rằng con cá sẽ thấm mệt và không chịu được cuộc đọ sức với chiếc tàu chạy hơi nước.

Nhưng không đúng! Máy tiếng đồng hồ đã qua mà nó chẳng tỏ vẻ gì mệt mỏi. Nói cho công bằng thì tàu Lin-côn đã săn đuổi con cá một cách kiên trì đặc biệt. Tôi cho rằng nó đã vượt ít nhất năm trăm ki-lô-mét trong ngày 6 tháng 11 rủi ro ấy! Nhưng đêm đã tới và trùm tấm màn đen lên đại dương đang nổi sóng. Trong giây phút đó, tôi cảm thấy cuộc tìm kiếm của chúng tôi đã kết thúc, và từ nay sẽ không bao giờ gặp quái vật nữa. Nhưng tôi đã nhầm. Mười giờ năm mươi phút đêm hôm ấy, cách tàu ba hải lý lại bùng lên ánh điện sáng chói như đêm trước. Con cá nằm yên. Có lẽ vì thấm mệt nên giờ đây nó ngủ. Thuyền trưởng Pha-ra-gút quyết định lợi dụng thời cơ thuận lợi này. ạng ta ra lệnh cho tàu chạy từ từ để đối thủ khỏi thức giấc. Bắt gặp cá voi ngủ giữa biển khơi không phải là chuyện hiếm, chính Nét Len đã bắn trúng nhiều con đang ngủ như vậy. Nét lại lên vị trí chiến đấu. Tàu Lin-côn lặng lẽ tới cách con cá bốn trăm mét. Đến đây, máy ngừng chạy, tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính. Trên boong

im lặng hoàn toàn. Mọi người đều nín thở. Chúng tôi chỉ còn cách đếm sáng khoảng ba mươi mét. Độ sáng mỗi lúc một tăng lên làm chúng tôi lóa mắt. Tôi đứng tựa thành tàu và thấy Nét đứng phía dưới, vũ khí sẵn sàng. Tàu chỉ còn cách con cá hơn sáu mét. Cánh tay Nét bỗng giơ cao, phóng mũi lao sắt lên không trung. Một tiếng kêu lạnh lạnh phát ra như tiếng kim loại chạm nhau. ánh điện tắt phụt. Hai cột nước khổng lồ ập xuống boong tàu, quật ngã mọi người. Tàu kêu răng rắc một cách ghê sợ. Tôi chưa kịp bấu lấy thành tàu thì đã bị văng xuống biển!

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 7

Con cá voi không biết thuộc loại nào

Bất thần bị ngã xuống biển, tôi choáng váng nhưng không bị ngất, tôi chìm ngay xuống sâu khoảng sáu mét. Tôi bơi giỏi... và không đến nỗi mất tinh thần khi rơi xuống nước. Tôi quẫy hai cái thật mạnh và nổi lên mặt biển. Tôi đưa mắt tìm tàu Lin-côn. Nó có quay đi hướng khác không? Pha-ra-gút có biết thả xuống xuống tìm tôi không? Có hy vọng thoát nạn không? Bóng tối dày đặc. Khó khăn lắm tôi mới nhận ra một khối đen ở đằng xa đang chạy về phía Đông, ánh đèn tắt dần. Đó là chiếc tàu chiến. Thế là hết!

-Cứu tôi với! Cứu tôi với!

-Tôi kêu to và cố sức bơi theo chiếc tàu. Quần áo bị sóng nước đánh chặt vào mình làm tôi khó cử động. Tôi bị chìm xuống và ngạt thở!...

-Cứu tôi với! Tôi kêu lên lần cuối. Tôi bị sặc nước và cố chống lại, nhưng đáy biển sâu cứ kéo tôi xuống... Bỗng một cánh tay mạnh mẽ nắm lấy cổ tôi kéo tôi lên mặt nước. Rồi tôi nghe thấy, vâng, đúng là nghe thấy tiếng người nói bên tai:

-Nếu giáo sư tựa vào vai tôi thì sẽ dễ bơi hơn. Tôi nắm lấy tay Công-xây trung thành của tôi.

-Công-xây đây à?

-Tôi reo lên.

-Công-xây! Anh bị ngã xuống nước cùng tôi à?

-Thưa không. Nhưng là người giúp việc giáo sư, tôi phải theo ngài. Anh ta thấy hành động đó của mình là tự nhiên!

-Thế tàu đâu? Công-xây vừa bơi ngửa vừa trả lời:

-Xin giáo sư đừng trông chờ gì ở nó nữa!

-Anh nói gì vậy?

-Khi tôi nhảy xuống biển thì người trực ban kêu lên:

“Chân vịt bị gãy rồi!”

-Gãy rồi à?

-Vâng! Quái vật đã dùng sừng nhọn đâm thủng. Tôi nghĩ rằng tàu Lin-côn chỉ bị hỏng xoàng. Nhưng đối với chúng ta thì rất đáng buồn vì tàu không điều khiển được nữa!

-Thế thì chúng ta đành chịu chết!

-Có nhiều khả năng, -Công-xây bình thản trả lời.

-Chúng ta còn mấy tiếng đồng hồ nữa, trong thời gian đó có thể xảy ra nhiều chuyện! Thái độ bình tĩnh của Công-xây đã động viên tôi. Tôi ráng sức bơi nhưng quần áo bị sũng nước nặng như chì làm tôi vất vả lắm mới khỏi chìm. Công-xây nhận thấy điều đó.

-Thưa giáo sư, ngài cho phép tôi cắt bỏ quần áo trên người ngài?

Anh ta nói. Công-xây rút dao rạch một nhát từ trên xuống dưới bộ quần áo, rồi được tôi đỡ, anh ta kéo quần áo ra khỏi người tôi. Tôi cũng giúp Công-xây trút bỏ quần áo như vậy. Sau đó, chúng tôi bám vào nhau mà bơi. Tuy nhiên tình hình cũng vẫn tệ hại như trước. Có lẽ người ta không biết là chúng tôi đã mất tích. Và lại, nếu có biết thì chiếc tàu hồng lái cũng chẳng chạy được ngược gió để đến cứu chúng tôi. Chỉ có thể trông chờ vào chiếc xuồng nhỏ. Công-xây bình tĩnh thảo luận về giả thiết ấy và lập kế hoạch hành động. Thật là một con người kỳ lạ! Đến lúc này mà anh ta vẫn ung dung như ở nhà vậy! Thế là hy vọng độc nhất giờ đây là mấy chiếc xuồng của tàu Lin-côn. Để tiết kiệm sức, chúng tôi quyết định làm như sau: trong khi người này khoanh tay, duỗi chân, nằm ngửa để nghỉ, thì người kia vừa bơi vừa đẩy đi. Cứ mười phút chúng tôi lại thay phiên. Như vậy, chúng tôi hy vọng có thể sống trên mặt nước vài tiếng đồng hồ, có thể tới rặng đông! Hy vọng thật mong manh! Nhưng con người sinh ra ở đời vốn không bao giờ tuyệt vọng. Và lại, chúng tôi có những hai người... Chiếc tàu chiến và quái vật đâm vào nhau khoảng mười một giờ đêm. Nghĩa là còn gần tám tiếng đồng hồ nữa mới sáng. Nhiệm vụ đề ra hoàn toàn có thể hoàn thành được nếu chúng tôi được luân phiên nghỉ. Biển lặng, bơi không vất vả lắm. Thỉnh thoảng tôi lại nhìn vào bóng đêm dày đặc đôi chỗ có ánh nước sáng như lân tinh. Tôi nhìn những làn sóng lấp lánh vỗ vào tay

tôi rồi tản ra trên mặt biển... Gần một giờ sáng, tôi bỗng cảm thấy mệt mỏi rã rời. Công-xây phải đỡ tôi và cáng đáng cả gánh nặng của hai người. Một lát sau, tôi thấy tiếng thở nặng nhọc và hỗn hển của anh ta. Công-xây đuối hơi. Tôi hiểu rằng anh ta không cầm cự được lâu nữa.

-Buông tôi ra! Buông ra!

-Tôi nói.

-Buông giáo sư ra ư? Không đời nào!

-Công-xây trả lời.

-Có chết thì tôi chết trước. Trong giây phút đó, mặt trăng ló ra từ sau đám mây đen và gió đang lùa về phía nam. ánh trăng hiền hòa cho chúng tôi thêm sức. Tôi ngẩng đầu lên và đưa mắt nhìn chân trời. Phía xa, cách chúng tôi năm hải lý, bóng chiếc tàu chỉ còn lơ mờ. Nhưng chẳng thấy một chiếc xuồng nào! Tôi muốn kêu lên. Nhưng cách xa thế ai nghe thấy tiếng tôi? Vả lại, môi tôi bị sưng vếu lên không sao há ra được. Lúc đó Công-xây ráng sức la to:

-Cứu chúng tôi với! Cứu chúng tôi với!

Ngừng lại một giây, chúng tôi lắng nghe. Cái gì vậy? Tai bị ù vì máu dồn lên đầu, hay là tiếng đáp lại lời kêu cứu của Công-xây?

-Anh có nghe thấy không?

-Tôi khẽ hỏi.

-Có. Rồi Công-xây lại ra sức kêu. Không làm được nữa rồi! Có tiếng người đáp lại Công-xây! Phải chăng đó là tiếng của một người cũng bất hạnh như chúng tôi, cũng bị hất xuống đáy biển như chúng tôi! Hay đó là tín hiệu từ chiếc xuồng mà chúng tôi không nhìn thấy trong bóng đêm? Công-xây thu hết sức tàn và tựa vào vai tôi lúc đó đã tê dại. Anh ta nghe nửa người lên khỏi mặt nước nhưng gục xuống ngay vì kiệt sức.

-Anh thấy gì?

-Tôi thấy, -Công-xây thều thào, -tôi thấy... tốt nhất là ta nên im lặng... giữ lấy sức! Công-xây đã thấy gì vậy? ý nghĩ về con quái vật bỗng nảy ra trong óc tôi. Hay là anh ta đã nhìn thấy quái vật?

...

Nhưng còn tiếng người nói thì sao? Công-xây dùng chút sức còn lại đẩy tôi đi. Thình thoảng anh ta ngóc đầu lên nhìn về phía xa và kêu. Đáp lại anh ta là một tiếng người nghe ngày càng rõ, hình như đang tiến lại gần. Nhưng tai tôi bắt đầu điếc đặc. Sức tôi đã kiệt, các ngón tay cứng đờ, miệng không thể mím lại được vì cơ miệng bị co rút mạnh. Tôi bị sặc nước mặn và lạnh buốt tới xương. Tôi ngóc đầu lên lần cuối cùng rồi chìm xuống... Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi vúi lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... tôi ngất đi... Chắc là nhờ được xoa bóp mạnh toàn thân, nên tôi tỉnh lại ngay. Tôi mở mắt...

-Công-xây!

-Tôi thều thào.

-Giáo sư gọi tôi ạ?

-Công-xây đáp lại. Dưới ánh trăng đang lặn, thấp thoáng một khuôn mặt mà tôi nhận ra ngay.

-Nét!

-Tôi kêu lên.

-Chính tôi đây thưa ngài! Ngài thấy đấy, tôi vẫn chạy theo món tiền thưởng!

-ạng bị văng xuống nước khi tàu gặp nạn, phải không?

-Đúng vậy! Nhưng tôi may mắn hơn ngài. Tôi gặp ngay một hòn đảo di động.

-Một hòn đảo nhỏ?

-Nói đúng hơn là đã cưỡi trên lưng một con cá thiết hình khổng lồ.

-Tôi không hiểu ông nói gì, ông Nét ạ.

-Ngài thấy đó, tôi nghi ngờ ngay khi mũi lao của tôi không đâm thủng được da con quái vật, mà chỉ trượt trên mặt ngoài của nó.

-Vì sao vậy ông Nét? Vì sao?

-Thưa giáo sư, vì nó được bọc thép! Khả năng suy nghĩ của tôi bỗng trở lại ngay, trí nhớ được phục hồi, tôi tỉnh hẳn là nhờ những lời nói của Nét. Tôi hơi lại sức sau cơn chấn động và trèo lên lưng vật đó. Tôi thử lấy chân gõ. Thân nó rắn như đá không mềm như cá voi! Nhưng nếu đó là cái mai bằng xương của loài động vật thời cổ đại thì sao? Nếu vậy thì tôi phải xếp quái vật này vào loài bò sát như rùa hay cá sấu. Nhưng không! Cái lưng đen bóng, nơi tôi đang đứng nhẵn thín, phẳng lì chứ không có vảy. Gõ xuống, nó kêu boong boong, và lạ thay, nó lại được ghép lại bằng thép lá. Không còn nghi ngờ gì nữa! Cái mà người ta vẫn tưởng là động vật, là quái vật, là hiện tượng kỳ lạ của thiên nhiên, cái đã làm cả giới bác học bế tắc, đã kích động óc tưởng tượng của các thủy thủ ở cả hai bán cầu, lại là một hiện tượng kỳ diệu hơn, do bàn tay người tạo ra. Nếu như tôi có may mắn xác định được sự tồn tại của một động vật kỳ quái nhất, tôi cũng chẳng ngạc nhiên tới mức ấy. Việc thiên nhiên tạo ra những điều kỳ diệu chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng khi chính mắt mình trông thấy một cái gì đó kỳ diệu, siêu nhiên, lại do thiên tài con người tạo ra, thì đó là điều đáng suy nghĩ! Tuy vậy, chúng tôi đâu có thì giờ để suy nghĩ nhiều. Chúng tôi đang nằm trên mặt một chiếc tàu ngầm kỳ lạ trông tựa một con cá bằng thép khổng lồ. ý kiến của Nét Len về điểm này đã rõ. Tôi và Công-xây chỉ còn việc đồng ý với anh ta. Tôi nói:

-Nếu đây đúng là một chiếc tàu thì nhất định phải có máy móc làm chuyển động và người điều khiển chứ!

-Chắc là như vậy!

-Nét trả lời.

-Nhưng tôi đứng trên hòn đảo di động này đã ba tiếng đồng hồ mà chẳng thấy một dấu hiệu nào của sự sống cả.

-Nhưng chiếc tàu chuyển động chứ?

-Thưa ngài, không! Nó bập bềnh trên sóng chứ chẳng chuyển động chút nào.

-Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... Chúng ta đã thoát chết!

-Hừm!

-Nét nghi ngờ. Đang lúc đó, tựa như để khẳng định lời nói của

tôi, phía sau chiếc tàu kỳ lạ đó có một tiếng rít. Đúng là chân vịt bắt đầu quay, đẩy tàu chạy. Chúng tôi vội bám lấy một chỗ ở mũi tàu nổi lên trên mặt nước chừng tám mươi cen-ti-mét. Cũng may là tàu chạy với tốc độ vừa phải. Nét Len làu bàu:

-Chùng nào cái "phao" này còn nổi thì tôi chẳng có gì phản đối. Nhưng nếu nó giở trò lặn xuống thì cái mạng của tôi chẳng đáng hai đô-la!

Anh chàng Ca-na-đa này có thể đánh giá mạng mình rẻ hơn nữa. Cần cấp tốc đàm phán với những người trong chiếc tàu này: Tôi rờ rờ mặt ngoài để tìm một cái nắp, một lỗ hông nào đó. Nhưng từng hàng đinh ri-vê tán chặt các nếp ngoài, không để một kẽ hở nào. Trăng đã khuất dưới chân trời. Chúng tôi chìm trong đêm tối. Phải đợi tới rạng đông để tìm cách lọt vào phía trong con tàu. Thế là tính mệnh chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn của những người điều khiển con tàu này! Họ cho tàu lặn xuống là chúng tôi toi mạng ngay! Còn nếu họ không làm như vậy thì tôi chẳng nghi ngờ gì khả năng đặt quan hệ với họ. Nếu họ không chế tạo dưỡng khí bằng phương pháp hóa học thì thỉnh thoảng họ cũng phải cho tàu nổi lên mặt biển để dự trữ không khí mới. Như vậy, phải có một lỗ thùng nào đó để lấy không khí vào trong tàu. Hy vọng thuyền trưởng Pha-ra-gút đến cứu đã tiêu tan! Tàu đang

chạy về phía tây với tốc độ vừa phải, có lẽ không quá mười hai hải lý một giờ. Chân vịt rẽ nước rất đều và tung lên từng chùm tia nước lấp lánh. Gần bốn giờ sáng tốc độ con tàu tăng lên. Chúng tôi chật vật lắm mới bám được vào mặt ngoài con tàu đang lao đi vun vút. Sóng quất vào chúng tôi từ bốn phía. Cũng may là Nét rờ được cái vòng neo. Chúng tôi vội bám chặt lấy nó. Cái đêm dài dằng dặc đó cũng đã qua. Tôi khó nhớ lại được tất cả những gì đã trải qua đêm đó! Tôi nhớ là đôi khi sóng yên gió lặng, từ xa vọng lại những nhịp đàn dồn dập, những âm điệu bị đứt quãng. Chiếc tàu ngầm bí hiểm này là thế nào? Nó đang chạy đi đâu? Những người trong tàu là ai? Cái động cơ kỳ lạ nào đã làm nó chạy được với tốc độ ghê người như vậy! Trời đã sáng. Sương sớm vây quanh chúng tôi một màu trắng đục. Nhưng rồi sương cũng tan. Tôi đã định xem xét kỹ phần trên của thân tàu nổi lên mặt nước thì bỗng cảm thấy tàu từ từ lặn xuống.

-%o, đồ quý!

-Nét Len vừa quát vừa nện chân xuống vỏ tàu.

-Mở ra nhanh lên! Nhưng khó có thể nghe được cái gì, vì tiếng chân vịt quay âm âm. Cũng may là tàu tạm ngừng không lặn xuống nữa. Từ phía trong tàu có tiếng then cửa lạch cạch. Nấp

tàu mở ra. Một người thò đầu lên nhìn. Hấn kêu lên một tiếng không nghe rõ rồi biến mất. Mấy phút sau, từ trong tàu bước ra tám người lực lưỡng, mặt bịt kín. Họ lẳng lặng kéo chúng tôi vào trong chiếc tàu ngầm khủng khiếp của họ.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 8

mobilis in mobile

Cuộc bắt cóc trắng trợn đã diễn ra trong nháy mắt. Chúng tôi mãi không hoàn hồn. Tôi chẳng biết hai người kia cảm thấy gì trong cái nhà tù này, nhưng tôi thì sờn gai ốc. Những người trong tàu này là ai? Hẳn đây là bọn phi kiêu mới đang hoành hành ngoài biển theo cách chúng mới nghĩ ra. Cái nắp tàu vừa sập xuống thì tôi chìm ngay trong bóng tối như mực. Mắt đang quen với ánh sáng ban ngày nên chẳng nhìn thấy gì xung quanh. Hai bàn chân không giầy của tôi dò dẫm trên những bậc thang sắt. Nét Len và Công-xây bị giải đi sau tôi. Dưới chân thang là một cái cửa. Nó mở rộng cho chúng tôi qua rồi đóng sập lại. Còn lại ba chúng tôi. Chúng tôi đang ở đâu thế này? Tôi chẳng hình dung nổi. Tất cả đều chìm đắm trong bóng tối, một thứ bóng tối dày đặc đến nỗi mấy phút sau vẫn không thấy một tia sáng le lói nào. Nét Len nổi giận vì bị đối xử thô bạo. Anh ta bộc lộ tất cả sự phẫn nộ của mình và hét lên:

-Đồ quỷ! Quân này đã vượt cả bọn man rợ về sự mên khách! Chỉ còn thiếu điều ăn thịt người nữa thôi. Tao chẳng lạ gì cái trò ấy đâu, nhưng tao tuyên bố trước là ăn thịt được tao còn mệt!

-Đủ rồi, ông bạn Nét ơi! Đủ rồi! Đừng vội nóng nảy! Chưa sao đâu!

-Sắp tử cả nút rồi còn chưa sao à? Và tôi như bưng thế này nữa. Cũng may là tôi còn con dao găm, và chẳng cần nhiều ánh sáng lắm mới sử dụng được nó! Tên cướp nào cứ thử chạm vào tôi xem... Tôi bảo Nét:

-Đừng bức mình, ông Nét ạ. Đừng nóng nảy mà lâm vào thế bất lợi. Biết đâu chẳng có người đang nghe trộm chúng ta. Tốt hơn hết là cố tìm hiểu xem chúng ta ở đâu.

Tôi bắt đầu dò dẫm. Đi được năm bước, tôi vấp phải một bức tường bọc sắt. Lăn theo tường, tôi chạm phải một cái bàn gỗ và mấy chiếc ghế dài. Sàn được trải chiếu dày để đi cho êm. Xung quanh tường không thấy dấu vết gì của cửa sổ và cửa ra vào cả. Công-xây đi vòng về phía bên kia và cuối cùng gặp tôi. Chúng tôi cũng ra giữa căn phòng dài chừng sáu mét, rộng chừng ba

mét. Còn chiều cao thì ngay Nét Len cũng không với tới trần được. Nửa tiếng đồng hồ đã qua mà mọi sự vẫn như cũ. Nhưng mắt chúng tôi đang quen với bóng tối bỗng bị lóa đi trong ánh sáng chói lọi. Tôi nhận ra ngay cái ánh sáng trắng rực rỡ trong đêm khúng khiếp ấy đã chiếu sáng tất cả khoảng không gian xung quanh chiếc tàu ngầm, cái ánh sáng mà chúng tôi lầm tưởng là hiện tượng lân tinh hóa của các sinh vật biển! Khi mở mắt ra, tôi thấy nguồn ánh sáng sinh động đó phát ra từ một cái đèn điện hình bán cầu gắn trên trần.

-Sáng rồi, có thể chứ!

-Nét Len reo lên rồi đứng ở tư thế tự vệ, dao cầm trong tay.

-Nhưng tình hình chúng ta chưa sáng sủa ra chút nào!

-Tôi trả lời.

-Xin giáo sư cứ yên tâm

Công-xây bình thản nói. Nhờ ánh sáng điện nên có thể quan sát mọi chi tiết nhỏ nhất trong phòng. Đồ đạc gồm một cái bàn và năm ghế dài. Cánh cửa bí mật đã đóng vào rất khít. Không một

tiếng động nào bên ngoài lọt được vào chỗ chúng tôi. Hình như mọi vật đều đã chết trong con tàu này. Chẳng biết tàu đang chạy trên mặt biển hay đã lặn xuống đáy? Không thể đoán ra được. Nhưng quả cầu kia bật sáng chẳng phải vô cớ. Trong lòng tôi lóe lên một tia hy vọng là sẽ có người trong tàu xuất hiện. Vì nếu họ muốn quên chúng tôi đi thì còn bật đèn lên làm gì ở cái phòng này? Tôi đã không lầm. Có tiếng then cửa lách cách, cánh cửa mở ra, hai người bước vào. Một người tầm thước nhưng lực lưỡng, vai rộng, đầu to bộ tóc đen rối bù, có ria mép, đôi mắt sắc sảo. Tất cả cái vẻ ngoài linh lợi ấy làm anh ta giống một người xứ Prô-văng-xơ ở miền nam nước Pháp. Tôi có cảm tưởng là ngôn ngữ của anh ta nhiều màu sắc, giàu thành ngữ, giàu hình ảnh và độc đáo. Nhưng đó chỉ là cảm tưởng, vì trước mặt chúng tôi họ nói một thứ tiếng rất lạ tai mà tôi chưa hề biết. Người thứ hai đáng được miêu tả kỹ hơn. Tôi có thể khẳng định ngay những nét chủ yếu của tính cách ông ta: lòng tự tin biểu lộ ở cái nhìn quả quyết và lạnh lùng của đôi mắt đen, sự bình tĩnh, tự chủ biểu lộ ở nước da mai mái, ý chí kiên cường biểu lộ ở đôi lông mày nhú lại, và cuối cùng là lòng dũng cảm được thể hiện rõ trong hơi thở sâu đầy sức sống. Xin thêm rằng đó là một người kiêu hãnh có cái nhìn kiên nghị và bình thản như toát lên sự suy nghĩ cao đẹp. Tất cả cái vẻ ngoài, phong thái, cử chỉ, nét mặt của ông ta, nếu có thể tin ở cái tài quan sát của người xem tướng, nói

rõ bản chất thẳng thắn, cương trực của ông ta. Có ông ta, tôi "bất giác" cảm thấy mình được an toàn. Cuộc gặp gỡ này báo trước số phận của chúng tôi sẽ được giải quyết tốt đẹp. ạng ta bao nhiêu tuổi?

Có thể đoán là ba mươi lăm, hay năm mươi cũng được. ạng ta cao, hai hàm răng rất đẹp, hai bàn tay thon dài, tất cả đều biểu lộ sự say mê, cao quý. Tóm lại, ông ta là mẫu mực hoàn hảo của vẻ đẹp đàn ông mà tôi chưa từng gặp. Còn một đặc điểm nữa của khuôn mặt: đó là đôi mắt cách xa nhau có thể bao quát cả một phần tư chân trời! Khả năng ấy, sau này tôi mới biết, kết hợp với sự tinh tường, còn vượt xa Nét Len. Khi chăm chú nhìn ai, ông ta nhúu mày, mắt hơi nheo lại. ại cái nhìn có thể thấu ruột gan người khác, xuyên qua những lớp nước biển mà mắt ta không thể qua được, có thể khám phá ra những bí mật của đáy biển!... Cả hai người đều đội bê-rê bằng da rái cá, đi giày cao cổ bằng da hải báo. Quần áo may bằng một loại vải đặc biệt bó lấy thân nhưng không cản trở hoạt động. Người cao cao -hắn là thuyền trưởng - ngẩng nhìn chúng tôi hết sức chăm chú, nhưng chẳng nói một lời. Sau đó quay về phía người cùng đi, ông ta nói bằng một thứ tiếng nghe êm tai, mềm mại, nhấn mạnh ở nguyên âm. Người kia gật đầu và nói mấy lời cũng bằng thứ tiếng đó. Rồi anh ta nhìn tôi có ý hỏi. Tôi trả lời bằng tiếng Pháp rất rõ ràng là không hiểu

anh ta hỏi gì. Nhưng anh ta cũng chẳng hiểu tôi. Tình hình trở nên khá khó khăn. Công-xây đáp:

-Dù sao giáo sư cũng nên kể cho họ nghe câu chuyện của chúng ta. Biết đâu các ngài ấy lại chẳng hiểu được đôi lời! Tôi bắt đầu kể về những chuyện phiêu lưu của chúng tôi. Tôi nói rõ từng vần từng chữ, không bỏ sót một chi tiết nào. Theo đúng phép lịch sự, tôi tự giới thiệu là giáo sư A-rô-nắc, sau đó giới thiệu người giúp việc là Công-xây và Nét Len, thợ săn cá voi. Người có đôi mắt hiền từ, đẹp dễ nghe tôi một cách bình tĩnh, thậm chí có lễ độ và hết sức chăm chú, nhưng tôi chẳng thấy nét mặt ông ta thể hiện là có hiểu chút gì về câu chuyện của tôi hay không. Tôi đã kể xong mà ông ta chẳng hề nói một lời. Còn lại khả năng trình bày với hai người này bằng tiếng Anh. Có lẽ họ cũng nói được thứ tiếng hầu như ai cũng biết này. Tôi đọc thạo cả tiếng Anh lẫn tiếng Đức, nhưng nói thì không thạo. Mà ở đây đòi hỏi trước hết phải trình bày một cách rõ ràng. Tôi bảo Nét Len:

-Nào, giờ đến lượt ông, ông Nét ạ. Mời ông bước vào đàm phán bằng thứ tiếng Anh chuẩn mực nhất. Biết đâu ông sẽ may mắn hơn tôi! Nét chẳng đợi phải yêu cầu. Anh ta nhắc lại câu chuyện tôi vừa kể bằng tiếng Anh. Nói đúng hơn, anh ta truyền đạt lại cốt chuyện, còn hình thức thì khác hẳn. Anh chàng Ca-na-đa tính

khí nóng nảy này đã nói một cách sôi nổi hơn. Anh ta dùng những lời lẽ rất mạnh để phản đối việc cầm tù chúng tôi, vi phạm rõ ràng quyền sống của con người! Anh ta hỏi họ dựa vào luật lệ nào mà được phép giam giữ người trong cái phao nổi này. Anh ta căn cứ vào sắc luật về quyền bất khả xâm phạm của con người do nghị viện Anh ban bố năm 1679 để dọa sẽ truy tố trước tòa án những kẻ đã cướp đoạt tự do của chúng tôi. Anh ta nổi khùng, vung tay quát tháo và cuối cùng thì cho họ biết rằng chúng tôi sắp chết đói.

Đó là một sự thật hoàn toàn, nhưng chúng tôi hầu như đã quên mất. Thật hết sức ngạc nhiên là anh chàng Nét này cũng chẳng thành công hơn tôi. Hai người kia vẫn mặt lạnh như tiền. Tôi nản lòng vì thất bại. Sau khi đã dùng hết cái vốn ngữ văn, tôi chẳng biết làm gì nữa. Nhưng Công-xây bảo tôi:

-Nếu giáo sư cho phép, tôi sẽ nói chuyện với họ bằng tiếng Đức.

-Sao, anh nói được tiếng Đức à?

-Tôi reo lên.

-Thưa giáo sư.

-Tôi nói như bất kỳ người Đức nào.

-Thế thì tốt lắm! Anh nói đi, anh bạn! Công-xây liền kể lại câu chuyện lần thứ ba. Nhưng mặc dù anh ta dùng nhiều cách nói trau chuốt và phát âm tuyệt vời, tiếng Đức cũng chẳng đem lại kết quả gì. Cuối cùng, bí quá, tôi đành khôi phục lại trong trí nhớ những tri thức thời niên thiếu và trình bày câu chuyện bằng tiếng La-tinh, Xi-xê-rô nếu còn sống thì hẳn phải bịt tai lại và tổng cổ tôi ra khỏi cửa, nhưng tôi cũng kể được đến hết. Kết quả lần này cũng hết sức ngán ngẩm. Hai người đó trao đổi với nhau vài lời bằng thứ tiếng không ai hiểu rồi bỏ đi, chẳng để lại cho chúng tôi chút hy vọng nào! Cánh cửa đóng sập lại.

-Đồ khôn kiếp!

-Nét Len nổi nóng có lẽ đã hai mươi lần.

-Người ta đã nói với chúng bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng La-tinh, thế mà bọn đều cáng ấy không thềm hé răng ra nói một lời!

-Hãy bình tĩnh, ông Nét, -tôi nói.

-La hét có giải quyết được việc gì đâu!

-Nhưng giáo sư thử nghĩ xem chúng ta có thể chết đói trong cái lồng sắt này ấy chứ!

-Chẳng sao!

-Công-xây triết lý.

-Chúng ta còn sống lâu!

-Các bạn của tôi ơi, -tôi nói, -không nên tuyệt vọng. Tình hình trước kia còn xấu hơn. Xin các bạn đừng vội kết luận về thuyền trưởng và thủy thủ của tàu này. Nét trả lời:

-Tôi có ý kiến dứt khoát rằng chúng là những quân vô lại mặt hạng...

-Được! Thế họ là người nước nào?

-Nước vô lại!

-àng Nét thân mến ơi, -tôi nói, -nước ấy chưa có trên bản đồ đâu!
Tôi xin thú thực rằng rất khó xác định quốc tịch của hai người này. Có thể đoán chắc rằng họ không phải là người Pháp, người Anh hay người Đức. Tuy vậy, tôi vẫn cảm thấy rằng họ là người miền nam. Nhưng họ là ai? Người Tây Ban Nha, người Thổ Nhĩ Kỳ, người A-rập hay người Ấn Độ? Về ngoài của họ không đủ để xác định quốc tịch của họ. Còn về tiếng nói thì hoàn toàn không thể giải thích được nguồn gốc.

-Không biết tất cả các thứ tiếng quả là một thiếu sót lớn!

-Công-xây nhận xét.

-Nếu tạo ra được một thứ tiếng chung thì có lẽ giản tiện hơn.

-Thế cũng chẳng ăn thua!

-Nét Len phản đối.

-Anh không thấy là bọn này nói một thứ tiếng do chúng bịa ra để làm cho những người tử tế đang bị đói phải nổi khùng lên à? ở tất cả các nước trên thế giới, ai cũng phải hiểu rằng khi một người nào đó há mồm ra chóp chép là muốn bảo:

“Tôi đang đói đây! Cho tôi ăn đi!”.

-%, ê, -Công-xây nói, -cũng có những người chậm hiểu!... Công-xây chưa nói hết câu thì cánh cửa mở ra. Một người phục vụ bước vào, mang cho chúng tôi quần áo may bằng thứ vải kỳ lạ. Tôi vội mặc ngay vào, Công-xây và Nét cũng làm theo tôi. Trong khi đó, người phục vụ -một người câm, có khi điếc nữa - trải khăn bàn và bày ba bộ đồ ăn. Công-xây nói:

-Tình hình đang rẽ sang một bước ngoặt quan trọng. Bắt đầu như vậy là đáng phấn khởi.

-Thôi đi!

-Nét phản đối.

-Món ăn của chúng tôi ra quái gì! Chắc là sẽ có món gan rùa, thịt thăn cá mập và bí-tết thịt chó biển chứ gì!

-Lát nữa sẽ rõ!

-Công-xây nói. Các món ăn được đặt bằng những lồng bàn nhỏ

bằng bạc và bày ngay ngắn trên bàn trải khăn thơm tất. Chúng tôi ngồi vào bàn. Đúng là chúng tôi đang tiếp xúc với những con người văn minh. Nếu như không có ánh điện thì có thể tưởng tượng rằng mình đang ngồi trong khách sạn A-đen-phi ở Li-vóc-pun hay khách sạn Grăng ạt-el ở Pa-ri. Nhưng họ không cho chúng tôi bánh mì và rượu vang. Nước uống trong và mát nhưng dù sao vẫn là nước tráng. Điều đó làm cho Nét Len chẳng hài lòng chút nào. Trong số những thức ăn mang đến, tôi thấy có mấy món cá quen thuộc nấu rất khéo. Nhưng mấy món khác thì tôi đành chịu không xác định được là chế biến từ động vật hay thực vật. Các bộ đồ ăn được trình bày rất mỹ thuật và sang trọng. Trên thìa, đĩa, dao, đĩa đều khắc mấy chữ in hình vòng cung, nguyên văn như sau: MOBILIS IN MOBILE N Nghĩa là: Linh hoạt trong môi trường linh hoạt! Phương châm thích hợp một cách kỳ lạ với chiếc tàu ngầm này. Chữ N hẳn là chữ đầu của tên con người đang làm chủ biển sâu! Nét và Công-xây không suy nghĩ như vậy. Họ lao vào ăn uống và tôi cũng theo gương họ. Giờ đây tôi đã yên tâm về số phận của ba người. Tôi cảm thấy rõ rằng những người chủ nhà của chúng tôi sẽ không để chúng tôi chết đói. Mọi sự trên đời này đều trôi qua, đều có kết thúc, ngay cái đói của những người suốt mười lăm tiếng đồng hồ không có gì vào bụng! Ờn no rồi chúng tôi thấy buồn ngủ díp mắt. Phản ứng đó là hoàn toàn tự nhiên sau cuộc vật lộn với thần chết trong

cái đêm dài vô tận ấy.

-Chà chà, tôi buồn ngủ quá!

-Công-xây nói.

-Mình thì đã ngủ rồi, -Nét Len trả lời. Thế là hai bạn tôi nằm thẳng cẳng trên chiếc chiếu trải dưới sàn và thiếp đi ngay. Nhưng tôi chẳng dễ ngủ như vậy. Hàng ngàn ý nghĩ vẩn vương trong lòng, hàng ngàn câu hỏi chưa được giải đáp đang đặt ra với tôi, hàng ngàn hình ảnh không cho tôi chợp mắt! Chúng tôi đang ở đâu? Sức mạnh nào đang cuốn chúng tôi đi? Tôi cảm thấy tàu đang lặn xuống những lớp biển sâu nhất. Những cơn ác mộng ám ảnh tôi. Từ đáy biển huyền bí hiện lên từng đàn cá kỳ lạ, hình như cùng loại với con tàu, cũng linh hoạt và dữ dội như thế!... Trạng thái hưng phấn của não dịu dần đi, mộng mị cũng biến mất. Tôi thiếp đi trong giấc ngủ nặng nề.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 9

Nét Len nổi khùng

Không biết chúng tôi ngủ có lâu không, chắc là lâu vì tôi thấy người rất dễ chịu. Tôi dậy trước nhất. Hai chàng kia còn say sưa trong góc phòng. Đầu óc tôi tỉnh táo sáng suốt. Tôi lại bắt đầu nghiên cứu cái phòng giam chúng tôi. Chẳng có gì thay đổi cả. Phòng giam vẫn là phòng giam, tù vẫn là tù! Chỉ có mấy bộ đồ ăn là đã dọn đi. Chẳng có gì báo trước số phận chúng tôi sắp thay đổi. Tôi lo lắng tự hỏi: chẳng lẽ chúng tôi phải sống trong cái cũi này vô thời hạn. Cái tương lai đáng buồn càng bi đát hơn vì tôi bắt đầu thấy thiếu không khí. Tôi thấy tức ngực, mặc dù những cơn ác mộng đêm qua không diễn lại nữa. Thở ngày càng khó. Tôi sắp bị ngạt. Tuy phòng khá rộng nhưng chắc chúng tôi đã hít mất phần lớn ôxy trong không khí. Ta biết rằng mỗi người trong một giờ tiêu thụ một lượng ôxy có trong một trăm lít không khí. Vì vậy, nếu không khí chứa đựng một lượng thán khí như thế do con người thải ra thì không thể dùng được nữa. Tóm lại, cần thay

đôi không khí trong phòng chúng tôi và tất nhiên trong cả chiếc tàu ngầm này. Nhưng tôi bỗng nảy ra một câu hỏi.

Trong trường hợp này, ông ta có thể chế được ôxi bằng phương pháp hóa học không? Dự trữ các hóa chất bị hết thì ông ta phải mua, và do đó, phải duy trì quan hệ với đất liền không? Cũng có thể ông ta dùng không khí nén đựng trong những bình đặc biệt. Mọi khả năng ấy đều có lý. Hay là ông ta giải quyết vấn đề đơn giản hơn, tiết kiệm hơn và thực tế hơn bằng cách cho tàu nổi lên mặt biển để thở như cá voi? Nhưng dù ông ta theo phương pháp nào thì, theo tôi, cũng đã tới lúc áp dụng ngay không chậm trễ! Tôi cố thở gấp hơn và hít vào phổi chút ôxy còn lại trong căn phòng ngột ngạt. Bỗng một luồng không khí trong lành đượm mùi biển ủa vào phòng, một thứ không khí làm khỏe người, không khí của biển khơi! Tôi há to miệng và hít lấy hít để cái không khí thần kỳ ấy! Đúng lúc đó, tôi cảm thấy tàu bị xô nhẹ và tròn trành. Chiếc tàu -con quái vật bằng thép ấy-đang nổi lên mặt nước để thở theo kiểu cá voi! Thế là cách thông gió của nó đã được xác định. Khi đã thở hít thoải mái, tôi bắt đầu tìm lỗ thông hơi và một lát sau thì thấy nó ở phía trên cánh cửa ra vào. Không khí mát vừa tràn vào phòng thì Nét và Công-xây tỉnh giấc. Hệt như theo một khẩu lệnh, hai người giụi mắt, vươn vai rồi nhòm dậy.

-Giáo sư ngủ có ngon giấc không ạ?

-Công-xây lễ phép hỏi.

-Rất ngon, anh bạn ạ. Còn ông thế nào, ông Nét? Tôi ngủ say như chết, giáo sư ạ. Nếu tôi không làm thì hình như có gió biển thì phải. Anh thủy thủ Nét quả không làm. Tôi kể cho anh ta nghe những chuyện đã xảy ra khi hai người ngủ.

-Có thể chứ!

-Nét nói.

-Bây giờ đã rõ tiếng rít chúng ta nghe thấy khi còn ở trên tàu Lin-côn là tiếng gì rồi!

-Rất đúng, ông Nét ạ. Chính là tiếng thở của nó.

-Thưa giáo sư, ngài làm ơn cho biết đã mấy giờ rồi? Tôi không hiểu đã đến giờ ăn trưa chưa?

-Giờ ăn trưa ấy ư, ông bạn kính mến? Chắc ông muốn nói là đã

đến giờ ăn sáng? Chúng ta đã ngủ suốt ngày hôm qua tới tận sáng nay!

-Thế ra chúng ta đã ngủ li bì suốt một ngày một đêm! Công-xây kêu lên.

-Tôi cũng cảm thấy như vậy, -tôi trả lời.

-Tôi sẽ không tranh luận với ngài đâu, giáo sư ạ, -Nét Len nói.

-Đối với tôi thì ăn trưa hay ăn sáng cũng vậy thôi! Chỉ cần người phục vụ bung đến cho ta cả hai bữa một lúc.

-Cả hai bữa một lúc?

-Công-xây nhắc lại.

-Đúng!

-Nét nói.

-Chúng ta có quyền đòi hỏi cả hai bữa.

-Thế thì phải kiên nhẫn một chút, ông Nét ạ. Những người chủ nhà không quen biết này chắc không có ý định để chúng ta chết đói đâu. Nếu không, họ chẳng cho chúng ta ăn bữa hôm qua làm gì.

-Nhỡ họ cho chúng ta ăn no để giết thịt thì sao?

-Nét hỏi.

-Đâu có thể!

-Tôi trả lời

-Không phải chúng ta rơi vào tay bọn ăn thịt người đâu!

-Tôi thử một lần cũng chẳng sao, -Nét nghiêm nghị nói.

-Có thể là họ đã lâu không được ăn thịt tươi. Ba người khỏe mạnh như giáo sư, người giúp việc của ngài và tôi...

-Ông Nét ơi, xin ông hãy vứt những ý nghĩ nhảm nhí ấy ra khỏi đầu óc đi. Và chủ yếu là ông chớ nói chuyện kiêu ấy với chủ nhà của chúng ta. Nếu nói kiêu ấy thì tình hình của chúng ta chỉ xấu

đi mà thôi.

-Thôi xin ngài! Tôi đang đói gần chết đây. Thôi thì bữa sáng hay bữa trưa cũng được, nhưng người ta có cho ăn gì đâu!

-Ông Nét ạ, đi trên tàu thì phải tuân theo nội quy. Tôi ngờ rằng dạ dày chúng ta đã báo hiệu sớm hơn tiếng chuông của đầu bếp đây.

-Thế thì ta vặn lại kim đồng hồ thôi.

-Công-xây điềm tĩnh nói. Nét Len sốt ruột la lên:

-Xin lỗi ông, ông bạn Công-xây ạ! Ông cứ bình chân như vại. Ông sợ hỏng thần kinh à? Không được ăn ông vẫn cảm ơn được như thường! Ông thà chịu chết đói còn hơn là kêu ca phàn nàn!

-Kêu ca phàn nàn thì có lợi gì?

-Công-xây hỏi.

-Lợi gì à? Kêu lên được nó cũng nhẹ người đi chứ! Nếu bọn phỉ này...

-Tôi gọi chúng là "phỉ" vì nể ngài giáo sư, ngài cấm tôi gọi chúng là bọn ăn thịt người

-nếu bọn phỉ này tưởng rằng chúng giam giữ tôi trong cũi làm tôi chết ngạt mà tôi không dám chửi thì chúng làm to! Thưa giáo sư, xin ngài cứ thẳng thắn cho biết chúng còn hành hạ ta trong cái hòm sắt này đến bao giờ?

-Ông bạn ạ, thú thật là tôi cũng chẳng biết gì hơn ông!

-Nhưng ngài phỏng đoán thế nào?

-Tôi nghĩ rằng sự ngẫu nhiên đã cho phép chúng ta hé mở một điều bí mật quan trọng. Nếu những người trên chiếc tàu ngầm này quan tâm đến việc giữ gìn bí mật đó, và nếu đối với họ, điều bí mật đó còn quý hơn sinh mạng của ba chúng ta, thì tôi cho rằng chúng ta đang bị đe dọa nghiêm trọng. Nếu không thì con quái vật đã nuốt chửng chúng ta sẽ trả chúng ta về xã hội loài người rất nhanh chóng.

-Hay sẽ bắt chúng ta làm thủy thủ trên tàu, -Công-xây nói, -và sẽ giữ...

-... cho tới khi có một chiếc tàu chiến nào đó chạy nhanh hơn, hay may mắn hơn tàu Lin-côn tóm được cái ổ cướp này và treo cổ cả bọn chúng, cả chúng ta lên cột buồm, -Nét nói tiếp.

-Ông nói rất có lý, ông Nét ạ, -tôi nhận xét, -Nhưng theo tôi biết, thì chưa ai đề nghị chúng ta điều gì cả. Vì vậy, xây dựng kế hoạch cho tương lai là điều vô ích. Tôi xin nhắc lại là phải đợi thời cơ, phải tùy hoàn cảnh cụ thể mà hành động, và hiện nay không được làm gì, vì cũng chưa có việc gì để làm!

-Thưa giáo sư, ngược lại, chúng ta phải hành động, -Nét không chịu đầu hàng.

-Cụ thể phải làm gì, ông Nét?

-Chạy trốn!

-Chạy trốn khỏi nhà tù trên mặt đất đã là một việc gay go, còn tính chuyện vượt khỏi cái ngục ngầm dưới biển này, theo tôi, là một điều viễn vông.

-Thế nào, ông Nét, -Công-xây hỏi, -ông nghĩ thế nào về nhận xét

của giáo sư? Nét Len rõ ràng là lúng túng nên im lặng. Chạy trốn trong những điều kiện hiện tại là chuyện hoàn toàn không tưởng. Sau một phút suy nghĩ, Nét trả lời:

-Thưa giáo sư, ngài không đoán ra rằng nếu một người không vượt được ngục thì anh ta phải làm gì à?

-Tôi chịu không đoán được, ông bạn ạ!

-Rất đơn giản! Anh ta sẽ giành quyền làm chủ ở đó.

-Tất nhiên, -Công-xây nói.

-Ở lại trong cái nhà tù này còn hơn là ra ngoài!

-Nhưng trước hết phải tổng cổ tất cả bọn cai ngục này đi, -Nét nói thêm.

-Thôi xin ông! Ông định chiếm chiếc tàu này thật đấy à?

-Tôi hỏi.

-Chiếm thật chứ!

-Nét trả lời.

-Không được đâu.

-Vì sao không được, thưa ngài? Chẳng lẽ không có cơ hội nào thuận tiện ư? Nếu có thì sao ta không lợi dụng? Nếu thủy thủ trên tàu này không quá hai mươi tên thì lẽ nào chúng có thể bắt hai người Pháp và một người Ca-na-đa phải lùi bước! Tốt hơn hết là lờ cái chuyện viên vông của anh chàng Nét đi và không tranh luận với anh ta. Vì vậy tôi nói khéo:

-Ông Nét ạ, nếu có dịp, chúng ta sẽ trở lại câu chuyện này. Nhưng xin ông hãy kiên nhẫn. Bây giờ phải hành động thận trọng. Tính nóng nảy của ông chỉ làm hỏng việc thôi! Ông hãy hứa với tôi là sẽ nghĩ đến hoàn cảnh chung của chúng ta mà không nổi nóng.

-Xin hứa với giáo sư, -Nét Len trả lời hơi miễn cưỡng.

-Chiều ý ngài, tôi sẽ ngậm tăm, sẽ không gây ra chuyện gì, dù chúng không cho tôi ăn.

-Ông đã hứa rồi nhé!

-Tôi bảo Nét. Câu chuyện tới đây chấm dứt. Mỗi người chúng tôi lại chìm trong những ý nghĩ riêng tư của mình. Thú thật rằng, mặc dù Nét có nhiều hy vọng lạc quan, nhưng tôi chẳng nuôi một ảo tưởng gì. Tôi không tin sẽ có một lối thoát may mắn, như Nét hy vọng. Căn cứ vào cách điều khiển con tàu, có thể đoán rằng thủy thủ trên tàu này rất vững. Như vậy, nếu đấu với nhau, chúng tôi sẽ chạm trán với một đối thủ mạnh. Và lại, muốn hành động thì phải được tự do, mà chúng tôi lại đang bị nhốt chặt! Tôi chưa hình dung được là sẽ trốn khỏi cái cũi sắt đóng kín mít này như thế nào. Và nếu viên thuyền trưởng giữ bí mật con tàu -điều đó rất có thể xảy ra -thì ông ta sẽ không cho phép chúng tôi đi lại trên tàu. Ông ta sẽ đối xử với chúng tôi như thế nào? Sẽ giết hại hay sẽ cho chúng tôi lên một hòn đảo hoang nào đó? Chúng tôi đang nằm trong tay ông ta. Tất cả những giả thiết của tôi đều gần chân lý như nhau, và phải là người như Nét Len mới có thể hy vọng giành lại được tự do.

Tuy vậy, biết tính Nét Len hay bị những ý đồ riêng ám ảnh, tôi hiểu rằng càng để anh ta nghĩ ngợi thì anh ta càng liều lĩnh. Tôi cảm thấy những lời nguyên rủa đang nghẹn lại trong cổ Nét, và những cử chỉ của Nét biểu lộ một sự giận dữ khó kìm hãm nổi.

Nét lỏng lẻo như một con thú trong chuồng đá chân dẫm tay vào tường. Thời gian trôi qua, chúng tôi đói meo mà người phục vụ mãi chẳng thấy. Nếu chủ nhà của chúng tôi có ý định tốt, chắc không phớt lờ những kẻ bị nạn lâu như vậy! Nét Len đói quá, dạ dày co thắt lại, nên càng ngày càng tức giận. Tôi sợ anh ta nổi nóng khi có người nào đó trên tàu xuất hiện, mặc dù Nét đã hứa hẹn là không nổi nóng. Hai tiếng đồng hồ nữa đã qua. Nét kêu la ầm ỹ nhưng vô hiệu. Những bức tường sắt vẫn câm lặng. Chẳng thấy một tiếng động nhỏ nào trên tàu, dường như mọi người đều đã chết. Chẳng thấy thân tàu rung nhẹ khi chân vịt quay. Chiếc tàu đang đứng im một chỗ. Khi đã lặn xuống đáy biển, nó không thuộc về trái đất nữa. Sự im lặng, thật là ghê sợ. Chúng tôi đã bị bỏ rơi và nhốt chặt trong căn hầm này. Tôi hốt hoảng khi nghĩ đến cảnh tù đầy có thể kéo dài. Tia hy vọng lóe lên khi gặp thuyền trưởng cứ tắt dần. Cái nhìn hiền từ, nét mặt khoan dung, phong thái cao thượng của ông ta đã phai mờ trong trí nhớ của tôi. Đúng là ông ta đã đặt mình lên trên lòng nhân đạo, chẳng biết thế nào là thương người, đã tự biến mình thành kẻ thù không đội trời chung với đồng loại, những người ông ta đã thề căm ghét suốt đời! Nhưng chẳng lẽ ông ta lại để chúng tôi chết trong bốn bức tường của cái phòng giam chật chội này, lại để chúng tôi đói khát, cực khổ vô chừng thế này? ý nghĩ khủng khiếp xâm chiếm lòng tôi óc tưởng tượng càng làm cho tâm trạng nặng nề hơn. Tôi

tuyệt vọng. Công-xây vẫn bình thản. Còn Nét Len thì tức giận điên cuồng. Bỗng phía ngoài có tiếng động. Đó là những tiếng chân bước. Then cửa kêu lạch cạch. Cửa mở, người phục vụ bước vào. Tôi chưa kịp giữ Nét lại thì anh ta đã xô tới quật ngã và bóp cổ người này. Nạn nhân bị ngạt thở trong hai bàn tay hộ pháp của Nét. Công-xây định cứu người phục vụ ra khỏi tay Nét. Tôi cũng đã sẵn sàng giúp Công-xây, thì bỗng sững người khi nghe thấy những lời nói bằng tiếng Pháp:

-Ông Len, ông hãy bình tĩnh, cả giáo sư nữa! Xin các ông hãy nghe tôi!

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 10

người chủ của biển cả

Đó là thuyền trưởng. Nét Len chồm dậy ngay. Người phục vụ suýt bị chết ngạt, theo hiệu của chỉ huy lão đảo bước nhanh ra khỏi phòng. Uy quyền của thuyền trưởng lớn đến mức anh này không có một thái độ, cử chỉ nào biểu lộ sự tức giận của mình đối với Nét. Ngay cả Công-xây cũng phải ngây người ra và bất ngờ. Cả ba chúng tôi im lặng chờ đợi đoạn kết của cảnh này. Thuyền trưởng đứng tựa vào bàn, tay khoanh trước ngực, chăm chú nhìn chúng tôi. Ông ta phân vân trong việc tiếp xúc với chúng tôi chẳng? Ông ta hồi hận là đã nói mấy câu tiếng Pháp chẳng? Rất có thể như vậy. Sự im lặng kéo dài mấy giây và chẳng ai muốn lên tiếng trước cả. Cuối cùng, thuyền trưởng nói bằng một giọng điềm đạm, thuyết phục:

-Thưa các ngài, tôi thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng La-tinh. Tôi có thể nói chuyện ngay với các ngài nhưng tôi

muốn trước hết quan sát các ngài rồi mới quyết định nên đối xử với các ngài như thế nào. Tất cả những điều các ngài đã kể cho tôi nghe, kể chung và kể riêng từng người, hoàn toàn khớp với nhau. Vì vậy, tôi tin rằng các ngài chính là những người như các ngài đã tự giới thiệu. Tôi biết rằng sự tình cờ đã khiến tôi gặp ngài A-rô-nắc, giáo sư môn lịch sử tự nhiên ở Viện bảo tàng Pari, được phái ra nước ngoài làm công tác nghiên cứu khoa học. Tôi biết rằng những người cùng đi với giáo sư là ông Công-xây, giúp việc giáo sư, và ông Nét Len, người Ca-na-đa, thợ săn cá voi đi trên tàu Lin-côn thuộc hạm đội Mỹ. Tôi nghiêng mình tỏ vẻ đồng ý. Thuyền trưởng không hỏi tôi, do đó cũng chẳng cần trả lời. Ông ta nói tiếng Pháp rất thạo, phát âm chuẩn mực, dùng từ chính xác, cách diễn đạt rất có duyên. Thuyền trưởng nói tiếp:

-Chắc ngài cho rằng cuộc gặp mặt lần thứ hai của chúng ta có thể diễn ra sớm hơn. Nhưng khi được biết ngài là ai thì tôi lại lúng túng khó xử! Mãi tôi không quyết định được là nên thế nào. Hoàn cảnh đáng buồn đưa giáo sư đến với một người đã cắt đứt quan hệ với loài người. Giáo sư đã phá vỡ sự yên tĩnh của tôi...

-Một cách miễn cưỡng thôi,-tôi nói.

-Một cách miễn cưỡng?

-Thuyền trưởng hơi cao giọng.

-Chẳng lẽ tàu Lin-côn đã miễn cưỡng săn đuổi tôi trên khắp mặt biển? Chẳng lẽ ngài đã miễn cưỡng phải xuống chiếc tàu đó? Chẳng lẽ những viên đạn của các ngài lại miễn cưỡng rơi vào thân tàu của tôi? Chẳng lẽ ông Nét Len lại miễn cưỡng lao tên nhọn vào tôi? Trong lời nói của ông ta tôi cảm thấy có một vẻ giận dữ đã được nén xuống. Nhưng để đáp lại tất cả những lời trách móc của ông ta, tôi chỉ có một câu trả lời hoàn toàn tự nhiên.

-Thưa ngài, tất nhiên là ngài không được nghe những lời đồn đại đang lan truyền ở châu Mỹ và châu Âu về chiếc tàu của ngài. Ngài không được biết là dư luận ở hai lục địa đã phản ứng thế nào trước những tai nạn rủi ro xảy ra khi các tàu lữ dân phải con tàu ngầm của ngài! Tôi không muốn ngài bị mệt vì phải nghe bảng thống kê những giả thiết mà người ta đã dùng để giải thích điều bí mật của ngài. Nhưng ngài nên biết rằng khi tìm kiếm ngài tận vùng biển xa xôi nhất của Thái Bình Dương, tàu Lin-côn vẫn đinh ninh rằng mình đang săn đuổi một con quái vật nào đó mà họ có nhiệm vụ phải tiêu diệt kỳ được! Một nụ cười thoáng trên môi thuyền trưởng.

-Ngài A-rô-nắ

-ông ta nói, giọng bình tĩnh hơn, -ngài có đủ can đảm để khẳng định rằng tàu Lin-côn sẽ không vượt theo và bắn phá chiếc tàu ngầm một cách quyết liệt như khi vượt theo quái vật không? Câu hỏi của thuyền trưởng làm tôi lúng túng. Tôi biết thuyền trưởng tàu Lin-côn sẽ chẳng phải suy nghĩ gì nhiều. Ông ta sẽ cho mình có nhiệm vụ diệt chiếc tàu ngầm cũng như diệt quái vật mà thôi.

-Thế là ngài phải đồng ý rằng tôi có quyền đối xử với ngài như kẻ thù? Tôi vẫn im lặng chẳng trả lời, cũng vì lý do đã nói trên.

-Tôi đã phân vân nhiều,-thuyền trưởng nói tiếp.

-Chẳng có điều gì buộc tôi phải ân cần, niềm nở với các ngài. Nếu tôi định thanh toán các ngài, thì tôi đến gặp các ngài làm gì. Tôi có thể đưa các ngài lên boong, rồi cho tàu lặn xuống biển sâu và quên hẳn các ngài đi! Chẳng lẽ tôi không có quyền cư xử như vậy sao?

-Một người man rợ mới có quyền xử sự như vậy, chứ người văn minh thì không!

-Tôi trả lời.

-Thưa giáo sư, -thuyền trưởng phản đối, -tôi hoàn toàn không thuộc loại người mà ngài gọi là văn minh! Tôi đã cắt đứt mọi quan hệ với xã hội vì những lý do xác đáng. Xác đáng đến mức nào, chỉ riêng tôi biết. Tôi không phục tùng những luật lệ của cái xã hội đó, và xin ngài chớ bao giờ dựa vào nó. Ông ta đã nói hết. Cái nhìn của ông ta đầy căm giận và khinh bỉ. Tôi thoáng có ý nghĩ rằng quá khứ của con người này ẩn giấu một điều bí ẩn khủng khiếp. Chẳng phải vô cớ mà ông ta tự đặt mình ra ngoài những luật lệ xã hội, thoát khỏi vòng kiểm tỏa, giành độc lập và tự do theo ý nghĩa đầy đủ nhất của hai từ đó. Ai có gan rượt theo ông ta dưới biển sâu, nếu ông ta đã chặn đứng được mọi mưu toan gây chiến trên mặt biển? Tàu nào có thể chống chọi lại chiếc tàu ngầm này? Vỏ thép nào có thể chịu đựng được mũi nhọn của nó? Tất cả những ý nghĩ đó thoáng qua trong óc tôi khi con người khó hiểu đó đang suy tư trầm lặng. Tôi nhìn ông ta một cách khiếp sợ và tò mò. Cuối cùng, ông ta phá vỡ sự im lặng đó:

-Tôi đã phân vân nhiều. Nhưng sau khi suy nghĩ, tôi thấy rằng những quyền lợi của tôi vẫn có thể kết hợp được với lòng nhân

từ mà bất kỳ sinh vật nào cũng có quyền hưởng. Các ngài sẽ ở lại cái tàu này, một khi số phận đã đẩy các ngài tới đây. Tôi sẽ cho các ngài tự do, nhưng rất tương đối. Ngược lại các ngài phải làm đúng một điều kiện. Đối với tôi, chỉ cần một lời hứa của các ngài là đủ.

-Thưa ngài, tôi xin nghe, -tôi trả lời.

-Tôi nghĩ rằng người tử tế sẽ không khó khăn gì lắm khi chấp nhận điều kiện của ngài!

-Tất nhiên! Thế này nhé, có thể là trong hoàn cảnh bất thường nào đó tôi buộc phải giữ các ngài trong phòng mấy tiếng đồng hồ hoặc mấy ngày. Vì không muốn dùng bạo lực tôi muốn các ngài cam đoan rằng sẽ tuyệt đối phục tùng tôi trong những trường hợp như vậy. Các ngài sẽ không phải chịu trách nhiệm về tất cả những gì có thể xảy ra. Các ngài sẽ không được chứng kiến những sự kiện mà các ngài không tham dự. Thế nào, các ngài có chấp nhận điều kiện của tôi không? Nghĩa là trên chiếc tàu ngầm này đang diễn ra những việc mà những người chưa đặt mình ra khỏi vòng pháp luật không nên biết!

Trong tất cả những sự bất ngờ đang quyết định tương lai của tôi,

cái bất ngờ này chẳng phải là nhỏ.

-Chúng tôi xin nhận, -tôi trả lời, -Nhưng xin ngài cho tôi được hỏi.

-Xin ngài cứ hỏi.

-Ngài nói rằng chúng tôi sẽ được hưởng tự do trên tàu của ngài, phải không ạ?

-Tự do hoàn toàn.

-Tôi muốn biết ý kiến của ngài về cái tự do đó.

-Các ngài có thể đi lại tự do trong phạm vi tàu, xem xét tàu, quan sát sinh hoạt trên tàu, trừ vài trường hợp hãn hữu. Tóm lại, các ngài được tự do như tôi và các bạn tôi. Rõ ràng là chúng tôi chưa hiểu nhau.

-Xin lỗi ngài, nhưng đó là cái tự do của tù nhân trong xà lim! Chúng tôi không thể bằng lòng với cái tự do đó được.

-Cũng phải bằng lòng thôi!

-Sao? Chúng tôi phải từ bỏ mọi hy vọng nhìn thấy Tổ quốc, bạn bè, gia đình ư?

-Vâng, và nhân thể trút bỏ cả cái ách nặng nề mà người ta vẫn gọi là tự do đi!

-Còn về phần tôi, -Nét Len la lên, -tôi không bao giờ hứa là sẽ từ bỏ ý định trốn khỏi nơi đây đâu!

-Tôi cũng chẳng bắt ông phải hứa hẹn gì, ông Nét ạ, -thuyền trưởng lạnh lùng trả lời.

-Thưa ngài, -tôi cũng kêu lên vì không tự chủ được, -ngài đã lạm dụng quyền hành của mình. Thật là vô nhân đạo!

-Ngược lại, rất nhân đạo! Các ngài bị bắt làm tù binh tại trận địa! Chỉ cần tôi nói một lời là các ngài bị quăng ngay xuống đáy biển! Thế mà tôi đã để các ngài sống. Các ngài đã tấn công tôi. Các ngài đã biết được điều bí mật mà không một người nào trên thế giới này được xâm phạm vào. Đó là bí mật về cá nhân tôi! Các ngài tưởng rằng tôi sẽ cho phép các ngài trở về cái mặt đất mà tôi đã vĩnh viễn từ bỏ ư? Không bao giờ! Tôi sẽ giữ các ngài

trên tàu để bảo đảm an toàn cho tôi! Rõ ràng là thuyền trưởng đã có quyết định, và mọi lý lẽ chống lại đều bất lực.

-Thế là ngài cho chúng tôi được lựa chọn giữa cái sống và cái chết, phải không ạ?

-Đúng vậy.

-Các bạn, -tôi bảo Công-xây và Nét, -tình hình thế này tranh luận cũng vô ích. Nhưng chúng ta sẽ không có hứa hẹn gì ràng buộc ta với chủ chiếc tàu này.

-Chẳng cần hứa gì cả, -thuyền trưởng nói. Rồi ông ta điệu giọng nói thêm:

-Cho phép tôi kết thúc cuộc nói chuyện của chúng ta. Thưa ngài A-rô-nắc, tôi biết ngài. Nếu như không có hai người cùng đi thì có lẽ ngài cũng chẳng than phiền gì về sự ngẫu nhiên đã gắn số phận chúng ta với nhau. Trong số những cuốn sách tôi ưa thích, ngài sẽ thấy cả công trình nghiên cứu của ngài về đáy biển. Tôi thường đọc đi đọc lại cuốn sách đó. Ngài đã đẩy khoa hải dương học tiến lên một bước rất dài. Thưa giáo sư, cho phép tôi được đoan chắc với ngài rằng ngài sẽ không hối tiếc gì về thời gian

ngài sống trên tàu của tôi. Ngài sẽ được đi du lịch vào một xứ sở diệu kỳ! Sự thay đổi ấn tượng sẽ làm óc tưởng tượng của ngài rung động. Ngài sẽ thường xuyên thấy hứng thú. Ngài sẽ không bao giờ hết ngạc nhiên về những cái được nhìn thấy. Cuộc sống của thế giới ngầm dưới nước sẽ không ngừng trải ra trước mắt ngài! Tôi đang chuẩn bị một chuyến đi dưới biển vòng quanh thế giới -biết đâu không phải là chuyến đi cuối cùng? Tôi muốn nhìn lại một lần nữa tất cả những gì tôi đã nhiều lần nghiên cứu dưới đáy biển! Ngài sẽ là người cùng tham dự công việc nghiên cứu khoa học này của tôi. Từ hôm nay, ngài sẽ bước vào môi trường mới, ngài sẽ thấy những điều mà người khác không bao giờ được thấy. Hành tinh của chúng ta sẽ mở ra trước mắt ngài những bí mật sâu kín nhất! Tôi không giấu rằng những lời nói trên của thuyền trưởng đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Ông ta đã gài đúng chỗ ngựa của tôi, và trong giây phút tôi quên mất rằng dù có được ngắm nhìn những kỳ quan dưới đáy biển cũng chẳng bù lại được cái tự do đã mất. Nhưng tôi tự an ủi rằng giải quyết một vấn đề quan trọng thế này phải có thời gian. Vì vậy, tôi chỉ nói rất ngắn:

-Thưa ngài, dù ngài đã đoạn tuyệt với loài người, tôi vẫn hy vọng rằng ngài không xa lạ với những tình cảm con người. Chúng tôi gặp nạn, ngài đã rộng lòng tiếp nhận chúng tôi lên tàu của ngài.

Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ơn đó. Về phần tôi, tôi xin thú thực rằng nếu khả năng phục vụ khoa học có thể làm tôi bớt nghĩ tới tự do, thì cuộc gặp mặt với ngài có thể đền bù quá đầy đủ cho sự thiệt thòi đó. Tôi tưởng thuyền trưởng sẽ bắt tay tôi để giao ước, nhưng ông ta chẳng đưa tay ra.

-Còn vấn đề cuối cùng, -tôi nói vì thấy con người khó hiểu đó sắp bỏ đi.

-Ngài cứ nói.

-Xin ngài cho biết quý danh.

-Thưa ngài, đối với ngài, tôi là thuyền trưởng Nê-mô còn đối với tôi thì các ngài chỉ là hành khách của tàu Nau-ti-lux. Thuyền trưởng Nê-mô gọi người hầu và ra lệnh cho anh ta vẫn bằng thứ tiếng khó hiểu ấy. Rồi ông ta bảo Công-xây và Nét Len:

-Bữa sáng đang chờ các ngài ở phòng riêng. Các ngài chịu khó đi theo anh này.

-Tôi sẵn sàng!

-Nét trả lời. Thế là cuối cùng họ đã ra khỏi phòng giam, nơi họ đã bị nhốt hơn ba mươi tiếng đồng hồ.

-Ngài A-rô-nắc, bây giờ chúng ta cùng đi ăn sáng. Ngài có vui lòng theo tôi không?

-Thưa thuyền trưởng, tôi xin tuân lệnh ngài. Tôi đi theo Nê-mô. Qua ngưỡng cửa, tôi bước vào một hành lang hẹp có điện sáng. Đi được khoảng mười mét chúng tôi vào một căn phòng lớn. Đó là phòng ăn được bài trí rất trang nhã. Một cái tủ thấp bằng gỗ sồi kê ở hai đầu trong có nhiều bát, đĩa, cốc, tách bằng sứ và pha lê quý giá. Những đồ dùng bằng bạc phản chiếu ánh sáng dọi từ trên xuống. Những bức vẽ tinh vi trên trần làm ánh điện dịu đi. Giữa phòng kê một cái bàn trên bày những bộ đồ ăn đắt tiền. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

-Mời ngài ngồi xuống ăn! Chắc ngài đã đói mềm. Bữa sáng gồm nhiều món ăn làm hoàn toàn bằng những sản vật của biển. Tuy vậy, có mấy món khiến tôi thắc mắc. Dù được nấu rất ngon, tôi vẫn cảm thấy có một mùi vị là lạ, nhưng chỉ một lát sau tôi đã quên đi ngay. Tôi thấy tất cả những món ăn đó đều có nhiều lần nên khẳng định rằng nó đều là hải sản. Thuyền trưởng Nê-mô đưa mắt nhìn tôi. Tôi chẳng hỏi gì, nhưng tự ông ta trả lời những

câu hỏi đang quay cuồng trong đầu tôi.

-Phần lớn những món này xa lạ đối với ngài, nhưng ngài cứ ăn đi, đừng sợ. Nó vừa lành vừa bổ. Từ lâu tôi không ăn thịt, nhưng ngài thấy đó, tôi vẫn khỏe mạnh như thường. Anh em thủy thủ của tôi ai cũng vạm vỡ sung sức, và chúng tôi ăn uống như nhau.

-Vậy là những món ăn này đều từ hải sản chế biến ra?

-Thưa giáo sư vâng! Biển thỏa mãn mọi nhu cầu của tôi. Tôi cứ bủa lưới là kéo được rất nhiều tôm cá. Tôi lặn xuống biển sâu nơi con người hình như không tới được, tôi săn bắt các loại cá trong những cánh rừng ngầm. Những đàn cá của tôi, tựa như đàn cá của vua thủy tề, nhón nhơ kiếm ăn trên những đồng cỏ ngầm dưới đại dương. Đất đai của tôi bao la và bàn tay tạo hóa cũng không đến nỗi nghèo sáng tạo. Tôi ngạc nhiên nhìn Nê-mô và nói:

-Thưa ngài, tôi hiểu rõ rằng nhờ dùng lưới mà ngài đã có cá rất ngon. Tôi hiểu, tuy chưa rõ lắm, là ngài còn săn bắt cả ở những cánh rừng ngầm dưới biển. Nhưng tôi hoàn toàn không hiểu vì sao trong thực đơn lại có cả món thịt, dù rất ít?

-Thưa ngài, tôi không ăn thịt những thú vật trên cạn.

-Thế thì cái gì đây?

-Tôi chỉ vào cái đĩa đựng mấy miếng thịt bò.

-Thưa giáo sư, cái mà ngài tưởng là thịt bò chỉ là thịt thăn của rùa biển. Còn đây là gan cá heo rán. Ngài rất dễ làm món này là ra-gu lợn! Đầu bếp của tôi bảo quản thực phẩm rất tài. Ngài nên nếm mỗi thứ một ít. Đây là kem làm bằng váng sữa cá voi. Đây là đường làm bằng cây phu-cút khổng lồ ở Địa Trung Hải. Và cuối cùng, xin mời ngài ăn mứt làm bằng a-nê-môn, mà mùi vị chẳng kém gì các thứ quả chín thơm nhất trên mặt đất. Tôi nếm mỗi thứ một chút không phải vì tham ăn mà vì tò mò. Trong khi đó, thuyền trưởng Nê-mô làm tôi mê đi bằng những chuyện thần kỳ của ông ta.

-Thưa ngài A-rô-rắc, biển đã nuôi tôi. Biển hào hiệp vô cùng. Biển chẳng những cho tôi ăn, còn cho tôi quần áo mặc. Vải may quần áo ngài đang mặc được dệt bằng túc ti của mấy loại nhuyễn thể hai vỏ. Nước hoa để trên bàn rửa mặt ở phòng ngài được cất từ những thực vật biển. Đệm ngài nằm cũng làm bằng thứ cỏ mềm dưới biển. Ngòi bút ngài dùng chính là một sợi râu cá voi

còn mực thì do một động vật biển tiết ra. Tôi sống bằng những tặng phẩm của biển và tới lúc nào đó biển cũng sẽ lấy lại những quà tặng của mình!

-Ngài có yêu biển không, thưa thuyền trưởng?

-Tôi rất yêu biển! Biển là tất cả! Nó chiếm bảy phần mười bề mặt trái đất. Hơi thở trong lành của nó cho ta thêm sức mạnh. Trong cảnh mênh mông bát ngát của biển, con người không cô độc vì anh ta cảm thấy có nhịp đập của cuộc sống quanh mình. Trong biển cả có nhiều sinh vật kỳ diệu lạ thường. Biển là sự vận động vĩnh cửu và tình yêu, là cuộc sống vô tận như một nhà thơ của các ngài đã viết. Và, thưa giáo sư, môi trường nước thật là điều kiện ưu việt đặc biệt cho sự sống phát triển. Dưới nước có cả ba vương quốc của tự nhiên: khoáng vật, thực vật, động vật. Giới động vật có vô số giống, loài. Biển tĩnh mịch vô cùng! Biển không chịu khuất phục những tên bạo chúa. Trên mặt biển, bọn chúng còn có thể làm những điều ngang trái, gây ra chiến tranh, giết hại con người. Nhưng dưới độ sâu mười mét thì chúng bất lực, uy quyền của chúng cũng hết! Thưa ngài, ngài hãy ở lại đây, hãy sống giữa biển cả mênh mông này. ở đây, chỉ có ở đây mới có độc lập thực sự! ở đây không có bạo chúa! ở đây tôi được tự do! Thuyền trưởng Nê-mô bỗng im bặt. Ông ta đã vi phạm sự dè

dặt thường ngày của mình chẳng? Ông ta ân hận là đã nói quá nhiều chẳng? Nê-mô bồi hồi đi đi lại lại mấy phút trong phòng. Thần kinh ông ta dần dần ổn định, vẻ mặt lại lạnh lùng như cũ. Cuối cùng, Nê-mô đến gần tôi và nói:

-Thưa giáo sư, nếu ngài muốn đi xem tàu Nau-ti-lux tôi xin hướng dẫn ngài.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 11

Tàu "nau-ti-lux"

Tôi đi theo thuyền trưởng Nê-mô. Cánh cửa ở cuối phòng ăn mở ra, chúng tôi bước vào căn phòng bên cạnh cũng rộng như vậy. Đó là thư viện. Trong những chiếc tủ bằng gỗ mun, trên những giá rộng, sách xếp thành hàng, quyển nào cũng đóng bìa giống nhau. Tủ kê dọc tường, cao từ sàn tới trần. Cách tủ một chút là những chiếc đi-văng rộng, bọc da màu nâu, kê sát nhau. Giữa thư viện có một cái bàn trên bày nhiều tạp chí và một số báo cũ. Bổ sung cho tất cả sự hài hòa đó, bốn bán cầu bằng kính mờ rọi ánh sáng điện từ trần xuống. Tôi quan sát căn phòng đẹp đẽ đó, trong lòng hết sức ngạc nhiên và thán phục.

-Thưa thuyền trưởng, -tôi nói với Nê-mô lúc đó đang nằm dài trên đi-văng, -thư viện của ngài có thể là niềm tự hào cho bất cứ tòa lâu đài nào trên lục địa. Tôi rất sùng sốt khi nghĩ rằng cái kho báu này lại theo ngài đi du lịch dưới đáy biển!

-Thưa giáo sư, ngài có thể tìm thấy ở đâu những điều kiện thuận lợi để làm việc như thế này? ở đây im lặng, tĩnh mịch hoàn toàn. ở phòng làm việc của ngài trong Viện bảo tàng Pa-ri đâu có được những điều kiện tốt như vậy.

-Tất nhiên là không! Tôi phải thú nhận rằng, so với phòng làm việc của ngài thì phòng làm việc của tôi ở Pa-ri còn rất nghèo nàn. Ngài có ít nhất sáu, bảy ngàn cuốn sách.

-Thưa ngài, mười hai ngàn cuốn tất cả. Sách báo là vật duy nhất nối liền tôi với mặt đất. Đối với tôi, thế giới này ngừng tồn tại từ ngày tàu Nau-ti-lux lặn xuống biển lần đầu. Hôm đó lần cuối cùng tôi mua sách và báo chí. Thưa giáo sư, ngài có thể sử dụng thư viện của tôi một cách tự nhiên. Tôi cảm ơn thuyền trưởng Nê-mô rồi đến xem những giá sách. ở đây tập hợp các loại sách khoa học, triết học, văn học bằng các thứ tiếng. Nhưng tôi chẳng thấy một tác phẩm nào về kinh tế chính trị cả. Chắc là đã có lệnh nghiêm cấm không cho mang loại sách này lên tàu. Một chi tiết đáng chú ý: sách được xếp thứ tự a, b, c, bất kể là được viết bằng thứ tiếng nào. Có lẽ thuyền trưởng Nê-mô thạo tất cả các thứ tiếng. Trong số sách báo, tôi thấy tác phẩm của những nhà văn, những nhà tư tưởng vĩ đại của thế giới cổ đại và hiện đại -tất cả

những gì ưu tú nhất đã được thiên tài của con người sáng tạo ra trong lĩnh vực lịch sử, thơ ca, văn xuôi và khoa học, từ Hô-mê đến Vích-to Huy-gô, từ Ra-bơ-le đến Gioóc-giơ Xăng. Nhưng dù sao, sách khoa học cũng chiếm ưu thế trong thư viện này. Sách về cơ học, đàn đạo học, thủy văn học, khí tượng học, địa lý học, động vật học v.v... xen kẽ với những tác phẩm về lịch sử tự nhiên, theo tôi hiểu, là đối tượng nghiên cứu khoa học chủ yếu của thuyền trưởng. ở đây có toàn bộ tác phẩm của các nhà khoa học nổi tiếng thế giới, những "Thông báo của Viện hàn lâm khoa học", những tuyển tập của các hội địa lý, v.v...

Hai cuốn sách của tôi cũng vinh dự được đứng trong số sách đó, và có lẽ nhờ chúng mà tôi được đối xử tử tế trên tàu Nau-ti-lux này! Cuốn "Những cơ sở của thiên văn học" của Giô-dép Béc-tơ-răng xuất bản năm 1865 cho phép tôi kết luận tàu Nau-ti-lux được đưa xuống nước không sớm hơn năm đó. Như vậy, thuyền trưởng Nê-mô bắt đầu cuộc sống ngầm dưới nước mới ba năm trước đây. Tôi hy vọng sẽ xác định được thời điểm chính xác, nếu tìm thấy được sách báo đủ thì giờ để làm việc đó, hơn nữa tôi không muốn hoãn việc tham quan tàu Nau-ti-lux lại. Tôi nói:

-Xin cảm ơn ngài đã cho phép tôi sử dụng thư viện của ngài. ở đây có bao nhiêu sách khoa học quý giá! Tôi sẽ không bỏ lỡ dịp

may này.

-Đây chẳng những là thư viện mà còn là phòng hút thuốc nữa, -
Nê-mô trả lời.

-Phòng hút thuốc ư?

-Tôi ngạc nhiên.

-Phòng hút thuốc trên tàu Nau-ti-lux ư?

-Đúng vậy!

-Nếu thế thì, thưa ngài, tôi phải giả định rằng ngài vẫn có quan
hệ với La Ha-ba-na.

-Hoàn toàn không. Xin mời ngài hút thử một điếu thuốc xì-gà.
Nó thực không phải là xì-gà La Ha-ba-na, nhưng nếu ngài sành
hút thì nó chắc sẽ hợp khẩu vị của ngài. Tôi lấy một điếu, hình
dáng rất giống xì-gà La Ha-ba-na loại tốt nhất, nhưng hình như
được cuốn bằng những lá vàng óng. Tôi châm lửa hút bên chiếc
đèn lớn đặt trên một cái đế bằng đồng hun rất đẹp, rồi hít một hơi
dài với vẻ say sưa của một anh nghiện bị đói thuốc lá đã hai

ngày.

-Xì-gà ngon tuyệt, nhưng đây có thật là xì-gà không, thưa ngài?

-Tôi hỏi.

-Xì-gà thật, nhưng không phải là của La Ha-ba-na hay Thổ Nhĩ Kỳ. Biển cung cấp cho tôi loại tảo hiếm, có nhiều chất ni-cô-tin này. Bây giờ ngài còn thèm xì-gà La Ha-ba-na không?

-Thưa thuyền trưởng, từ giờ phút này, tôi coi rẻ chúng rồi.

-Xin ngài cứ hút thỏa thích và đừng hỏi về nguồn gốc của nó. Chẳng ai đánh thuế nó cả, nhưng chẳng vì thế mà nó kém giá trị đi đâu.

-Ngược lại! Lúc đó thuyền trưởng Nê-mô mở cánh cửa đối diện với cửa vào thư viện. Thế là tôi bước sang phòng khách ánh sáng chói lòa. Đó là một gian phòng lớn, dài mười mét, rộng sáu mét, cao năm mét. Mấy ngọn đèn giấu trên trần tỏa ánh sáng xuống những vật báu bày trong phòng bảo tàng. Đúng, đây là một phòng bảo tàng thực sự, nơi những tặng vật của thiên nhiên và những tác phẩm nghệ thuật được một bàn tay tài hoa hợp lại.

Khoảng ba chục bức tranh của các họa sĩ vĩ đại trang hoàng xung quanh tường, xen vào giữa là những lá chắn và áo giáp của các kỵ sĩ thời xưa. Đó là những bức họa hết sức quý giá mà tôi đã được chiêm ngưỡng trong những phòng tranh tư nhân ở châu Âu và những triển lãm nghệ thuật. Nhiều trường phái hội họa cổ điển được trưng bày ở đây. Lời tiên đoán của thuyền trưởng Nê-mô bắt đầu thành sự thật: tôi đã ngạc nhiên hết sức!

-Thưa giáo sư, -Nê-mô nói, -tôi mong ngài thứ lỗi cho về việc đón tiếp ngài quá đơn sơ, và phòng khách không được gọn gàng lắm.

-Thưa thuyền trưởng, -tôi trả lời, -tuy chưa hiểu biết gì về ngài, tôi vẫn mạnh dạn cho ngài là một họa sĩ!

-Nghiep dư thôi, xưa kia tôi rất thích sưu tầm những tác phẩm rất ưu tú do bàn tay con người làm ra. Tôi là người sưu tập say mê, không biết mệt mỏi và đã tìm được mấy tác phẩm rất quý giá. Bộ tranh này là kỷ niệm cuối cùng về mặt đất. Tôi xem những họa sĩ đương thời của ngài cũng như các họa sĩ thời xưa. Thiên tài đâu có tuổi tác!

-Thế còn các nhà soạn nhạc?

-Tôi chỉ vào các tác phẩm của Rốt-xi-ni, Mô-da, Be-tô-ven... bày la liệt trên chiếc đại phong cầm, chiếm cả khoảng tường giữa hai cửa ra vào. Thuyền trưởng Nê-mô trả lời:

-Đối với tôi, những nhạc sĩ này là những người đồng thời với Oóc-phê-ux, vì khái niệm thời gian đã bị xóa nhòa trong óc tôi... Thuyền trưởng im lặng và suy nghĩ lắng xuống. Tôi nhìn kỹ khuôn mặt ông ta, lòng vô cùng xúc động, Nê-mô tựa vào cái bàn gỗ quý và dường như đã quên bằng tôi đi. Không muốn cản trở dòng suy nghĩ của Nê-mô, tôi quay ra xem những vật báu. Những tác phẩm nghệ thuật được bày cạnh những sản phẩm của thiên nhiên. Rong biển, vỏ ốc, vỏ trai và những tặng vật khác của đại dương, chắc do bàn tay Nê-mô sưu tầm, chiếm một vị trí nổi bật trong bộ sưu tập của ông ta. Giữa phòng khách có một bể phun nước được điện chiếu sáng từ dưới lên. Trong mấy tủ kính rất đẹp, những vật mẫu hiếm nhất của đại dương được xếp loại và dán nhãn bên ngoài. Các bạn thử hình dung xem một người nghiên cứu tự nhiên như tôi lúc đó sung sướng đến mức nào! ở những ngăn đặc biệt có từng chuỗi ngọc trai đẹp tuyệt trần, óng ánh đủ màu sắc dưới ánh sáng điện, ngọc trai màu hồng lấy từ đáy biển Đỏ; ngọc màu xanh, màu vàng, màu da trời, màu đen - một sản phẩm kỳ lạ của loài nhuyễn thể ở tất cả các đại dương;

cuối cùng là những viên ngọc vô giá lấy từ loại trai lớn nhất và hiếm nhất. Có mấy viên ngọc lớn hơn quả trứng chim câu, mỗi viên đều đắt hơn viên ngọc mà nhà thám hiểm Ta-véc-ni-ê đã bán cho vua Ba Tư lấy ba triệu đồng. Không thể xác định giá trị của bộ sưu tập này được. Thuyền trưởng Nê-mô phải tốn hàng triệu đồng để mua những vật báu này. Tôi tự hỏi, chẳng biết ông ta lấy tiền từ ở đâu để thỏa mãn những thích thú cầu kỳ của mình? Nhưng ngay lúc đó Nê-mô bảo tôi:

-Ngài xem những vỏ trai, ốc của tôi đây ạ? Đúng là chúng có thể làm các nhà tự nhiên học thích thú, nhưng đối với tôi, chúng còn có một vẻ quyến rũ đặc biệt vì tự tay tôi đã sưu tầm chúng và chẳng còn vùng biển nào trên trái đất mà tôi chưa tìm đến.

-Thưa thuyền trưởng, tôi hiểu, rất hiểu là ngài thú vị biết bao khi ngắm nhìn những vật báu của mình. Và chúng lại do chính tay ngài sưu tầm được! Chẳng một Viện bảo tàng nào ở châu Âu có nổi một bộ sưu tập động vật và thực vật biển phong phú như thế này. Nhưng nếu tôi quá say sưa những vật này thì còn đâu óc đầu để đi thăm tàu? Tôi hoàn toàn không muốn đi sâu vào những bí mật của ngài, nhưng xin thú thực rằng, cấu tạo của tàu Nau-ti-lux, những máy móc làm cho tàu có tính cơ động lạ thường như vậy đã kích thích cao độ tính tò mò của tôi! Trên tường phòng

khách, tôi thấy những máy móc mà tôi không rõ dùng để làm gì. Tôi có thể tìm hiểu được không ạ?

-Thưa giáo sư, tôi đã nói rằng ngài được tự do trên tàu của tôi. Như vậy, không có chỗ nào trên tàu Nau-ti-lux này mà ngài không thể đặt chân tới! Ngài có thể xem xét tất cả các bộ phận của tàu, và tôi xin sẵn lòng hướng dẫn ngài.

-Thưa thuyền trưởng, tôi vô cùng cảm tạ ngài! Tôi sẽ không dám lạm dụng lòng tốt của ngài! Chỉ xin ngài cho tôi được tìm hiểu công dụng của các dụng cụ vật lý này...

-Thưa giáo sư, trong phòng tôi cũng có những máy móc y hệt như ở đây. Tôi sẽ giải thích để ngài rõ công dụng. Nhưng trước hết, xin ngài hãy cùng tôi xuống phòng đã chuẩn bị riêng cho ngài. Ngài cần biết mình sẽ sống trên tàu Nau-ti-lux thế nào! Tôi đi theo thuyền trưởng Nê-mô. Sau khi đi qua một cánh cửa ở góc phòng khách, chúng tôi bước vào một hành lang hẹp, chạy dọc thành tàu. Tới mũi tàu, Nê-mô dẫn tôi vào những căn phòng rất đẹp, có giường, bàn rửa mặt và những tiện nghi khác. Tôi chỉ còn biết cảm ơn người chủ nhà đáng yêu đó thôi.

-Phòng của ngài liền với phòng tôi, -Nê-mô vừa nói vừa mở một

cánh cửa khác, -phòng tôi lại thông với phòng khác, nơi ta vừa ra. Phòng thuyền trưởng có vẻ khắc khổ gần như nhà tu. Một chiếc giường sắt, một bàn làm việc, mấy cái ghế, một chậu rửa mặt. Trong phòng tranh tối sáng. Chỉ có những đồ dùng cần thiết nhất. Thuyền trưởng chỉ vào một chiếc ghế và bảo tôi:

-Mời ngài ngồi. Tôi ngồi xuống ghế, và Nê-mô bắt đầu giải thích.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 12

Tất cả đều chạy bằng điện!

-Thưa ngài, -thuyền trưởng Nê-mô chỉ vào các máy móc treo trên tường, -đây là toàn bộ thiết bị dùng để điều khiển tàu Nau-ti-lux. Tại đây, cũng như trong phòng khách, chúng bao giờ cũng ở trước mặt tôi và bảo cho tôi biết chiếc tàu đang ở điểm nào của đại dương và chỉ cả hướng đi của tàu. Một số máy móc ngài đã quen thuộc. Đây là nhiệt kế để đo nhiệt độ không khí trong tàu. Đây là áp kế để đo áp suất không khí, nhờ đó có thể dự đoán thời tiết, ẩm kế để đo độ ẩm trong khí quyển. Đây là máy báo bão và địa bàn hoặc chỉ đường đi; máy xác định vĩ độ bằng độ cao của mặt trời; đồng hồ chính xác để xác định độ kinh. Và cuối cùng là những thứ ống kính viễn vọng ban ngày và ban đêm mà tôi dùng để quan sát chân trời mỗi khi tàu Nau-ti-lux nổi lên trên mặt biển.

-Vâng, tất cả những máy móc này đều là vật thông dụng của

người đi biển mà tôi đã quen thuộc từ lâu. Nhưng có những thứ chắc liên quan tới những đặc điểm của việc điều khiển tàu ngầm. Như cái mặt đồng hồ lớn có kim chuyển động có phải là áp kế không?

-Đúng là áp kế! Nó dùng để đo áp lực nước, nhờ đó ta xác định được độ sâu của con tàu.

-Còn đây là những máy thăm dò kiểu mới, phải không ạ?

-Vâng, đó là những máy đo nhiệt độ ở các lớp nước khác nhau.

-Thế còn những dụng cụ này? Tôi không hiểu chúng dùng làm gì?

-Thưa giáo sư, đến đây tôi cần giải thích đôi lời để ngài rõ. Chẳng biết ngài có muốn nghe không? Ngừng một lát, thuyền trưởng Nê-mô nói tiếp:

-Trong thiên nhiên có một sức mạnh hùng hậu, dễ điều khiển, dễ sử dụng. Nó có thể ứng dụng vào nhiều trường hợp rất khác nhau và mọi thứ trên tàu của tôi đều phục tùng nó. Tất cả đều xuất phát từ nó! Nó chiếu sáng, sưởi ấm, làm máy móc hoạt động.

Sức mạnh đó là điện năng.

-Điện năng?

-Tôi ngạc nhiên.

-Thưa ngài, vâng.

-Thưa thuyền trưởng, tuy vậy tốc độ đặc biệt của chiếc tàu này có liên quan gì với những khả năng của điện. Cho tới nay sức sống của điện năng vẫn rất hạn chế và khả năng của nó hết sức không đáng kể.

-Thưa giáo sư, cách dùng điện lực trên tàu này rất khác với những cách thông thường. Tôi chỉ xin nói vắn tắt như vậy!

-Thưa ngài, tôi không dám nài gì thêm. Nhưng lời giải thích vừa rồi của ngài tuy ngắn nhưng đã làm tôi thỏa mãn. Thú thực là tôi rất sùng sốt. Chỉ xin hỏi ngài thêm một điều. Tôi hy vọng sẽ được ngài giải đáp nếu ngài không cho tôi là thiếu lịch sự. Những yếu tố dùng để tạo ra cái sức mạnh kỳ diệu ấy chắc rất chóng cạn, phải không ạ? Kẽm chẳng hạn, ngài sẽ thay thế bằng gì! Ngài có quan hệ gì với mặt đất đâu? Thuyền trưởng Nê-mô

nói:

-Tôi sẽ giải đáp câu hỏi của ngài. Trước hết xin nói để ngài rõ rằng ở đáy biển có những lớp quặng kẽm, sắt, bạc, vàng, v.v... Khai thác không khó gì lắm. Nhưng tôi không muốn sử dụng những của cải ở dưới đất mà muốn mượn của biển cả số năng lượng cần thiết để chạy con tàu này hơn.

-Mượn của biển cả, thưa ngài?

-Thưa giáo sư, vâng. Biển không thiếu gì loại năng lượng ấy. Tôi có thể đặt dây cáp ở các độ sâu khác nhau để lấy điện do sự chênh lệch nhiệt độ sinh ra. Nhưng tôi lại dùng một phương pháp thực tế hơn.

-Phương pháp nào ạ?

-Ngài đã biết thành phần nước biển. Cứ một ngàn gam thì có 96,5% nước nguyên chất, 2,66% clo-rua na-tri. Ngoài ra còn có một ít clo-rua ma-ge, và clo-rua can-xi, bro-mua ma-ge, sun-phát ma-ge, sun-phát và can-xi các-bo-nát. Ngài đã biết là clo-rua na-tri có nhiều trong nước biển. Chính tôi đã tách nó ra khỏi nước biển để cung cấp cho các bình điện.

-Dùng clo-rua na-tri?

-Thưa vâng. Clo-rua na-tri kết hợp với thủy ngân tạo nên chất hỗn hợp thay thế được kẽm. Thủy ngân trong bình điện không bị phân hủy, chỉ có na-tri là bị tiêu đi, mà na-tri thì đã có biển cung cấp. Hơn nữa, phải nói rằng bình điện na-tri mạnh hơn bình điện kẽm ít nhất hai lần.

-Thưa thuyền trưởng, tôi hiểu rõ tất cả những điểm ưu việt của na-tri trong điều kiện cụ thể của ngài. Na-tri do biển cung cấp. Rất tốt! Nhưng vẫn phải tách nó ra khỏi hợp chất clo-rua chứ. Ngài tách nó ra bằng cách nào? Tất nhiên, các ắc-quy của ngài có thể dùng để phân hóa chất clo-rua na-tri nhưng nếu tôi không làm thì điện phân tiêu thụ rất nhiều na-tri. Như vậy số na-tri bị mất đi sẽ lớn hơn số na-tri tách ra được!

-Thưa giáo sư, do đó tôi không tách na-tri ra bằng điện phân mà dùng than đá.

-Dùng than đá?

-Vâng, gọi là than đá biển cũng được.

-Nghĩa là ngài đã tìm ra phương thức khai thác than đá ngầm dưới biển!

-Thưa giáo sư, ngài sẽ được thấy điều đó tận mắt. Chỉ xin giáo sư kiên nhẫn một chút, và lại còn rất nhiều thì giờ rồi. Giáo sư chỉ cần nhớ một điều: tôi chịu ơn biển cả về mọi mặt. Biển cả cho tôi điện, mà điện thì cung cấp cho tàu Nau-ti-lux nhiệt năng, cơ năng, ánh sáng, tóm lại là cả sự sống.

-Nhưng không cung cấp không khí để thở?

-Ồ, tôi có thể làm được cả không khí, dưỡng khí tinh khiết nhất! Nhưng không cần thiết phải làm như vậy, vì bất kỳ lúc nào tôi cũng có thể cho tàu nổi lên mặt biển. Và lại, nếu điện năng chưa tạo ra dưỡng khí thì nó cũng có thể dùng để chạy những máy bơm rất mạnh nén không khí trong những bình chứa đặc biệt, giúp tôi khi cần có thể cho tàu lặn lâu dưới biển.

-Thưa thuyền trưởng, tôi khâm phục ngài! Việc ngài tìm ra khả năng chạy máy của điện là một phát kiến khoa học! Tới một lúc nào đó, mọi người sẽ hiểu điều này!

-Tôi không rõ họ có hiểu không? Thuyền trưởng Nê-mô lạnh lùng trả lời

-Nhưng dù sao tôi cũng đã ứng dụng sức mạnh quý giá ấy một cách rộng rãi. Nó rọi lên chúng ta một thứ ánh sáng đều và cố định mà mặt trời không có được. Bây giờ mời ngài xem cái đồng hồ này: nó chạy bằng điện và rất chính xác. Tôi đã chế tạo nó theo sơ đồ của I-ta-li-a và chia mặt đồng hồ ra thành hai mươi bốn giờ, vì đối với tôi không có ngày đêm, không có mặt trời, mặt trăng, mà chỉ có thứ ánh sáng nhân tạo này mà tôi mang xuống đáy biển. Ngài thấy không, bây giờ là mười giờ sáng.

-Rất đúng.

-Và đây là một ứng dụng khác của điện. Cái mặt đồng hồ đối với ngài dùng để chỉ tốc độ của tàu Nau-ti-lux. Nó nối với chân vịt bằng dây điện và luôn luôn cho tôi biết tàu đang chạy với tốc độ nào. Ngài nhìn xem, chúng ta đang đi quá mười lăm hải lý một giờ.

-Thật kỳ diệu!

-Tôi thốt lên.

-Quả là ngài đã giải quyết đúng đắn nhiệm vụ ứng dụng một năng lượng mới mà trong tương lai sẽ thay thế sức gió, sức nước và những động cơ hơi nước.

-Chúng ta chưa xem hết đâu, ngài A-rô-nắc ạ, -thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy.

-Nếu ngài muốn, chúng ta sẽ xuống phía lái. Thế là tôi đã thực sự làm quen với cấu trúc bên trong của chiếc tàu ngầm. Từ giữa tàu lên mũi tàu có: phòng ăn dài năm mét cách thư viện một bức tường không thấm nước; thư viện dài độ năm mét; phòng khách dài mười mét, cách phòng thuyền trưởng (dài năm mét) cũng bằng một bức tường không thấm nước; bên cạnh là phòng của tôi dài hai mét rưỡi; cuối cùng là khoang chứa không khí dài bảy mét rưỡi. Tổng cộng ba mươi lăm mét! Những bức tường không thấm nước và những cánh cửa đóng kín là những bảo vệ vững chắc, nếu bộ phận nào đó trong tàu bị rò rỉ. Tôi theo thuyền trưởng Nê-mô đi dọc những hành lang hẹp và cuối cùng lại đến giữa tàu. Ở đó có một phòng hẹp nằm giữa hai bức tường không thấm nước. Một chiếc thang bắt vít chặt vào chân tường, ghé lên tới trần. Tôi hỏi Nê-mô, chiếc thang đó dẫn tới đâu.

-Tới xuống, -Nê-mô trả lời.

-Sao? Ngài có xuống nữa à?

-Tôi hơi ngạc nhiên.

-Tất nhiên! Một chiếc xuống tuyệt vời, vừa nhẹ, vừa chắc, dùng để dạo chơi và đánh cá.

-Nghĩa là ngài phải cho tàu nổi lên mặt biển để thả xuống xuống nước?

-Hoàn toàn không phải thế! Xuồng được đặt ở một chỗ đặc biệt trên boong tàu, phía lái. Nó có một cái nắp không thấm nước và được vít bù-loong rất chặt. Chiếc thang này dẫn đến một cái nắp hẹp trên boong tàu. Cái nắp này lại thông với một cái nắp khác cũng như vậy dưới đáy xuống. Tôi chui qua hai cái nắp đó để vào xuống. Cái nắp trên boong đóng lại ngay. Sau đó tôi đóng chặt cái nắp trong xuống, rồi tháo bù-loong. Xuồng lập tức nổi lên mặt nước. Tôi mở nắp xuống, dựng cột buồm, rồi chèo. Thế là tôi đã ở giữa biển khơi!

-Thế ngài trở về tàu bằng cách nào?

-Thưa giáo sư, tôi không trở về tàu theo lối cũ, mà chính tàu Nau-ti-lux phải nổi lên mặt biển!

-Theo lệnh ngài?

-Vâng, theo lệnh tôi. Xuồng được nối với tàu bằng dây điện. Tôi gọi điện xuống tàu, thế là xong! Tôi ngắm nhìn tất cả những điều kỳ diệu đó rồi nói:

-Quả thực không có gì có thể đơn giản hơn! Chúng tôi đi ngang qua một cánh cửa mở vào một căn phòng nhỏ, dài không quá hai mét, nơi Công-xây và Nét đang chén một bữa ngon tuyệt. Sau đó, cánh cửa bên cạnh mở, chúng tôi ngó vào: đó là bếp dài ba mét, hai bên là kho chứa thực phẩm rộng. Điện quả là tiện hơn bất kỳ một thứ hơi đốt nào. Mọi thứ đều được chế biến bằng điện. Những dây điện chạy vào một cái máy làm bằng những tấm bạch kim nhỏ, nung đỏ bạch kim lên và duy trì một nhiệt độ cần thiết để nấu ăn. Điện còn dùng để chạy máy lọc cung cấp nước ngọt tinh khiết cho tàu. Gần bếp là phòng tắm đầy đủ tiện nghi, có vòi nước nóng và nước lạnh... Tiếp theo là phòng ở của thủy thủ dài năm mét. Nhưng cửa phòng đóng kín nên tôi không xác định được số lượng người làm trên tàu. Bức tường không thấm

nước thứ tư ngăn phòng ở của thủy thủ với buồng máy. Chúng tôi mở cửa bước vào buồng, nơi thuyền trưởng Nê-mô -một kỹ sư hạng nhất -đặt các máy móc chạy tàu Nau-ti-lux. Buồng máy dài khoảng hai mươi mét, điện sáng trưng. Nó gồm hai phần: phần đầu có những ắc-quy sản ra điện năng; phần sau gồm toàn máy móc. Tôi ngửi thấy ngay một mùi khó chịu trong buồng máy. Thuyền trưởng Nê-mô nhận ra điều đó và nói:

-Ngài đã ngửi phải mùi của chất khí lấy ra từ na-tri. Nhưng cũng đành chịu, biết làm thế nào? Tuy vậy, sáng nào tôi cũng thông gió rất kỹ trong cả tàu. Tất nhiên tôi rất thú vị khi xem buồng máy của tàu Nau-ti-lux. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

-Ngài thấy đây, điện do ắc-quy sản ra được đưa đến buồng máy, làm chạy động cơ điện. Những động cơ này thông qua một hệ thống máy phức tạp làm quay chân vịt. Mặc dù chân vịt có đường kính tới sáu mét, nó vẫn quay được với tốc độ một trăm hai mươi vòng một giây.

-Và đây tàu chạy nhanh...

-Năm mươi hải lý một giờ. ở đây có ẩn giấu một điều bí mật mà tôi không dám nài Nê-mô giải thích. Điện sao có được cường độ

cao như vậy? Cái năng lượng cực mạnh ấy bắt đầu từ đâu?... Tôi hỏi:

-Thưa thuyền trưởng, những thành tựu của ngài thật đã rõ ràng, tôi không dám đòi hỏi giải thích gì thêm. Tôi vẫn chưa quên chuyện tàu Nau-ti-lux đã chạy xung quanh tàu Lin-côn tài tình và nhanh thế nào. Nhưng tốc độ cao chỉ là một mặt. Còn cần phải thấy hướng đi của tàu. Còn cần biết cách lái tàu sang phải, sang trái, nổi lên, lặn xuống nữa! Ngài làm thế nào để có thể lặn xuống biển sâu, nơi áp suất lên tới một trăm át-mốt-phe? Làm thế nào để nổi lên mặt biển được? Sau hết, làm thế nào để tàu chạy được ở mức nước do mình lựa chọn? Nhưng hỏi ngài như vậy có lẽ hơi sỗ sàng, phải không ạ?

-Thưa giáo sư, không sao cả, -Nê-mô trả lời sau giây lát ngập ngừng, -vì ngài sẽ vĩnh viễn gắn bó với con tàu này. Bây giờ mời ngài vào phòng khách. ở đó có một chỗ làm việc thật sự, ngài sẽ được biết tất cả những điều cần biết về tàu Nau-ti-lux.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 13

vài con số

Một lát sau, chúng tôi đã ngồi trên đi-văng phòng khách, miệng ngậm xì-gà. Thuyền trưởng trải ra trước mặt tôi những bản sơ đồ tàu Nau-ti-lux cắt ngang và cắt dọc. ông ta nói:

-Thưa ngài, đây là những bản vẽ con tàu của chúng ta. Tàu có dáng một hình trụ dài, hai đầu hình nón. Nó giống một điếu xì gà, và ở Luân Đôn người ta cho rằng hình đó là thích hợp nhất đối với loại tàu này. Tàu dài bảy mươi mét, chỗ rộng nhất là tám mét. Nó không được đóng theo tỷ lệ chiều rộng bằng một phần mười chiều dài như cái tàu chạy hơi nước của các ngài. Tuy vậy, với kích thước đó, tàu vẫn rẽ nước một cách dễ dàng và không bị ảnh hưởng gì đến tốc độ. Kích thước đó cho phép tính ra diện tích và thể tích tàu Nau-ti-lux. Diện tích nó là một ngàn mười một mét vuông, thể tích là một ngàn năm trăm mét khối. Tóm lại khi tàu lặn hẳn xuống nước, nó đẩy đi một ngàn năm trăm mét

khối nước hay một ngàn năm trăm tấn nước. Khi thiết kế chiếc tàu ngầm này, tôi tính toán rằng lúc cho tàu xuống nước, chín phần mười thể tích nó sẽ chìm, còn một phần mười sẽ nổi. Trong những điều kiện đó, con tàu sẽ chỉ đẩy đi một lượng nước bằng chín phần mười thể tích của nó, nghĩa là một ngàn ba trăm năm sáu mét khối, hay một ngàn ba trăm năm sáu tấn nước. Như vậy, cấu tạo con tàu không cho phép một trọng lượng vượt quá con số đó. Tàu Nau-ti-lux có hai vỏ: một vỏ ngoài, một vỏ trong, được nối với nhau bằng những xà bằng sắt, khiến tàu có sức bền đặc biệt. Nhờ cấu tạo như vậy, tàu trở thành một khối vững chắc có thể chống lại mọi áp lực bên ngoài. Tàu vững chắc không phải do những đinh tán ở vỏ ngoài mà nhờ được hàn liền và tính đồng nhất của vật liệu. Do đó, tàu có thể chống chọi được với những vùng biển hung dữ nhất. Hai vỏ tàu được làm bằng thép tấm có tỷ trọng bảy phẩy tám. Vỏ ngoài dày ít nhất năm cen-ti-mét, nặng ba trăm chín tư phẩy chín sáu tấn. Vỏ trong lòng tàu: sòng, cao năm mươi cen-ti-mét, rộng hăm nhăm cen-ti-mét, nặng sáu hai tấn. Máy móc, đồ đạc, thiết bị các loại tổng cộng nặng chín trăm sáu mốt phẩy sáu hai tấn. Như vậy, trọng lượng cả tàu là một ngàn ba trăm năm sáu phẩy năm tám tấn, ngài rõ chứ ạ?

-Rất rõ, -tôi trả lời. Thuyền trưởng nói tiếp:

-Khi chạy trên mặt đại dương, tàu nổi lên một phần mười. Nếu muốn tàu chìm hẳn xuống thì cần có những bể chứa được một lượng nước bằng một phần mười thể tích của nó, hay là một trăm năm mươi phẩy bảy hai tấn nước. Lúc này trọng lượng tàu sẽ là khoảng một ngàn năm trăm linh bảy tấn, và nó sẽ chìm hẳn xuống. Thưa giáo sư, trên thực tế đúng là như vậy! Trong tàu Nau-ti-lux có những bể chứa, chỉ cần mở vòi là nước sẽ vào, tàu sẽ chìm xuống ngang mặt biển.

-Thưa thuyền trưởng, ở đây nảy ra một khó khăn chính. Cứ cho rằng tàu của ngài có thể chìm xuống ngang mặt biển. Nhưng xuống tới các lớp nước sâu, lẽ nào nó không phải chịu một áp lực rất cao của các lớp nước phía trên? Lẽ nào lớp áp lực đó lại không đẩy tàu từ dưới lên bằng một lực khoảng một át-mốt-phe ở độ sâu mười mét, nghĩa là khoảng một ki-lô-gam trên một centi-mét vuông?

-Hoàn toàn đúng như vậy.

-Thế là muốn tàu Nau-ti-lux lặn xuống biển sâu, ngài phải cho nước vào đầy các bể chứa?

-Thưa giáo sư, chẳng cần tốn nhiều công sức lắm mới cho tàu lặn

được sâu, vì vỏ tàu có khuynh hướng "chìm" trong nước... Tôi có những bể chứa dự trữ chứa được một trăm tấn nước. Nhờ đó, tôi có thể cho tàu lặn xuống rất sâu. Nếu muốn tàu nổi lên ngang mặt biển, tôi chỉ cần bơm nước ra khỏi bể chứa phụ. Nếu muốn tàu nổi lên khỏi mặt nước một phần mười thể tích, tôi phải bơm hết nước ra khỏi tất cả các bể chứa.

-Thưa thuyền trưởng, tôi phải thừa nhận là ngài đã tính toán rất đúng, tranh cãi với ngài thật vô ích, hơn nữa những tính toán đó hàng ngày được chứng minh là chính xác. Nhưng lại nảy sinh ra một nghi ngờ...

-Nghi ngờ gì, thưa ngài?

-ở độ sâu một ngàn mét, vỏ tàu Nau-ti-lux phải chịu một áp suất là một trăm át-mốt-phe, phải không ạ? Nhưng nếu ngài muốn bơm hết nước ra khỏi các bể chứa để tàu nổi lên mặt nước thì các máy bơm của ngài phải thắng được áp suất một trăm át-mốt-phe, phải không ạ? Mà áp suất đó là một trăm ki-lô-gam trên một centi-mét vuông! Thế thì máy bơm phải mạnh lắm...

-Và chỉ có thể chạy bằng điện, -Nê-mô vội nói nốt.

-Thưa ngài, tôi xin nhắc lại rằng những khả năng của tàu Nau-ti-lux hầu như không bị hạn chế. Những máy bơm trên tàu rất mạnh. Ngài đã thấy điều đó khi cả một cột nước lớn do những máy bơm đó giội lên boong tàu Lin-côn. Và lại, tôi chỉ dùng những bể chứa dự trữ trong trường hợp hãn hữu, nghĩa là khi cần cho tàu lặn xuống sâu từ một ngàn năm trăm mét đến hai ngàn mét. Chỉ khi cần lắm tôi mới bắt ắc-Quy làm việc nhiều. Và nếu tôi hứng lên muốn cho tàu lặn xuống đáy biển, dưới độ sâu hai ba hải lý, tôi sẽ dùng một phương pháp phức tạp hơn nhưng không kém bảo đảm hơn.

-Phương pháp gì vậy, thưa thuyền trưởng?

-Tôi hỏi.

-Trước hết, tôi cần kể ngài nghe về cách lái con tàu.

-Thưa thuyền trưởng, tôi rất nóng lòng muốn nghe!

-Muốn lái con tàu sang trái, sang phải hay chạy vòng, tóm lại, muốn lái tàu trên mặt phẳng nằm ngang, tôi sử dụng tay lái bình thường. Nhưng tôi có thể lái tàu theo chiều thẳng đứng, từ trên xuống và từ dưới lên, bằng hai mặt phẳng nằm nghiêng, gắn ở

thành tàu chổ mực nước. Hai mặt phẳng đó không cố định, từ trong tàu có thể thay đổi vị trí của chúng bằng những đòn bẩy rất mạnh. Nếu chúng nằm song song với lòng tàu thì tàu chạy trên mặt phẳng nằm ngang. Nếu nó nghiêng đi thì tùy theo độ nghiêng mà tôi biết tàu đang lặn xuống theo một đường chéo có thể kéo dài tùy ý, hay đang nổi lên cũng theo đường chéo đó. Ngoài ra, còn có thể cho tàu nổi lên nhanh hơn bằng cách cho chân vịt ngừng hoạt động. Dưới áp lực nước, tàu Nau-ti-lux sẽ nổi phình lên mặt biển theo chiều thẳng đứng, như một quả khí cầu được bơm căng khinh khí.

-Thuyền trưởng cừ lắm!

-Tôi reo lên.

-Nhưng làm thế nào lái được tàu một cách mò mẫm như vậy?

-Buồng lái của tàu nhô lên khỏi thân tàu và được lắp một loại kính dày.

-Kính chịu sao được áp suất lớn như vậy?

-Chịu được rất tốt! Pha lê rơi xuống đất dễ vỡ, nhưng lại chịu

được áp lực nước rất lớn! Năm 1864, ở biển Bắc đã tiến hành đánh cá thử bằng ánh sáng điện. Kết quả ra sao? Những đĩa nhỏ bằng pha lê dày bảy mi-li-met đã chịu được áp suất mười sáu át-mốt-phe! Ngoài ra còn có thêm một dòng điện mạnh nữa. Còn những tấm kính tôi đang dùng thì dày ít nhất hai mươi một centi-mét, nghĩa là dày hơn những đĩa pha lê nói trên ba mươi lần.

-Thưa thuyền trưởng, tôi đã rõ! Nhưng muốn định hướng trên đường đi thì phải có ánh sáng, mà dưới biển thì tối đen...

-Phía sau buồng lái có một đèn pha cực mạnh chiếu xa tới nửa hải lý.

-Thưa thuyền trưởng, thật là giỏi, giỏi lắm! Bây giờ tôi đã hiểu vì sao biển lại sáng rực một vùng, làm các nhà bác học phải lúng túng... Nhân tiện xin ngài cho biết thêm, vụ tàu Nau-ti-lux và Xcôt-len đâm vào nhau gây ra bao dư luận ồn ào, phải chăng chỉ là chuyện ngẫu nhiên?

-Thưa giáo sư, hoàn toàn ngẫu nhiên! Tàu tôi đang chạy dưới mặt biển hai mét thì xảy ra tai nạn. Nhưng tôi cũng thấy ngay là hậu quả không nghiêm trọng lắm.

-Thưa ngài, không sao! Nhưng còn việc ngài chạm trán với tàu Lin-côn...

-Thưa giáo sư, rất tiếc là một trong những chiến hạm tốt nhất của hạm đội Mỹ đã bị nạn. Nhưng người ta đã tấn công tôi, buộc tôi phải tự vệ. Tuy vậy, tôi cũng chỉ làm nó mất khả năng tấn công thôi. Nó chỉ cần sửa chữa qua loa ở một cảng gần nhất.

-Thưa thuyền trưởng, tàu Nau-ti-lux của ngài quả là một con tàu tuyệt diệu.

-Thưa giáo sư, vâng, -Nê-mô xúc động, -tôi yêu nó như máu thịt mình! Nếu tàu bè của các ngài phải chịu đựng mọi bất ngờ khi đi biển và gặp hiểm nguy ở khắp nơi, nếu ấn tượng đầu tiên mà biển gây ra cho các ngài là sự khiếp sợ vực thẳm, thì ở trên tàu Nau-ti-lux này, con người có thể yên tâm. Ở đây chẳng sợ thân tàu bị bẹp vì hai vỏ tàu còn rắn hơn sắt; ở đây chẳng có buồm mà sợ gió làm rách, chẳng có nồi hơi mà sợ bị nổ, chẳng sợ cháy vì không có vật gì bằng gỗ, chẳng có than mà sợ hết, vì tàu hoàn toàn chạy bằng điện; chẳng sợ đâm vào tàu khác vì chỉ có mình nó dưới biển sâu; ở đây chẳng sợ bão táp vì chỉ dưới mặt nước vài mét, biển rất lặng! Thưa giáo sư, chiếc tàu ngầm này hoàn hảo như vậy đó! Và nếu đúng là người phát minh tin ở con tàu

của mình hơn người chế tạo, và người chế tạo lại tin hơn thuyền trưởng, thì ngài hiểu là tôi tin tưởng ở tàu Nau-ti-lux đến mức nào, vì tôi vừa là người phát minh, vừa trực tiếp chế tạo, vừa là thuyền trưởng con tàu đó. Nê-mô nói rất hào hứng. Cái nhìn bốc lửa, những động tác mạnh mẽ làm ông ta khác hẳn lúc thường. Đúng, ông ta yêu quý con tàu của mình như cha yêu con. Một câu hỏi, có thể là sỗ sàng, bật khỏi miệng tôi:

-Thưa ngài Nê-mô, ngài là kỹ sư ă?

-Thưa giáo sư, vâng. Tôi đã theo học ở Luân Đôn, Pa-ri và Niu I-oóc khi còn là người của mặt đất.

-Nhưng sao ngài có thể giữ được bí mật việc đóng chiếc tàu ngầm kỳ diệu này?

-Thưa ngài, mỗi bộ phận của tàu tôi đặt làm ở một nước. Công dụng của mỗi thứ hàng đặt làm tôi đều bịa ra. Thân tàu được đóng ở Cơ-rơ (Pháp), trục quay làm ở Luân Đôn, vỏ tàu ở Li-vơ-pun (Anh) chân vịt ở Gla-dơ-gâu (Anh), bể chứa ở Pa-ri, mũi nhọn của tàu đặt làm ở Thụy Điển, máy móc chế tạo ở Phổ, các máy đo làm ở Niu I-oóc, vân vân. Họ nhận được những bản vẽ của tôi dưới những tên khác nhau.

-Nhưng sau khi nhận được những bộ phận riêng lẻ, ngài phải lắp ráp lại chứ ạ?

-Xưởng đóng tàu của tôi ở trên một hòn đảo vắng giữa đại dương. ở đó anh em công nhân do tôi đào tạo, những đồng chí dũng cảm của tôi đã lắp ráp tàu Nau-ti-lux dưới sự điều khiển của tôi. Khi tàu đóng xong, chúng tôi đã đốt cháy mọi vết tích của mình trên đảo, và nếu có thể, tôi còn cho nổ tung cả đảo lên nữa!

-Có lẽ chiếc tàu đã làm ngài tốn khá nhiều tiền?

-Thưa giáo sư, mỗi tấn tốn một ngàn một trăm hăm năm Phrăng. Tàu Nau-ti-lux nặng một ngàn năm trăm tấn. Như vậy, đóng nó tốn chừng hai triệu Phrăng, nếu chỉ tính tiền thiết bị. Cộng thêm ít nhất bốn

-năm triệu Phrăng nữa là giá trị các bộ sưu tập và các tác phẩm mỹ thuật được bảo tồn trên tàu.

-Xin thuyền trưởng cho tôi hỏi một câu cuối cùng!

-Xin ngài cứ hỏi.

-Thuyền trưởng giàu lắm, phải không ạ?

-Tôi giàu có vô tận. Tôi có thể trả hộ nước Pháp món nợ mười tỷ Phrăng một cách dễ dàng! Tôi dăm dăm nhìn Nê-mô. Chẳng biết ông ta có lạm dụng lòng tin của tôi không? Thời gian sẽ trả lời.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 14

Dòng "sông Đen"

Nước chiếm một diện tích hơn ba mươi tám triệu héc-ta trên mặt đất. Thể tích khối nước đó là hai tỷ hai trăm năm mươi triệu hải lý khối. Nếu hình dung khối nước đó là hình cầu thì đường kính của nó là sáu mươi dặm, nặng ba tỷ tấn. Nói một cách hình tượng thì đó là lượng nước của tất cả các dòng sông đều chảy liền trong bốn vạn năm!... Tương quan giữa đất và nước trên địa cầu đã nhiều lần thay đổi và cuối cùng địa hình có cái diện mạo như chúng ta thấy trên các bản đồ địa lý hiện nay. Đất liền đã lần được của nước ba mươi bảy triệu sáu trăm năm bảy hải lý vuông, hay là mười hai tỷ chín trăm mười sáu triệu héc-ta. Hình dáng các lục địa cho phép chúng ta chia biển ra làm năm khu vực chính: Bắc Băng Dương, Nam Băng Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương. Thái Bình Dương chạy suốt từ bắc xuống nam, chiếm cả khoảng không gian giữa hai cực, và chạy từ tây sang đông, nằm giữa châu á và châu Mỹ, chiếm một

trăm bốn năm độ kinh. Đó là đại dương yên lặng nhất, luồng nước rộng và không chảy xiết, nước triều lên xuống vừa phải, mưa nhiều. Đó là đại dương mà tôi bắt đầu cuộc hành trình trong những điều kiện đặc biệt nhất. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

-Thưa giáo sư, nếu ngài muốn ta sẽ xác định đúng nơi chúng ta đang ở, xác định đúng điểm xuất phát của cuộc hành trình của chúng ta. Bây giờ là mười một giờ bốn năm phút. Tôi sẽ ra lệnh cho tàu nổi lên mặt biển. Thuyền trưởng bấm chuông điện ba lần. Lập tức các máy bơm bắt đầu bơm nước ra khỏi các bể chứa. Kim trên áp kế nhích dần lên trên, cho biết áp suất ngày càng giảm. Cuối cùng, kim đứng yên.

-Chúng ta đã lên tới mặt biển, -Nê-mô nói. Tôi đi về phía chiếc thang ở trung tâm. Sau khi trèo lên thang, tôi chui qua một cái nắp rồi lên boong tàu. Tàu nổi lên khỏi mặt nước không quá tám mươi cen-ti-mét. Thân tàu tròn và dài giống hệt một điều xì gà. Tôi chú ý tới vỏ tàu bằng thép tấm ghép lại, trông tựa vảy của loài bò sát. Và tôi hiểu vì sao người ta tuy có những kính viễn vọng mạnh nhất, nhưng vẫn tưởng lầm con tàu là một con cá biển. Chiếc xuống được giấu một nửa trong thân tàu, tạo nên một chỗ lồi nhỏ ở giữa boong. Phía mũi và phía lái có hai buồng nhỏ, thấp, một phần được lắp kính dày: phía trước là buồng lái, phía

sau có một đèn pha rất mạnh để soi đường.

Biển rất đẹp, trời quang. Thân tàu hình thoi chỉ hơi bập bênh trên sóng. Ngọn gió đông thổi nhẹ làm mặt biển lặn tăn. Sương mù không che phủ chân trời nên có thể quan sát một cách rất chính xác. Tầm mắt nhìn xa không bị vướng một vật gì. Chẳng có một hòn đảo nhỏ, một mỏm đá, chẳng còn một vết tích gì của tàu Lin-côn... Chỉ có trời nước mênh mông! Thuyền trưởng Nê-mô lấy máy chuẩn bị đo độ cao của mặt trời để xác định tàu đang ở độ vĩ nào. Khi quan sát, không một thứ thịt nào của tay ông ta rung lên, tựa như cái máy đang nằm trong tay một pho tượng vậy.

-Đúng giữa trưa, -Nê-mô nói, -thưa giáo sư, mời ngài... Tôi đưa mắt nhìn lần cuối cùng mặt nước màu hơi vàng, chắc là gần bờ biển Nhật Bản, rồi theo Nê-mô xuống phòng khách. Nê-mô dùng đồng hồ tính toán, xác định độ kinh của nơi đó rồi kiểm tra lại. ông ta nói:

-Thưa ngài A-rô-nắc, chúng ta đang ở 137,15 độ kinh tây.

-Theo kinh tuyến nào?

-Tôi hỏi ngay và hy vọng rằng câu trả lời sẽ làm sáng tỏ hơn vấn đề quốc tịch của Nê-mô.

-Thưa ngài, tôi có nhiều loại đồng hồ để theo kinh tuyến Pa-ri, kinh tuyến Grin-uýt và kinh tuyến Oa-sinh-tơn. Nhưng để tỏ lòng kính trọng ngài, tôi đã chọn kinh tuyến Pa-ri. Câu trả lời này chẳng giải đáp được vấn đề gì. Tôi nghiêng mình cảm ơn. Nê-mô nói tiếp:

-Chúng ta đang ở 137,15 độ kinh tây thuộc kinh tuyến Pa-ri và 30,7 độ vĩ bắc, nghĩa là cách bờ biển Nhật Bản ba trăm hải lý. Hôm nay, mùng 8 tháng 11, đúng 12 giờ trưa, chúng ta bắt đầu cuộc hành trình vòng quanh trái đất ngầm dưới biển.

-Cầu chúa che chở cho chúng ta!

-Tôi nói.

-Bây giờ, xin giáo sư tiếp tục công việc của mình. Tôi đã ra lệnh cho tàu chạy theo hướng đông

-đông bắc ở độ sâu năm mươi mét. Trên bản đồ sẽ đánh dấu đường đi của tàu. Phòng khách thuộc quyền ngài sử dụng. Xin

tạm biệt ngài. Thuyền trưởng Nê-mô cáo từ rồi đi ra. Tôi ở lại với những ý nghĩ của mình. Tôi nghĩ về Nê-mô. Liệu sau này tôi có biết được quốc tịch của con người bí ẩn đã từ bỏ Tổ quốc mình không? Cái gì đã khiến ông ta căm ghét loài người, một lòng căm ghét, khao khát trả thù? Phải chăng ông ta là một trong những nhà bác học không được thừa nhận, là một thiên tài "bị người đời hắt hủi", như Công-xây nói? Chẳng ai biết! Số phận đã ném tôi lên tàu ông ta, tính mệnh tôi nằm trong tay ông ta. ông ta tiếp đón chúng tôi một cách lạ lùng nhưng vẫn chu đáo. Đưa tay cho tôi bắt!

Tôi suy nghĩ liên miên suốt một tiếng đồng hồ và cố gắng đi sâu vào bí mật của con người ấy. Mất tôi vô tình dừng lại nơi tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi lằn ngón tay trên bản đồ và tìm thấy giao điểm độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ. Các đại dương cũng như các lục địa đều có những dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu rất dễ nhận ra theo màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng kể nhất là Gon-xơ-rim. Khoa học đã ghi vào bản đồ trái đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở Phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng là phía nam Ấn Độ Dương. Rất có thể hải lưu thứ sáu đã tồn tại vào thời kỳ mà Lý Hải, biển A-ran và

những hồ lớn của châu á còn nối liền với nhau làm một. Tàu Nau-ti-lux chạy theo một hải lưu kể trên, có cái tên Nhật Bản là Cu-rô-xi-vô, nghĩa là "Sông đen". Ra khỏi vịnh Băng-gan, được những tia thẳng đứng của mặt trời sưởi nóng, hải lưu này chảy qua eo Ma-lắc-ca, dọc theo bờ biển châu á rồi vòng theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út. Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới, màu xanh thắm của hải lưu ấm áp khác hẳn với nước đại dương xanh ngắt. Tôi nghiên cứu đường đi của hải lưu trên bản đồ và thấy nó bị mất hút giữa Thái Bình Dương mênh mông. óc tưởng tượng đã làm tôi say sưa đến nỗi Nét Len và Công-xây vào phòng khách lúc nào không hay. Nét và Công-xây sững sờ trước cảnh huyền diệu đang hiện ra trước mắt.

-Chúng ta đang ở đâu thế này? ở đâu?

-Nét kêu lên.

-Có phải ở Viện bảo tàng Quê-béc không?

-Các bạn của tôi ơi, -tôi mời họ xích lại gần, -không phải các bạn đang ở Ca-na-đa hay ở Pháp đâu, mà đang ở trên tàu Nau-ti-lux dưới mặt biển năm mươi mét.

-Giáo sư đã nói vậy thì phải tin thôi, -Công-xây đáp, -nhưng xin thú thật rằng phòng khách này có thể làm cho một người phơ-la-măng như tôi cũng phải ngạc nhiên.

-Anh bạn ơi, bạn cứ ngạc nhiên đi và hãy xem kỹ những tủ kính này. ở đây bạn sẽ thấy nhiều điều kỳ lạ đối với một người chuyên phân loại như bạn. Công-xây thì chẳng cần phải cố vũ nhiều. Anh ta cúi xuống xem xét và lăm bắm những thuật ngữ sinh vật học. Trong khi đó, Nét Len, vì không thạo về nhuyễn thể học, nên hỏi han tôi về cuộc gặp gỡ vừa qua với thuyền trưởng Nê-mô, về lai lịch ông ta, về ý đồ của ông ta. Tóm lại, anh ta hỏi tôi liên miên làm tôi không kịp trả lời. Tôi nói lại với Nét tất cả những gì tôi biết, đúng hơn là những gì tôi không biết. Rồi tôi lại hỏi Nét về những điều anh ta nghe thấy được.

-Tôi chẳng nghe, chẳng nhìn thấy gì cả.

-Nét trả lời.

-Thậm chí chẳng thấy một bóng thủy thủ nào. Chẳng lẽ thủy thủ cũng bằng điện?

-Bằng điện sao được!

-Ấy ấy, có thể bằng điện lắm chứ! Nhưng thưa ngài A-rô-nắc, -
Nét bị ý nghĩ của mình ám ảnh, -ngài có thể cho tôi biết số người
trên tàu này không? Mười người, hai mươi người, năm mươi
người, một trăm người?

-ông Nét ơi, tôi không thể trả lời ông được đâu! ông hãy nghe
tôi, hãy bỏ ngay cái ý định đoạt tàu Nau-ti-lúc hay bỏ trốn đi.
Chiếc tàu này là một kỳ công của kỹ thuật hiện đại và tôi sẽ rất
ân hận nếu không được tìm hiểu nó kỹ càng. Có lẽ nhiều người
mong được ở vào địa vị chúng ta để được ngó những kỳ quan
này! Vì vậy, ông hãy bình tĩnh lại. Chúng ta sẽ cùng quan sát
những gì đang xảy ra xung quanh.

-Quan sát những cái gì?

-Nét hét lên.

-Trong cái ngục tù bằng sắt này thì còn thấy gì nữa mà quan sát!
Chúng ta đang đi như những thằng mù... Nét chưa kịp nói hết
câu thì phòng khách bỗng tối sầm, khiến mắt tôi nhúc nhối như
khi từ trong bóng tối bước ra chỗ sáng gay gắt. Chúng tôi đứng

sững tại chỗ và chẳng biết sau đó sẽ là điều hay, hay dở. Nhưng bỗng có tiếng rì rầm, tựa như vỏ tàu bằng sắt bắt đầu tách ra.

-Thôi chết rồi!

-Nét nói.

-Bộ sửa thủy tức!

Công-xây lăm bầm. Phòng khách đột nhiên lại sáng lên. ánh sáng từ hai phía dội vào phòng qua những ô kính hình bầu dục lớn ở tường. Nước biển chan hòa ánh điện. ọ cửa bằng pha lê ngăn cách chúng tôi với đại dương. Thoạt tiên tôi rùng mình khi nghĩ tới chuyện những tấm kính mỏng manh kia có thể vỡ. Nhưng khung kính vững vàng bằng đồng khiến ô cửa có độ bền không gì phá vỡ nổi. Biển sâu được chiếu sáng một hải lý. Quang cảnh trước mắt tôi đẹp tuyệt vời, không bút nào tả xiết. Chẳng bàn tay họa sĩ nào vẽ được tất cả cái dịu dàng của màu sắc, của ánh sáng lung linh trong nước biển trong vắt từ đáy lên. Ai cũng biết nước biển rất trong. Người ta đã xác định rằng nước biển sạch hơn nước suối nhiều. Những chất khoáng và chất hữu cơ trong nước biển chỉ làm cho nó trong hơn. ở một số nơi ngoài đại dương, gần quần đảo Ờng-ti, qua lớp nước sâu một trăm bốn năm mét

có thể thấy rất rõ đáy biển phủ cát, còn tia sáng mặt trời có thể xuyên sâu tới ba trăm mét...

Những ô cửa ở hai bên phòng khách nhìn ra đáy biển mênh mông. Bóng tối trong phòng càng tăng thêm ánh sáng rực rỡ bên ngoài. Nhìn qua ô cửa, ta có cảm tưởng như đứng trước một bể nuôi cá khổng lồ. Tàu Nau-ti-lux dường như đứng yên một chỗ, vì xung quanh chẳng thấy một điểm nào động đậy. Tuy nhiên nước biển do mũi tàu rẽ ra hai bên đôi khi lao qua vun vút trước mắt chúng tôi. Say mê cảnh đẹp biển sâu, chúng tôi tựa vào khung cửa, dán mắt nhìn qua ô kính, mãi chẳng nói nên lời. Cuối cùng, Công-xây bảo Nét:

-Anh Nét thân mến ơi! Anh vẫn muốn được xem, bây giờ hãy xem đi cho thỏa!

-Kỳ diệu thật! Kỳ diệu thật!

-Nét phấn khởi. Anh ta đã quên cả sự giận dữ lẫn những kế hoạch chạy trốn của mình.

-Từ xa đến đây để ngắm cảnh thần tiên này cũng đáng! Tôi nói:

-Đúng, bây giờ tôi đã hiểu được cuộc sống của con người này. ông ta đã đi sâu vào một thế giới đặc biệt, và thế giới đó đã mở ra trước mắt ông ta những bí mật thâm kín nhất của nó!

-Nhưng cá đi đâu cả rồi nhỉ?

-Nét hỏi.

-Tôi chẳng thấy con cá nào.

-Anh muốn thấy cá để làm gì, anh bạn?

-Công-xây trả lời.

-Anh có hiểu gì về cá đâu!

-Tôi ấy à? Tôi là dân chài mà không hiểu về cá à? Thế là giữa hai người nổ ra một cuộc tranh luận. Cả hai đều hiểu biết về cá, nhưng mỗi người theo cách riêng của mình. Công-xây nói:

-Anh Nét thân mến ơi, anh đánh cá rất cừ. Nhưng tôi cam đoan với anh rằng anh chẳng có một khái niệm gì về cách phân loại cá cả.

-Phân loại chúng ấy à?

-Nét nghiêm chỉnh trả lời. Phân chúng ra làm hai loại: loại chén được và loại không chén được.

-Đó là xếp loại theo kiểu thực phẩm!

-Công-xây bỗng reo lên.

-Kìa cá! Có thể nói trước mắt chúng ta là một bể nuôi cá!

-Không đúng!

-Tôi nói.

-Bể nuôi cá dù sao cũng chỉ là một cái chậu, còn những con cá này tự do thoải mái như chim trên trời...

Đàn cá hộ tổng tàu Nau-ti-lux suốt hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi ngây người ra vì thích thú. Nét gọi tên từng loại cá. Công-xây phân loại chúng, còn tôi thì say sưa nhìn chúng tung tăng. Tôi chưa từng được thấy những con cá đẹp thế này trong môi trường

tự nhiên của chúng. Phòng khách bỗng lại bật đèn sáng. Những cánh cửa sổ bằng sắt khép lại. Cảnh thần tiên biến mất. Có lẽ tôi sẽ còn bị mê đi lâu nữa nếu mắt tôi không vô tình trông thấy những dụng cụ treo trên tường. Kim địa bàn vẫn chỉ hướng đông bắc, áp kế chỉ năm ất-một-phe, cho biết độ sâu là năm mươi mét, đồng hồ điện chỉ tốc độ mười lăm hải lý một giờ. Tôi chờ thuyền trưởng Nê-mô, nhưng ông ta không đến. Đồng hồ chỉ năm giờ chiều. Nét Len và Công-xây đã trở về phòng mình. Tôi cũng về phòng riêng. Bữa ăn đã dọn sẵn trên bàn. Tối hôm đó, tôi đọc, viết và suy nghĩ. Khi thấy buồn ngủ, tôi nằm xuống giường và thiếp đi trong lúc tàu Nau-ti-lux băng theo dòng "Sông đen" chảy xiết.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 15

giấy mời

Hôm sau, mùng 9 tháng 11, tôi thức giấc sau khi ngủ mười hai tiếng đồng hồ liền. Theo lệ thường, Công-xây đến hỏi xem "Giáo sư ngủ có ngon giấc không" và có sai bảo gì không. Còn ông bạn Nét của anh ta thì vẫn ngủ li bì chẳng biết trời đất gì. Tôi cứ để Công-xây hỏi hết câu này đến câu khác, nhưng chỉ trả lời anh ta ậm ừ cho xong chuyện. Tôi thắc mắc vì thấy thuyền trưởng Nê-mô vắng mặt trong buổi qua và hy vọng sẽ gặp ông ta hôm nay... Mặc quần áo xong, tôi sang phòng khách. Vắng lặng. Tôi bèn nghiên cứu những nhụyên thể quý trong tủ kính. Tôi xem xét kỹ mẫu những cây cỏ quý dưới biển mặc dù đã khô nhưng vẫn giữ được màu sắc tươi thắm. Ngày đã hết mà thuyền trưởng Nê-mô vẫn chẳng đến gặp tôi. Cánh cửa sổ bằng sắt ở phòng khách vẫn đóng kín. Hay người ta không muốn cho chúng tôi ngắm nhìn thỏa mãn cảnh tuyệt diệu vừa rồi? Tàu Nau-ti-lux chạy theo hướng đông -đông bắc ở độ sâu năm mươi, sáu mươi mét với tốc

độ mười hai hải lý một giờ. Hôm sau, mùng 10 tháng 11, cũng trôi qua như vậy: không một thủy thủ nào xuất hiện, Nét và Công-xây gần suốt ngày ở bên tôi. Họ ngạc nhiên về sự vắng mặt của thuyền trưởng. Hay con người kỳ diệu đó bị ốm? Hay ông ta đã thay đổi ý định đối với chúng tôi? Tuy nhiên, như Công-xây đã nhận xét rất đúng, chúng tôi chẳng có điều gì phải phàn nàn: chúng tôi được tự do hoàn toàn, được ăn uống ngon lành, đầy đủ. Chủ nhà của chúng tôi nghiêm chỉnh tôn trọng những điều khoản đã thỏa thuận. Ngoài ra, chính hoàn cảnh đặc biệt của chúng tôi cũng đem lại bao nhiêu hứng thú, khiến chúng tôi không có quyền kêu ca gì về số phận. Từ ngày đó tôi bắt đầu ghi chép đều đặn những sự việc xảy ra. Vì vậy, tôi không thể thuật lại tất cả cuộc phiêu lưu một cách hết sức chính xác.

Một chi tiết đáng chú ý: tôi đã ghi nhật ký trên giấy làm bằng cỏ biển.

Ngày 11 tháng 11, tôi thức dậy từ sáng sớm. Làn không khí mát lạnh báo hiệu tàu đã nổi lên mặt đại dương để dự trữ dưỡng khí. Tôi bước ra phía cầu thang rồi trèo lên boong. Lúc đó là sáu giờ sáng. Trời âm đạm, biển màu xám nhưng chỉ hơi gợn sóng. Liệu thuyền trưởng Nê-mô có xuất hiện không? Tôi hy vọng gặp ông ta ở đây. Nhưng ngoài người lái tàu ngồi trong phòng kính, trên

boong chẳng có ai. Ngồi trên chỗ để xuống nhô lên khỏi thân tàu, tôi tranh thủ thở hít không khí đại dương đượm mùi muối.

Những tia nắng mặt trời dần dần xua tan sương mù. ở chân trời phía đông nhô lên một vùng tròn đỏ rực. Biển bùng lên như thuốc súng. Những áng mây cao và tản mạn nhuốm những màu sắc êm dịu lạ thường, còn những đám mây vẫn viền quanh thì báo trước một ngày lộng gió. Nhưng tàu Nau-ti-lux thì đến bão cũng chẳng sợ nữa là gió! Tôi đang hân hoan đón mặt trời mọc - một hiện tượng huy hoàng đầy sức sống của thiên nhiên - thì bỗng nghe tiếng chân bước. Tôi chuẩn bị chào thuyền trưởng Nê-mô, nhưng đó chỉ là thuyền phó -tôi đã thấy ông này trong buổi gặp gỡ đầu tiên với Nê-mô. ạng ta lên boong, hình như không nhận ra sự có mặt của tôi. ạng ta đưa ống nhòm lên mắt và hết sức chăm chú quan sát chân trời. Rồi ông ta đi tới chỗ nắp tàu và nói một câu. Tôi nhớ rất chính xác vì sau này nó được nhắc đi nhắc lại hằng ngày trong những trường hợp tương tự. Câu đó như sau:

“Nautron respoc lorni virch!” Nghĩa là gì, tôi cũng chịu! Nói xong, thuyền phó đi xuống. Tôi sợ tàu lặn xuống nên cũng vội vã xuống theo. Năm ngày nữa trôi qua, không có gì thay đổi. Sáng nào cũng theo lên boong. Sáng nào thuyền phó cũng nói câu ấy. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn không xuất hiện. Tôi tưởng sẽ chẳng

bao giờ gặp lại ông ta nên đành an phận. Nhưng ngày 16 tháng 11, khi cùng Nét và Công-xây vào phòng, tôi thấy một mảnh giấy gửi cho tôi để trên bàn. Tôi vội mở ra xem. Thư viết tiếng Pháp nhưng kiểu chữ gô-tích in giống kiểu chữ cái Đức.

Kính gửi giáo sư A-rô-nắc, trên tàu Nau-ti-lux. Ngày 16 tháng 11 năm 1867. Thuyền trưởng Nê-mô mời giáo sư tham gia cuộc đi săn sáng mai trong khu rừng của thuyền trưởng ở đảo Crét-xpô. Thuyền trưởng hy vọng rằng sẽ không có gì cản trở giáo sư nhận lời này. Ngoài ra, thuyền trưởng rất sung sướng nếu những người bạn của giáo sư sẽ cùng đi.

Chỉ huy tàu Nau-ti-lux Thuyền trưởng Nê-mô.

-Đi săn à?

-Nét hỏi.

-Trong khu rừng của ông ta ở đảo Crét-xpô nữa chứ!

-Công-xây thêm.

-Thế là con người này đôi khi cũng lên bờ?

-Nét hỏi.

-àng ta nói rất rõ ràng như vậy, -tôi vừa đọc lại thư vừa trả lời.

-Còn đợi gì nữa! Ta nhận lời mời thôi.

-Nét nói.

-Lên tới mặt đất, ta sẽ có cách xử sự. Thêm nữa, nếu được chén một miếng thịt tươi cũng tốt. Tôi không muốn xác định mối quan hệ giữa lòng căm ghét đất liền của thuyền trưởng Nê-mô với lời mời đi săn ở đảo Crét-xpô nên chỉ trả lời:

-Trước hết ta hãy xem đảo đó trên bản đồ ở 34,40 độ vĩ bắc và 167,50 độ kinh đông. Nó được thuyền trưởng Crét-xpô phát hiện ra năm 1801, và trên các bản đồ Tây Ban Nha cổ, nó có tên là Rocca de la Plata, nghĩa là "Mỏm đá bạc". Thế là chúng tôi đã cách điểm xuất phát một ngàn tám trăm hải lý và tàu Nau-ti-lux đã hơi quay mũi về hướng đông nam. Tôi chỉ cho Nét và Công-xây xem hòn đảo nhỏ và lởm chởm đá, chơi vui ở phía bắc Thái Bình Dương. Tôi nói:

-Nếu thuyền trưởng Nê-mô có đôi khi lên cạn thì tất nhiên ông ta phải chọn những hòn đảo hoang vắng nhất. Nét Len không trả lời mà chỉ lắc đầu, rồi cùng Công-xây đi ra. Sau buổi tối do người phục vụ cảm lạnh mang đến, tôi đi ngủ mà lòng vẫn hơi bồn chồn. Sớm 17 tháng 11, khi ngủ dậy, tôi thấy tàu Nau-ti-lux đứng yên tại chỗ. Tôi vội mặc quần áo rồi sang phòng khách. Thuyền trưởng Nê-mô chờ tôi ở đó. Thấy tôi vào, ông ta cũng đứng dậy chào và hỏi tôi có đồng ý cùng đi săn không. Nê-mô không nhắc nhở gì đến chuyện ông ta vắng mặt tám ngày nên tôi cũng không đề cập tới vấn đề đó mà chỉ trả lời là tôi và hai người cùng đi đã sẵn sàng. Tôi nói thêm:

-Nhưng xin ngài cho tôi hỏi một điều.

-Ngài cứ tự nhiên. Nếu có thể, tôi sẽ trả lời.

-Thưa thuyền trưởng, ngài đã cắt đứt mọi quan hệ với đất liền, sao ngài lại làm chủ những khu rừng trên đảo Crét-xpô?

-Thưa giáo sư, rừng của tôi không cần ánh sáng mặt trời, cũng chẳng cần nắng ấm. ở đó không có sư tử, hổ, báo hay bất cứ một loài bốn chân nào khác. Những khu rừng đó chỉ có mình tôi biết và chỉ tồn tại cho riêng tôi. Đó không phải là rừng trên mặt đất

mà ngằm dưới biển.

-Rừng ngằm à?

-Tôi sừng sốt.

-Vâng.

-Thuyền trưởng định mời tôi đi thăm khu rừng ấy?

-Đúng vậy.

-Đi bộ.

-Vâng, đi bộ nhưng chân vẫn không bị ướt.

-Chúng ta sẽ săn bắn ở đó?

-Vâng, sẽ săn bắn ở đó.

-Mang theo súng?

-Vâng, mang theo súng. Tôi nhìn thuyền trưởng Nê-mô một cách

không lễ độ gì lắm. Tôi nghĩ bụng:

“Chắc ông ta không được tỉnh táo. Có lẽ tám ngày qua ông ta bị ốm, chẳng biết đã khỏi chưa? Thật đáng tiếc! Dù sao nói chuyện với một người lâm cảm còn hơn là nói chuyện với người điên!”. Những ý nghĩ đó thể hiện rõ trên mặt tôi. Thuyền trưởng ra hiệu mời tôi đi theo. Tôi nhả nhục phục tùng ông ta. Chúng tôi vào phòng ăn, bữa điểm tâm đã bày sẵn. Nê-mô nói:

-Thưa ngài A-rô-nắc, mời ngài ăn lót dạ với tôi một cách tự nhiên. Vừa ăn, chúng ta vừa tiếp tục câu chuyện. Tôi mời ngài đi chơi rừng chứ không phải đi ăn hiệu! Vì vậy, tôi khuyên ngài ăn sáng thật no. Bữa trưa chúng ta sẽ ăn rất muộn. Nói thực lòng, bữa sáng ngon tuyệt. Thực đơn gồm toàn những món chế biến từ hải sản... Thoạt tiên thuyền trưởng Nê-mô ngồi ăn lặng lẽ. Sau đó ông ta nói:

-Thưa giáo sư, rõ ràng khi nhận lời mời của tôi đi săn ở đảo Crét-xpô, ngài đã cho tôi là người trước sau không như một. Khi ngài biết là tôi mời ngài tới những khu rừng ngầm dưới nước thì ngài lại cho tôi là một kẻ điên rồ. Thưa giáo sư, chớ bao giờ xét đoán con người một cách hời hợt.

-Nhưng, thưa thuyền trưởng, xin ngài tin rằng...

-Xin giáo sư nghe tôi nói hết, sau đó ngài hãy xét xem có thể buộc tôi là trước sau không như một hoặc điên rồ được không.

-Xin ngài cứ nói.

-Thưa giáo sư, cũng như tôi, ngài biết rằng con người có thể sống dưới nước nếu có một dự trữ không khí đủ để thở. Khi làm việc dưới nước, thợ lặn mặc quần áo không thấm nước, đội mũ sắt và thở không khí bơm từ trên xuống qua một loại ống đặc biệt.

-Đó gọi là bộ đồ lặn.

-Tôi nói.

-Rất đúng! Nhưng khi mặc đồ lặn, con người rất khó cử động. Cái ống cao su dẫn không khí thật là một cái xích trói buộc anh ta. Và nếu ta cũng bị cột chặt vào tàu Nau-ti-lux như vậy thì ta không thể đi xa được.

-Vậy làm thế nào để tránh được sự ràng buộc đó?

-Tôi hỏi.

-Sử dụng máy Ru-cây-rôn Đơ-nây -ru-dơ do một người đồng hương của ngài sáng chế ra và được tôi cải tiến. Ngài có thể lặn xuống một môi trường có những điều kiện sinh học khác hẳn mà không sợ hãi gì đến sức khỏe. Máy đó là một bình chứa làm bằng sắt dày, trong có không khí nén dưới áp suất năm mươi atmốt-phe. Bình chứa đó đeo trên lưng như chiếc ba-lô của lính. Máy Ru-cây-rôn thông thường có hai vòi cao su nối bình chứa với một mặt nạ đặc biệt: một vòi dẫn không khí vào, vòi kia thải không khí đã thở ra. Người thợ lặn khi cần sẽ lấy lưỡi ấn nắp đậy từng vòi. Nhưng có thể chịu đựng được sức ép rất lớn của những lớp nước trên, tôi thay mặt nạ bằng một chiếc mũ bằng đồng có hai ống: ống hít vào và ống thở ra.

-Thưa thuyền trưởng, thật là ưu việt! Nhưng dự trữ không khí rất chóng cạn, và khi tỉ lệ dưỡng khí tụt xuống còn 15% thì không khí đó không dùng để thở được nữa.

-Tất nhiên. Nhưng tôi đã thưa với ngài rằng máy bơm trên tàu cho phép tôi nén không khí dưới áp suất rất lớn, có thể bảo đảm cho người lặn đủ dưỡng khí thở trong chín

-mười giờ.

-Về điểm này tôi không dám tranh cãi, -tôi trả lời, -tôi chỉ muốn hỏi thêm là ngài làm thế nào soi được đường đi dưới đáy biển?

-Tôi dùng máy Rum-coóc-phơ. Bình chứa khí nén đeo phía sau, còn máy này thì buộc ở thắt lưng. Nó gồm một pin điện mà tôi nạp bằng na-tri. Một dây cảm ứng thu dòng điện và đưa vào một cái đèn được cấu tạo đặc biệt. Đèn này gồm một ống thủy tinh xoắn rộng, chứa đầy khí cac-bô-níc. Khi máy phát ra dòng điện thì khí cháy sáng lên. Như vậy tôi có thể vừa thở vừa nhìn thấy dưới nước.

-Thưa thuyền trưởng, ngài đã giải đáp tất cả những thắc mắc của tôi một cách tường tận đến mức tôi không dám nghi ngờ gì nữa. Nhưng tôi chỉ chịu thua trong vấn đề máy Ru-cây-rôn và máy Rum-coóc-phơ, còn về những khẩu súng săn mà ngài hứa trang bị cho tôi thì xin thú thật là chưa thông lắm.

-Nhưng đó có phải là súng bắn bằng thuốc nổ đâu, -Nê-mô trả lời.

-Vậy là súng bắn bằng khí nén?

-Tất nhiên! Sao tôi có thể làm được thuốc súng trên tàu khi chẳng có diêm tiêu, lưu hoàng trong tay?

-Ngoài ra, nếu bắn bằng đạn thông thường thì viên đạn sẽ gặp một sức cản rất lớn trong môi trường đặc biệt hơn không khí tám trăm năm nhăm lần!

-Tôi thêm.

-Cũng chẳng phải vì vậy đâu? Có một thứ súng được cải tiến có thể bắn được trong những điều kiện như vậy. Nhưng tôi xin nhắc lại là vì không có thuốc súng, nên tôi dùng khí nén do những máy bơm trên tàu có thể cung cấp một cách đầy đủ.

-Nhưng khí nén rất chóng hết.

-Có sao đâu! Tôi có bình chứa Ru-cây-rôn cơ mà! Nếu cần tôi sẽ dùng đến nó. Chỉ cần vặn cái vòi là xong! Ngài sẽ thấy tận mắt những người đi săn dưới biển dùng không tốn nhiều dưỡng khí và đạn lắm đâu.

Dù sao tôi cũng cảm thấy rằng trong bóng tối lò mờ dưới đáy biển và do tỷ trọng rất lớn của nước biển, đạn không thể trúng đích ở xa được và không thể làm chết cá được.

-Thưa giáo sư, trái lại! Mỗi phát súng đều hạ được cá. Dù con cá có bị thương nhẹ đến đâu, nó cũng chết quay ra như bị sét đánh.

-Vì sao vậy?

-Vì những khẩu súng này không bắn bằng đạn thường mà bằng thứ đạn do nhà khoa học áo là Lê-ni-bróc sáng chế ra. Tôi dự trữ khá nhiều loại đạn này. Chúng chứa điện tích cao thế, chỉ cần khẽ chạm phải là con cá dù khỏe đến đâu cũng quy ngay. Tôi xin nói ngay là viên đạn loại này không lớn hơn đạn chì cỡ bốn và ổ đạn có thể chứa ít nhất mười viên.

-Tôi xin bái phục ngài!

-Tôi vừa trả lời vừa đứng dậy khỏi bàn.

-Tôi chỉ còn việc nhận súng nữa thôi. Tóm lại, ngài đi đâu tôi xin đi theo đấy! Thuyền trưởng Nê-mô dẫn tôi xuống phía lái. Khi đi ngang qua phòng của Nét và Công-xây, tôi gọi họ. Hai người lập

tức nhập bọn với chúng tôi. Sau đó chúng tôi vào một căn phòng cạnh buồng máy để mặc đồ lặn, chuẩn bị cho cuộc dạo chơi dưới biển.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 16

Dạo chơi dưới đáy biển

Căn phòng vừa là kho vũ khí, vừa là kho quần áo của tàu Nau-ti-lux. Trên tường treo khoảng mười bộ đồ lặn. Nhìn thấy đồ lặn, Nét Len tỏ ý không muốn mặc. Tôi nói:

-ông Nét, ông nghe tôi, rừng ở đảo Crét-xpô là rừng ngầm dưới biển cơ mà!

-Biết rồi!

-Nét trả lời. Anh ta thất vọng vì ao ước được ăn thịt thú rừng bị tiêu tan.

-Còn ngài, lẽ nào ngài cũng định khoác cái của này lên người?

-Phải mặc thôi, ông Nét ạ!

-Tùy ngài!

-Nét nhún vai.

-Về phần tôi, tôi sẽ chẳng bao giờ tự nguyện làm việc đó.

-ông Nét ạ, không ai ép buộc ông đâu.

-Nê-mô nói.

-Thế Công-xây có dám liều mạng đi không?

-Nét hỏi.

-Giáo sư đi đâu, tôi đi đấy.

-Công-xây trả lời. Thuyền trưởng gọi hai thủy thủ đến giúp chúng tôi mặc bộ đồ lặn khá nặng bằng cao su không thấm nước. Bộ đồ này nhằm chống lại áp suất lớn, trông giống chiếc áo giáp của hiệp sĩ thời trung cổ, chỉ khác ở chỗ co giãn được. Bộ đồ lặn gồm một cái mũ trùm kín đầu, một áo, một quần và một đôi giày có đế cao bằng chì. Thuyền trưởng Nê-mô, một thủy thủ to lớn,

Công-xây và tôi nhanh nhẹn mặc đồ lặn vào người. Chỉ còn việc đội cái mũ bằng kim loại lên đầu. Nhưng trước khi làm việc đó, tôi xin phép thuyền trưởng xem mấy khẩu súng. Đó là loại súng săn thông thường, báng bằng thép trong rỗng và hơi to hơn báng súng bắn đạn nổ. Báng súng là nơi chứa khí nén thông với nòng ngay khi cò súng mở nắp bình chứa. Trong ổ có chừng hai mươi viên đạn có điện được một lò xo đặc biệt đưa lên nòng súng. Sau mỗi phát, súng lại tự động nạp đạn. Tôi nói:

-Thưa thuyền trưởng, súng của ngài thật tuyệt diệu mà cấu trúc lại thật đơn giản. Tôi nóng lòng muốn được bắn thử. Nhưng chúng ta sẽ xuống đáy biển bằng cách nào?

-Tàu đang đỗ ở chỗ nước cạn, sâu độ mười mét, chúng ta có thể ra ngoài được.

-Ra bằng cách nào ạ?

-Rồi ngài sẽ thấy.

Thuyền trưởng Nê-mô đội mũ sắt lên đầu. Công-xây và tôi làm theo ông ta, còn Nét thì chúc chúng tôi "đi săn may mắn" bằng một giọng mỉa mai. Cổ áo chúng tôi được lắp một cái vòng bằng

đồng có lỗ để vít chặt với chiếc mũ sắt hình cầu. Khi quay đầu, có thể nhìn ra bốn phía qua ba tấm kính dày ở mũ. Sau khi mở vòi khí nén ở máy Ru-cây-rôn đeo sau lưng, tôi buộc chiếc đèn Rum-coóc-phơ vào thắt lưng rồi cầm lấy súng. Bộ đồ lặn nặng nề và đặc biệt là đôi giày được đồ chì ghì chặt chân tôi xuống sàn. Tôi cảm thấy không thể nhấc nổi chân lên nữa. Nhưng mọi sự đều được dự tính trước. Tôi được đẩy vào một căn phòng nhỏ liền với phòng chứa quần áo. Những người cùng đi cũng vào theo. Tôi thấy tiếng cửa sập lại và bóng tối trùm xuống. Một phút sau, tôi nghe thấy tiếng rít và cảm thấy hơi lạnh dâng từ dưới lên. Đúng là ở buồng máy người ta đã mở vòi để nước chảy vào căn phòng chúng tôi đang đứng. Nước vừa ngập phòng thì cánh cửa thứ hai ở ngay thành tàu mở ra. Bên ngoài tranh tối tranh sáng. Một phút sau, chân chúng tôi đã chạm đáy biển. Làm sao có thể miêu tả được những ấn tượng về cuộc dạo chơi dưới biển này? Lời lẽ quả là bất lực trong việc dựng lại những kỳ quan của đáy đại dương. Nếu bút vẽ của họa sĩ cũng không đủ sức truyền đạt lại tất cả vẻ diễm lệ của biển cả thì sao có thể miêu tả được vẻ đẹp ấy bằng cây bút viết? Thuyền trưởng Nê-mô đi đầu, còn người thủy thủ thì đi sau chúng tôi mấy bước. Tôi và Công-xây đi cạnh nhau, làm như có thể nói chuyện với nhau trong chiếc mũ sắt vậy! Tôi không còn cảm thấy sức nặng của bộ đồ lặn và của bình chứa khí nén nữa.

Khi chìm xuống nước, tất cả những vật đó đều đã mất đi một trọng lượng bằng trọng lượng của nước bị chúng chiếm chỗ. Tôi sẵn sàng ca ngợi định luật vật lý đó của ác-si-mét. Nhờ nó tôi không còn là một khối ì nữa, mà đã có thể cử động tương đối dễ dàng. ánh sáng do đèn phát ra chiếu sáng trung đáy biển. Tất cả những vật ở cách xa một trăm mét đều rõ mồn một. Môi trường quanh tôi trong suốt không khí, tuy đặc hơn nhưng cũng trong như vậy. Phía trên tôi là mặt biển lặng sóng. Chúng tôi đi trên nền cát mịn phẳng lì mà nước triều lên xuống không để lại một vết tích gì. Tầm thẳm cát này quả là cái gương phản chiếu những tia sáng mặt trời. Khi tôi nói rằng ở độ sâu mười mét đáy biển cũng sáng như mặt đất ban ngày, chẳng biết có ai tin không? Chúng tôi đi đã được mười lăm phút trên mặt cát lấp lánh. Thân tàu Nau-ti-lux nhìn xa trông như một dải đá ngầm mờ dần đi, nhưng ánh sáng do đèn pha trên tàu chiếu ra sẽ chỉ đường cho chúng tôi về tàu khi trời tối. Ai đã quen với thứ ánh sáng điện tản mạn, lạnh lùng của các thành phố trên mặt đất thì khó hình dung được sức phản chiếu ánh sáng ở đáy biển. Trên mặt biển, ánh điện xuyên qua không khí chứa đầy bụi, làm chúng ta có cảm tưởng như đứng trước đám sương mù sáng đục. Nhưng trên mặt biển cũng như dưới biển sâu, ánh sáng điện có sức mạnh rất lớn. Chúng tôi đi mãi trên dải cát mênh mông. Tôi lấy tay khỏa nước

sau lưng. áp lực nước trong nháy mắt xóa sạch vết chân tôi trên cát. Một lúc sau, ở phía xa dần dần hiện lên hình thù mọi vật. Tôi phân biệt được bóng dáng hùng vĩ của những mỏm đá ngầm và bị lóa mắt bởi hiện tượng ánh sáng đặc biệt chỉ có ở môi trường nước. Lúc đó là mười giờ sáng. Những tia sáng mặt trời chênh chếch bị khúc xạ trong nước giống như qua một lăng kính và tô điểm mép ngoài các mỏm đá, các vỏ ốc, trai... bằng cả bảy sắc của quang phổ mặt trời. Nhìn sự hòa hợp diệu kỳ các màu sắc đó thật sững mắt! Sao tôi không thể trao đổi cảm xúc với Công-xây, những cảm xúc đang lay động óc tưởng tượng của tôi? Sao tôi không thể chia sẻ niềm hân hoan phấn khởi với Công-xây nhỉ? Sao tôi không biết làm những tín hiệu như thuyền trưởng Nê-mô và người thủy thủ cùng đi để trao đổi ý nghĩ với Công-xây nhỉ? Không tìm được cách giải quyết, tôi đành tự chuyện trò với mình, do đó lãng phí khá nhiều không khí dự trữ rất quý giá. ... Tôi mãi ngắm những vật lạ trên con đường ngắn ngủi không hơn một phần tư hải lý, và mỗi lần tôi ngừng lại, thuyền trưởng Nê-mô lại ra hiệu mời tôi đi theo. Một lát sau, tính chất đáy biển thay đổi. Nền cát phẳng phiu nhường chỗ cho lớp bùn dính nhom nhóp. Tiếp đó, chúng tôi đi ngang qua một bãi tảo dày đặc. Về độ mềm, những bãi tảo dưới đáy biển có thể sánh được với loại thảm dệt khéo nhất. Tảo chẳng những trải ra dưới chân mà còn giăng ngang trên đầu. Những cây cỏ dưới biển đan quán vào

nhau tạo thành những vòm màu xanh ở mặt nước.

Tảo quả là châu ngọc của tạo hóa, là một hiện tượng diệu kỳ trong giới sinh vật. Nó gồm những cơ thể thực vật vừa nhỏ nhất vừa lớn nhất. Bên cạnh những loại tảo li ti mà bốn vạn cây có thể xếp trên năm mi-li-mét vuông, ta còn gặp những loại tảo màu nâu xám dài tới một trăm mét. Chúng tôi ra khỏi tàu Nau-ti-lux đã được một tiếng rưỡi đồng hồ. Bây giờ đã gần trưa. Tôi đoán như vậy là căn cứ vào những tia sáng mặt trời thẳng đứng không bị khúc xạ trong nước nữa. Các màu sắc huyền ảo đã biến mất. Chúng tôi đi, mỗi bước chân đều vang lên trong nước. Một tiếng động nhỏ cũng lan ra với tốc độ mà tai chúng ta không quen. Nước là môi trường dẫn âm thanh nhanh hơn không khí bốn lần. Đường đi vẫn dốc xuống. ánh sáng mặt trời đã mất hiệu lực. Chúng tôi ở độ sâu một trăm mét và chịu áp suất 10 át-mốt-phe. Nhưng bộ đồ lặn đã giúp chúng tôi thắng được áp lực đó. Tuy vậy, tôi cũng cảm thấy hơi đau ở các đốt tay, nhưng cảm giác đó cũng chỉ thoáng qua. Tôi chẳng thấy mệt mỏi gì sau hai tiếng đồng hồ đi trong bộ đồ lặn đặc biệt này. Trong môi trường nước tôi đã vận động một cách hết sức dễ dàng. ở độ sâu một trăm mét, tôi vẫn cảm thấy những tia phản chiếu cuối cùng của mặt trời đang lặn và nhường chỗ cho hoàng hôn. Nhưng chúng tôi vẫn chưa phải dùng đến máy Rum-coóc-phơ. Thuyền trưởng Nê-

mô bỗng dừng lại. Khi tôi bước tới chỗ ông ta thì ông ta chỉ cho tôi một khối xám sẫm hiện lên trong bóng tối mờ mờ, cách chúng tôi không xa. "Đảo Crét-xpô" -tôi nghĩ bụng như vậy và đã không lầm.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 17

Khu rừng dưới biển

Cuối cùng chúng tôi đã tới cửa rừng, một trong những nơi đẹp nhất thuộc quyền sở hữu của thuyền trưởng Nê-mô. ông ta coi đó là tài sản riêng của mình và có toàn quyền sử dụng nó. Và lại, ai có quyền tranh giành với Nê-mô quyền sở hữu đất đai ngằm dưới biển này nữa? Còn kẻ nào muốn liều mạng xuống đáy biển và dùng rìu dọn đường đi xuyên qua những bụi cây um tùm này nữa? Khu rừng ngằm này gồm toàn những loài thực vật hình cây. Tôi vừa bước vào trong vòm cành lá rậm rạp thì sự chú ý của tôi bị thu hút ngay vào một hiện tượng độc đáo của thiên nhiên mà trong đời hoạt động khoa học tôi chưa từng gặp. Không một cọng cỏ nào nằm ẹp dưới đất, không một cành cây nào bị cong xuống và mọc theo chiều ngang. Tất cả đều hướng thẳng lên mặt nước như những cái roi sắt. Rong biển dường như bất động, nên muốn đi qua, chúng tôi phải lấy tay rẽ chúng sang hai bên. Nhưng vừa buông tay, chúng lại trở về vị trí cũ. Đây thật là thế

giới của những đường thẳng đứng! Một lát sau, tôi đã quen với khu rừng kỳ dị và cảnh tranh tối tranh sáng của biển sâu. Đáy cát lỏm chồm đá nhọn làm chúng tôi khó đi. Thực vật ở đây hết sức phong phú, phong phú hơn cả những vùng biển Bắc cực và nhiệt đới. Thoạt tiên, tôi không phân biệt được giới động vật với giới thực vật. Nhưng ở địa vị tôi, ai có thể không nhầm lẫn được? Dưới biển sâu chúng thường rất giống nhau về hình thái. Tôi nhận thấy tất cả các loại thực vật chỉ dính xuống đáy biển chứ không mọc từ dưới lên... Chúng không có rễ nên không hút nhựa sống của đất mà chỉ nương tựa vào đất. Chúng mọc được cả trên đá, vỏ trai ốc, cát hay sỏi. Tất cả những gì cần thiết cho sự sinh tồn đều có trong nước. Phần lớn thực vật đều dẹt, hình thù kỳ dị. Màu sắc chủ yếu là màu hồng, đỏ tươi, xanh, vàng, hung hung đỏ và nâu xám. Tôi gặp những loại thực vật sống mà tiêu bản được giữ trong bộ sưu tập của tàu Nau-ti-lux. Khoảng một giờ trưa, thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu nghỉ khiến tôi rất mừng. Chúng tôi ngồi dưới lùm cây a-la-ri thân vươn thẳng lên như những mũi tên. Thời gian nghỉ tuy ngắn, nhưng hết sức dễ chịu. Chỉ phải một điều là không nói chuyện được với nhau. Tuy vậy, tôi vẫn ghé cái mũ bằng đồng to tướng sát vào mũ Công-xây. Sau mặt kính dày, mắt Công-xây sáng ngời lên vì thích thú, và để tỏ ý hài lòng, Công-xây quay quay đầu trong mũ một cách ngộ nghĩnh. Tôi rất ngạc nhiên vì đã đi bốn tiếng đồng hồ mà

không đói. Tôi chẳng hiểu vì sao. Nhưng tôi lại buồn ngủ díp mắt; trạng thái này cánh thợ lặn thường gặp. Mí mắt tôi trĩu xuống, tôi thiu thiu ngủ. Thuyền trưởng Nê-mô và người thủy thủ lực lưỡng làm mẫu cho chúng tôi theo: hai người nằm dài ra trên đáy đại dương nước sạch trong như pha lê.

Tôi không xác định được là đã ngủ bao lâu, nhưng khi tỉnh dậy, tôi đã thấy mặt trời ngả xuống chân trời. Thuyền trưởng Nê-mô đã dậy, tôi cũng bắt đầu vươn vai, duỗi chân duỗi tay thì một sự bất ngờ làm tôi phải bật dậy. Cách chúng tôi vài bước, một con nhện biển khổng lồ cao tới một mét, đang chăm chăm nhìn chúng tôi bằng đôi mắt lác và sẵn sàng lao tới. Mặc dù bộ đồ lặn khá dày không sợ bị cắn thủng, tôi vẫn không giấu được nỗi kinh sợ trong lòng. Lúc đó Công-xây và anh chàng thủy thủ cũng thức dậy. Thuyền trưởng Nê-mô chỉ cho anh thủy thủ xem con vật gớm ghiếc. Anh ta bèn lấy báng súng nện chết ngay tức khắc. Tôi thấy những chân nhện giãy giụa trong con hấp hối. Sự việc này buộc tôi nhớ lại rằng trong bóng tối của đáy biển còn có những con vật nguy hiểm hơn nhiều, quần áo lặn cũng không chống lại được. Cũng lạ là trước đó tôi chẳng hề nghĩ tới điều này! Từ giờ phải thận trọng hơn mới được. Tôi cảm thấy hình như cuộc dạo chơi của chúng tôi tới đây là hết. Nhưng tôi đã lầm. Thuyền trưởng Nê-mô chưa có ý định quay về tàu Nau-ti-lux, ông ta vẫn dũng cảm đi lên phía trước. Đáy biển dốc tuột

xuống. Khoảng ba giờ chiều, chúng tôi tới một chỗ đất trũng hẹp, hai bên là những mỏm đá thẳng đứng, cách mặt biển một trăm năm mươi mét. Nhờ bộ đồ lặn hoàn hảo, chúng tôi đã xuống chín mươi mét quá giới hạn mà thiên nhiên quy định cho những cuộc dạo chơi dưới nước của con người. Tôi xác định độ sâu ở chỗ chúng tôi đứng là một trăm năm mươi mét, mặc dù chẳng có một thứ máy đo nào. Nhưng tôi biết rằng ngay ở nơi nước trong nhất, những tia sáng mặt trời cũng không thể lọt xuống sâu hơn được. Cách mười bước chẳng nhìn thấy gì. Tôi đang dò dẫm thì bỗng tôi bỗng bị một tia sáng khá mạnh xuyên thủng. Thuyền trưởng Nê-mô đã bật đèn điện. Anh thủy thủ đi theo cũng bật đèn. Tôi và Công-xây làm theo. ánh đèn chiếu sáng một khoảng có bán kính hăm nhăm mét. Nê-mô dẫn chúng tôi đi ngày càng xa, vào giữa khu rừng sâu thẳm. Nơi đây cây cỏ hiếm dần. Vì thiếu ánh sáng mặt trời, ở độ sâu này hầu như chẳng còn loại thực vật nào, trong khi xung quanh chúng tôi vẫn còn nhiều động vật kỳ lạ. Vừa đi tôi vừa nghĩ bụng rằng ánh sáng điện sẽ thu hút sự chú ý của các động vật dưới biển sâu. Nhưng nếu chúng có tới gần thì vẫn ở một khoảng cách súng bắn không tới được. Thuyền trưởng Nê-mô mấy lần dừng lại tì súng lên vai ngắm, nhưng lại hạ súng xuống rồi tiếp tục đi. Cuối cùng, khoảng bốn giờ chiều, chúng tôi đi tới đích của cuộc dạo chơi này. Trước mặt chúng tôi bỗng dựng lên một bức tường đá hoa

cương, một khối đá hùng vĩ có nhiều hang hốc không thể vượt qua được. Đó chính là chân đảo Crét-xpô! Nê-mô dừng lại. Ông ta ra hiệu cho chúng tôi nghỉ chân. Tôi chẳng khao khát vượt qua bức tường này nên tuân theo lệnh Nê-mô. Đây là ranh giới mà ông ta không muốn vượt qua. Bên kia là một thế giới khác mà Nê-mô không muốn đặt chân vào! Chúng tôi quay về. Nê-mô dẫn đầu và vững vàng đưa chúng tôi lên phía trước. Tôi cảm thấy hình như mình trở về bằng lối khác. Con đường mới dốc đứng nên trèo rất mệt, một lát sau chúng tôi lên tới gần mặt biển. Việc đi lên những lớp nước trên diễn ra từ từ và không thể có ảnh hưởng gì xấu. Ngược lại, áp lực thay đổi đột ngột có thể gây nguy hại cho cơ thể con người và đe dọa tính mạng những thợ lặn thiếu thận trọng. Một phút sau, chúng tôi lại đi vào lớp nước được chiếu sáng. Mặt trời đã lặn gần sát chân trời, và những tia sáng bị khúc xạ trong nước chiếu lên tất cả những vật xung quanh một ánh hào quang rực rỡ. Chúng tôi đi dưới độ sâu mười mét, từng đàn đủ loại cá lượn quanh. Cá nhiều và bơi nhanh hơn chim bay trên trời, nhưng chẳng con nào đáng bắn. Thuyền trưởng Nê-mô bỗng đưa súng lên vai rồi ngắm vào một con vật nào đó đang thấp thoáng trong bụi rậm. Ông ta bóp cò. Một tiếng rít nhẹ phát ra, thế là con vật bị trúng đạn ngã gục cách chúng tôi năm bước. Đó là một con rái cá tuyệt đẹp, loại bốn chân duy nhất sống ở biển. Bộ lông rái cá dài tới một mét rưỡi, màu nâu sẫm, ở

đầu bốn chân màu trắng bạc, rất được ưa chuộng trên thị trường Nga và Trung Quốc. Vì mềm và mượt nên bộ lông con rái cá này trị giá ít nhất hai ngàn Phrăng. Tôi thích thú ngắm nhìn con vật có vú, đầu dẹt, tai ngắn, mắt tròn, có ria mép trắng như ria mèo, có màng chân rất phát triển và đuôi bông. Loài thú này bị săn bắt quá nhiều nên hết sức hiếm, chỉ còn thấy ở phía bắc Thái Bình Dương và có nguy cơ bị tuyệt chủng. Người thủy thủ vác xác con vật lên vai và chúng tôi lại đi tiếp. Chúng tôi bước trên cát phẳng suốt một tiếng đồng hồ. Đôi chỗ đáy gò lên đến mức chúng tôi chỉ còn cách mặt biển hai mét... Đến đây, tôi được chứng kiến một phát súng kỳ diệu nhất mà người đi săn ít khi thấy. Trên đầu chúng tôi có một con chim lớn đang xòe rộng cánh bay. Khi nó cách mặt biển mấy mét, người thủy thủ ngắm rồi nổ một phát súng. Con chim rơi thẳng xuống biển mạnh đến nỗi thẳng được sức cản của nước và chìm tới ngay chỗ chàng thủy thủ thiện xạ. Đó là một con chim báo bão, tiêu biểu xuất sắc cho các loài chim sống ngoài biển. Phát súng không dự kiến này không làm chúng tôi đi chậm lại. Trong hai tiếng đồng hồ, chúng tôi khi thì bước trên đáy cát bằng, khi thì len qua những bãi tảo. Tôi đang mệt lử thì một vệt sáng mờ bỗng xuyên qua bóng đêm tới nửa hải lý. Đó là ánh đèn pha của tàu Nau-ti-lux. Thế là chỉ còn hai mươi phút nữa là về tới tàu! Tôi sắp được nghỉ ngơi thoải mái rồi! Tôi bắt đầu cảm thấy dưỡng khí trong bình sắp cạn.

Nhưng tôi không biết được rằng một cuộc gặp gỡ bất ngờ sẽ làm chúng tôi về tàu chậm một lúc. Tôi đang đi cách mấy người kia chừng hai chục mét. Thuyền trưởng Nê-mô bỗng quay ngoắt lại và bước về phía tôi. Cánh tay mạnh mẽ của ông ta ấn tôi nằm xuống sát mặt đất; người thủy thủ cũng làm như vậy đối với Công-xây. Trong giây phút đầu tiên, tôi chẳng hiểu vì sao có sự "tấn công" bất ngờ đó, nhưng thấy Nê-mô nằm yên bên cạnh, tôi an tâm. Tôi nằm thẳng dưới đất, có tảo phía trên che chở. Ngược nhìn lên, tôi thấy mấy bóng đen to tướng và sáng lấp lánh đang lướt qua. Tôi sờn gai ốc.

Tôi đã nhận ra những con cá khủng khiếp này. Đó là hai con cá mập, loại cá ăn thịt người, có đuôi lớn, mõm có những chấm sáng. Cái mõm găm ghiếc này có thể đớp một cái là đứt đôi người! Tôi không biết Công-xây có xếp loại cá mập không, nhưng về phần mình, tôi nhìn cái bụng trắng bạc, hai hàm răng nhọn của chúng bằng con mắt của một nạn nhân hơn là của một nhà sinh học. Cũng phúc cho chúng tôi, là những con vật phàm ăn này mắt rất kém. Chúng bơi vọt qua mà không thấy chúng tôi. Thế là chúng tôi may mắn vượt qua được một nỗi nguy hiểm lớn hơn là gặp hổ giữa rừng sâu. Nửa tiếng sau, chúng tôi về tới tàu Nau-ti-lux. Nắp tàu mở, chúng tôi vừa chui vào căn phòng con thì thuyền trưởng Nê-mô đóng sập cửa ngoài rồi ấn nút. Máy bơm trên tàu chạy làm mực nước xung quanh chúng tôi rút

xuống rất nhanh. Mấy giây sau, trong phòng chẳng còn một giọt nước nào. Lúc đó, cánh cửa trong mở ra, chúng tôi bước sang phòng thay quần áo. Chúng tôi khá vất vả mới tháo bỏ được bộ đồ lặn. Tôi vừa quá mệt, vừa buồn ngủ nhưng hết sức thỏa mãn về cuộc dạo chơi tuyệt đẹp dưới đáy biển sâu. Tôi trở về phòng riêng của mình.

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 18

Bốn ngàn dặm dưới thái bình dương

Sáng 18 tháng 11, tôi thức dậy, người khoan khoái. Tôi lên boong tàu và lại thấy viên thuyền phó đang nói câu mà tôi đã nghe được nhiều lần. Tôi bỗng hiểu nghĩa câu nói đó. Đúng là ông ta nói rằng "biển bình yên vô sự". Biển bát ngát, mênh mông, chẳng thấy một cánh buồm, cũng chẳng thấy những mỏm đá của đảo Crét-xpô! Biển đã nuốt tất cả màu sắc của quang phổ mặt trời, chỉ còn lại một màu xanh ngát! Tôi đang mãi ngắm cảnh đẹp của đại dương thì thuyền trưởng Nê-mô lên boong và bắt đầu quan sát thiên văn. Hình như ông ta không để ý gì đến tôi. Sau đó, Nê-mô tì tay lên buồng lái và dăm dăm nhìn về phía xa khơi. Lúc này độ hai mươi thủy thủ bước lên boong. Họ kéo lưới mà họ đã quăng đêm trước. Đó là những người khỏe mạnh, lực lưỡng, thuộc nhiều dân tộc khác nhau nhưng đều gốc châu Âu. Tôi dễ dàng nhận ra một người Ai-len, mấy người Pháp, mấy người Xla-vơ, một người Hy Lạp. Họ rất ít lời và nói với

nhau bằng một thứ thỏ ngữ chẳng rõ nguồn gốc từ đâu. Vì vậy tôi không thể chuyện trò với họ được. Họ kéo lưới lên tàu. Sáng hôm đó nhiều động vật kỳ lạ của biển đã lọt vào lưới. Tôi ước lượng họ đánh được ít nhất bốn trăm ki-lô-gam cá! Một mẻ lưới rất đạt nhưng cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên! Lưới mắc phía sau tàu và trong mấy tiếng đồng hồ đã cuốn theo tất cả những động vật gặp ở đường. Từ nay về sau, chúng tôi chẳng sợ thiếu cá ngon vì tàu chạy rất nhanh và chiếc đèn pha có sức hấp dẫn lớn. Cá đánh được liền đưa xuống bếp, một phần để dự trữ, một phần để ăn ngay. Mẻ lưới kết thúc. Không khí lại được dự trữ đầy các bể chứa. Tôi định ninh là tàu sắp lặn, nên muốn trở về phòng. Nhưng lúc đó thuyền trưởng Nê-mô quay về phía tôi và nói:

-Thưa ngài giáo sư, ngài hãy nhìn xem biển có phải là một sinh vật không? Biển lúc thì giận dữ, khi thì dịu hiền. Ban đêm biển cũng ngủ như chúng ta và giờ đây đang tỉnh dậy, khoan khoái sau một giấc ngủ ngon! Nê-mô chẳng chào hỏi gì. Hình như con người bí hiểm này đang tiếp tục một câu chuyện bị bỏ dở. ông ta nói:

-Giáo sư nhìn xem: đại dương tỉnh giấc dưới ánh nắng dịu hiền. Nó bắt đầu cuộc sống ban ngày. Thật kỳ thú khi quan sát những biểu hiện đầy sức sống của cơ thể nó! Biển có tim, có mạch máu, và tôi hoàn toàn đồng ý với nhà bác học Mô-ri, người đã phát

hiện ra rằng nước ở đại dương cũng tuần hoàn, hết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể sống. Nê-mô chẳng đợi trả lời, và tôi cũng thấy nếu ngắt lời ông ta bằng nhiều câu "vâng", "tất nhiên", "rất đúng" trông rỗng thì thật là thừa. ông ta như tự nói với mình và sau mỗi câu lại im lặng hồi lâu.

-Đúng, nước ở đại dương tuần hoàn không ngừng. Sự tuần hoàn đó sở dĩ có là do nhiệt độ thay đổi, do muối và các vi sinh vật trong nước biển. Nhiệt độ thay đổi làm thay đổi tỷ trọng của nước, do đó tạo nên những luồng nước chảy ngược nhau. Nước biển bốc hơi rất ít ở hai cực, nhưng bốc hơi rất nhiều ở vùng xích đạo. Hiện tượng này tạo ra sự giao lưu thường xuyên qua các vùng biển đó. Ngoài ra, tôi còn phát hiện được sự tuần hoàn theo chiều thẳng đứng từ mặt biển xuống dưới sâu và ngược lại. Hiện tượng đó đúng là sự hô hấp của biển! Trong các vùng biển ấm, nước đại dương bị đốt nóng ở lớp trên chảy đến các vùng biển lạnh, nhờ bị lạnh đi nên đậm đặc hơn, nặng hơn và chìm xuống dưới. Sau đó càng gần vùng xích đạo nó càng bị hun nóng và nổi dần lên trên, rồi lại chảy về vùng biển lạnh. Đến hai cực, giáo sư sẽ thấy rõ kết quả của hiện tượng này và sẽ đánh giá được sự nhìn xa của thiên nhiên, vì nhờ quy luật này mà nước biển chỉ đóng băng ở lớp trên! Khi Nê-mô nói đến câu cuối cùng, tôi nghĩ bụng:

“Chẳng lẽ con người liêu lĩnh này lại định cho tàu chạy tới hai

cực?". Nê-mô im lặng và chăm chú nhìn biển cả, môi trường mà ông ta đang cố sức nghiên cứu cặn kẽ. Một lát sau, ông ta nói:

-Biển chứa một lượng muối đáng kể. Nếu như có thể tập trung tất cả muối bị hòa tan trong đại dương lại thì nó sẽ chất thành một khối bằng bốn triệu rưỡi dặm khối. Và nếu trải đều trên mặt đất thì nó sẽ tạo thành một lớp dày hơn mười mét. Nhưng ngài chớ tưởng rằng muối chứa trong nước biển là do sự trái tính của thiên nhiên. Không phải đâu! Muối làm giảm sự bốc hơi của nước biển và giúp các miền khí hậu ôn hòa tránh được mưa nhiều. Vai trò làm cân đối hoạt động của thiên nhiên trên trái đất thật quan trọng, thật vinh quang! Nê-mô im lặng. ông ta đứng thẳng lên, đi mấy bước trên boong rồi lại bước về phía tôi:

-Còn hàng tỷ sinh vật có trong mỗi giọt nước cũng có vai trò không kém quan trọng. Chúng hấp thụ muối biển và chất vôi hòa tan trong nước. Khi chết đi, chúng lại trả lại cho nước những chất khoáng khác nhau, một phần dưới dạng xương dưới đáy biển. Thế là có một sự tuần hoàn mãi mãi, một cuộc sống vĩnh cửu! Cuộc sống ở biển khản trương hơn, thuận lợi hơn, vô cùng vô tận hơn trên đất liền. Nó nằm ngay trong mỗi giọt nước của biển cả trong môi trường rất nguy hại cho tính mạng con người nhưng rất có lợi cho hàng tỷ sinh vật khác, cho cả tôi nữa! Nói những lời đó, con người Nê-mô khác lạ hẳn đi và gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ. ông ta nói tiếp:

-Và cuộc sống thật sự là ở đây, chỉ ở đây thôi! Tôi tin là có khả năng xây dựng những thành phố ngầm, những tòa nhà ngầm dưới biển cứ mỗi sáng lại nổi lên mặt nước để dự trữ không khí trong lành giống như tàu Nau-ti-lux. Những thành phố độc lập, những thành phố tự do. Và nếu một tên bạo chúa nào đó...

Thuyền trưởng Nê-mô ngắt câu nói bằng một cử chỉ đe dọa. Rồi ông ta hỏi tôi dường như muốn xua đuổi những ý nghĩ đen tối:

-Giáo sư có biết đại dương sâu bao nhiêu không?

-Thưa thuyền trưởng, tôi có biết những kết quả đo đạc.

-Kết quả cụ thể ra sao? Khi có dịp, tôi có thể kiểm tra lại.

-Nếu tôi không lầm thì độ sâu trung bình ở phía bắc Đại Tây Dương là tám ngàn hai trăm mét, còn ở Địa Trung Hải là hai ngàn năm trăm mét. Những cuộc đo đạc có kết quả nhất đã được tiến hành ở phía nam Đại Tây Dương. Kết quả: một vạn hai ngàn mét, một vạn bốn ngàn chín trăm linh một mét, một vạn năm ngàn một trăm bốn chín mét. Tóm lại, nếu đáy đại dương được san bằng thì độ sâu trung bình là khoảng bảy ki-lô-mét.

-Tốt lắm!

-Nê-mô trả lời.

-Tôi hy vọng sẽ cung cấp cho ngài những số liệu chính xác hơn. Về độ sâu trung bình ở vùng biển này của Thái Bình Dương, tôi có thể thông báo rằng nó không quá bốn ngàn mét. Nói đến đây, thuyền trưởng Nê-mô đi về phía nắp tàu rồi theo bậc thang sắt

bước xuống dưới. Tôi đi theo ông ta. Ngay lúc đó chân vịt bắt đầu ngay, đồng hồ chỉ tốc độ hai mươi hải lý một giờ... Những ngày sau đó, thuyền trưởng Nê-mô rất ít đến thăm hỏi. Họa hoằn lắm tôi mới thấy ông ta. Còn viên thuyền phó thì cứ sáng sáng lại ghi đường đi của con tàu trên bản đồ rất cẩn thận giúp tôi xác định vị trí con tàu một cách chính xác. Công-xây và Nét Len ở bên tôi hàng tiếng đồng hồ. Công-xây thuật lại cho Nét nghe chuyện anh ta đã được thấy những kỳ quan gì trong chuyến dạo chơi ngầm dưới biển. Nét hối tiếc là đã không cùng đi. Tôi an ủi Nét rồi sẽ tổ chức xuống biển chơi một lần nữa. Hầu như ngày nào tám cửa sắt ở phòng khách cũng mở ra mấy tiếng đồng hồ, và chúng tôi lại được đi sâu vào những bí mật của thế giới ngầm dưới biển. Tàu Nau-ti-lux chạy theo hướng đông nam ở độ sâu một trăm -một trăm năm mươi mét. Nhưng có lần thuyền trưởng Nê-mô hứng lên cho tàu lặn sâu xuống hai ngàn mét. Nhiệt kế chỉ 4,25 độ, một nhiệt độ hình như chung cho độ sâu này ở mọi vĩ độ. Ba giờ sáng ngày 26 tháng 11 tàu Nau-ti-lux qua bắc chí tuyến 172 độ kinh. Ngày 27 tháng 11 tàu ngang qua quần đảo Xan-uyt, nơi thuyền trưởng Cúc nổi tiếng hy sinh ngày 14 tháng 2 năm 1779. Thế là chúng tôi đã đi được bốn ngàn tám trăm sáu mươi dặm kể từ ngày bắt đầu cuộc hành trình. Buổi sáng, khi lên boong, tôi nhìn thấy đảo Ha-oai cách tàu hai hải lý. Đó là đảo lớn nhất trong số bảy hòn đảo của quần đảo Ha-oai. Tôi thấy rõ

những cánh đồng trồng trọt, vùng đồi và những dãy núi dọc bờ biển, những núi lửa trong đó sừng sững ngọn Mu-na Rê-a cao năm ngàn mét.

Tàu Nau-ti-lux vẫn chạy theo hướng đông nam. Ngày mùng 1 tháng 12, nó vượt qua xích đạo ở 142 độ kinh. Ngày 4 tháng 12, sau khi chạy khá nhanh và không xảy ra sự việc gì đặc biệt, tàu tới gần quần đảo Mác-ki-dơ. Qua quần đảo đẹp tuyệt vời ấy, từ mùng 4 tới 11 tháng 12 tàu đi được khoảng hai ngàn hải lý. Đêm mùng 9 rạng ngày 10 tháng 12 tàu gặp hàng đàn nhuyễn thể. Ban đêm chúng từ dưới biển sâu bơi lên các lớp nước trên rồi theo con đường di cư của cá trích và cá xác-đin mà bỏ sang vùng nước ấm hơn. Đây là cuộc di cư bình thường của hàng triệu tấn sinh vật biển!... Biển cả đang phô bày ra những bức tranh hết sức kỳ thú và muôn màu muôn vẻ. Biển cả chẳng những làm chúng tôi vui mắt, cho chúng tôi quan sát những sinh vật trong môi trường tự nhiên của chúng mà còn mở ra trước chúng tôi những bí mật thâm kín nhất. Ngày 11 tháng 12 tôi ngồi ở phòng khách và đọc một cuốn sách lấy ở thư viện của thuyền trưởng. Nét và Công-xây thì mãi ngắm nước biển được chiếu sáng. Tàu Nau-ti-lux đang dừng. Tàu cho nước vào đầy các bể chứa và đỗ ở độ sâu một ngàn mét, nơi rất ít sinh vật, rất ít cá to.

Tôi đang đọc cuốn sách tuyệt vời của Giăng Ma-xê thì Công-xây gọi tôi:

-Thưa giáo sư, ngài có thể lại đây một phút không ạ?

-Anh ta nói bằng một giọng khác lạ.

-Có việc gì thế, Công-xây? Tôi đứng dậy, bước tới cửa sổ và nhìn ra ngoài. Trong khoảng nước được đèn pha trên tàu rọi sáng, có một khối lớn màu đen đang lơ lửng. Tôi chú ý nhìn xem đó là gì. Trong óc tôi bỗng lóe lên một ý nghĩ.

-Tàu biển!

-Tôi kêu lên.

-Đúng, -Nét trả lời, -một chiếc tàu biển bị gãy cột buồm! Nét Len đã không lầm. Trước mắt chúng tôi là một chiếc tàu bị đắm. Vỏ tàu còn tốt. Hình như nó mới bị đắm cách đây mấy tiếng đồng hồ... Chiếc tàu gây một ấn tượng rất đáng buồn! Nhưng khi thấy những xác người bị trói chặt bằng dây cáp trên boong thì còn thê thảm hơn nhiều!... Chúng tôi lặng im và hết sức xúc động nhìn cảnh tàu đắm. Những con cá mập háu đói đã ngửi thấy mùi thịt người và xông đến. Khi tàu Nau-ti-lux chạy vòng quanh chiếc tàu đắm, tôi thấy ở phía lái có dòng chữ đề:

“FLORIDA” SUNDERLAND

Jules Verne

Hai vạn dặm dưới biển

Phần một

Chương 19

Va-ni-cô-rô

Tai nạn thương tâm của tàu Phlo-ri-đa không phải là trường hợp đặc biệt gì lắm ngoài biển cả. Về sau này, khi tàu Nau-ti-lux qua các vùng biển đông tàu bè, chúng tôi đã gặp nhiều xác tàu đắm mục nát trong nước. Còn dưới đáy thì nào súng lớn, nào neo, nào xích và hàng ngàn đồ vật khác bằng sắt đang gỉ ra. Ngày 11 tháng 12, chúng tôi tới gần quần đảo Pau-mô-tu rải rác khoảng năm trăm dặm từ đông -đông nam tới tây -tây bắc. Quần đảo này có diện tích ba trăm bảy mươi dặm vuông và gồm sáu mươi nhóm đảo san hô. Nhờ đó khối đất này sớm muộn sẽ nhập làm một với quần đảo kề bên, và giữa Niu Di-lon và Tân Ca-lê-đô-ni sẽ xuất hiện lục địa thứ năm. Một hôm tôi đề cập vấn đề đó với thuyền trưởng Nê-mô, nhưng ông ta trả lời tôi một cách lạnh lùng:

-Cần những con người mới chứ cần gì những lục địa mới!

Vẫn theo hướng cũ, tàu Nau-ti-lux chạy ngang qua đảo Cléc-

mông Ton-ne, hòn đảo kỳ lạ nhất trong các nhóm đảo do thuyền trưởng Ben phát hiện ra năm 1822. ở đây tôi có dịp quan sát các quần thể san hô đã tạo nên các đảo ở miền biển Thái Bình Dương này... Khi tàu nổi lên mặt nước, tôi có thể nhìn bao quát cả đảo Cléc-mông Ton-ne chỉ hơi nhô lên một chút có rừng rậm phủ kín. Những cơn bão biển đã biến đất đá vôi ở đây thành màu mỡ. Hạt cây do bão đưa từ đất liền ra, một hôm nào đó rơi xuống đảo này, lại được bón bằng xác tôm cá và tảo thối rữa, đã làm nhú lên bao mầm xanh. Sóng biển đã ném lên bờ một quả dừa chín từ xa tới. Thế là cây cối mọc lên. Cây làm nước bốc hơi và tạo ra một cơn suối. Cây cối dần dần phủ kín đảo. Luồng nước biển đã đưa tới đây các vi sinh vật, côn trùng cùng với những thân cây bị nhổ bật lên từ những hòn đảo bên. Mùa bắt đầu tới đây đẻ trứng. Chim chóc bay tới làm tổ trên những cây non. Thế giới động vật dần dần phát triển sự sống ở đây. Tiếp đó con người xuất hiện. Anh ta bị màu xanh tươi của cây cối và đất đai phì nhiêu hấp dẫn. Những hòn đảo san hô -một sáng tạo vĩ đại của các sinh vật vô cùng nhỏ bé -đã được hình thành như vậy. Đến gần tối, đảo Cléc-mông Ton-ne khuất hẳn. Tàu Nau-ti-lux thay đổi hướng đi. Vượt qua chí tuyến nam ở 135 độ kinh, tàu chạy về phía tây bắc. Mặc dù mặt trời nhiệt độ nóng bỏng, chúng tôi vẫn không cảm thấy nóng vì ở độ sâu ba mươi, bốn mươi mét, nhiệt độ nước không quá 10 -12 độ. Ngày 15 tháng

12, tàu đi ngang quần đảo Xô-xi-ê-tê và Ta-i-ti điểm lẹ, hoàng hậu của Thái Bình Dương. Tàu đã đi được tám ngàn một trăm hải lý. Sau đó nó chạy vào khoảng giữa quần đảo Tôn-ga Ta-bu và quần đảo Người đi biển rồi vượt qua quần đảo Phít-gi. Quần đảo này được Ta-xman phát hiện ra năm 1643. Cùng năm đó, To-ri-xe-li phát minh ra phong vũ biểu và vua Lu-i 14 lên ngôi. Xin để bạn đọc phán xét xem sự kiện nào đó ích lợi hơn cho loài người...

Đã một tuần nay thuyền trưởng Nê-mô không xuất hiện. Cuối cùng, sáng 27 tháng 12, ông ta bước vào phòng khách, tự nhiên thoải mái tựa như chúng tôi vừa chia tay với ông ta năm phút trước đây. Lúc đó tôi đang tìm vị trí con tàu chạy trên bản đồ. Nê-mô đến chỗ tôi, chỉ vào một điểm trên bản đồ rồi nói:

-Va-ni-cô-rô. Địa danh này tác động đến tôi một cách thần kỳ. Đó là tên những hòn đảo, nơi đoàn tàu của La Pê-ru-dơ bị đắm. Tôi giật mình hỏi:

-Tàu Nau-ti-lux chạy về phía Va-ni- cô-rô ư, thưa thuyền trưởng?

-Thưa giáo sư, vâng.

-Phải chăng tôi sẽ có dịp đến những hòn đảo nổi tiếng, nơi tàu Bút-xon và A-xơ-rô-láp bị đắm?

-Vâng, nếu giáo sư muốn.

-Thế đến Va-ni-cô-rô còn xa không ạ?

-Thưa giáo sư, Va-ni-cô-rô đây rồi. Tôi cùng Nê-mô lên boong rồi chăm chú nhìn về chân trời ở phía đông bắc hiện lên hai hòn đảo to nhỏ khác nhau nhưng chắc cùng nguồn gốc núi lửa, có một hàng rào san hô bao quanh khoảng bốn mươi hải lý. Chúng tôi đã tới gần đảo, đúng hơn là tới cửa một vũng nhỏ. Cây cối xanh tươi phủ kín đảo, từ bờ biển tới đỉnh núi cao. Tàu vượt qua một eo biển hẹp để vào phía trong hàng rào san hô. Dưới bóng những cây sù, chúng tôi thấy rõ bóng những thổ dân đang hết sức ngạc nhiên theo dõi con tàu. Có lẽ họ tưởng tàu hình thoi là một con cá voi mà họ cần đề phòng. Thuyền trưởng Nê-mô hỏi tôi đã biết gì về cái chết của La Pê-ru-dơ.

-Thưa thuyền trưởng, tôi cũng biết như mọi người thôi.

-Giáo sư có thể thuật lại cho tôi những điều mọi người đều biết không?

-Nê-mô hỏi hơi mỉa mai.

-Thưa vâng! Và tôi bắt đầu kể lại cho ông ta nghe nội dung những tin tức cuối cùng do Duy-mông Duyết-vin báo về. Sau đây là tóm tắt những tin tức đó. Năm 1785, La Pê-ru-dơ và trợ tá của ông ta là thuyền trưởng Đờ Lăng-glơ được vua Lu-i 16 phái đi vòng quanh trái đất trên hai chiếc tàu Bút-xon và A-xơ-rô-láp và bị mất tích. Năm 1791, chính phủ Pháp lo lắng về số phận hai chiếc tàu chiến của La Pê-ru-dơ nên đã thành lập một đội tàu đi cứu gồm hai chiếc Rơ-séc-sơ và E-xpê -răng-xơ dưới quyền chỉ

huy của Bru-ni Đăng-tơ-rơ-ca-xtô. Hai tàu này nhỏ neo ở cảng Brét-xơ ngày 28 tháng 9. Hai tháng sau, theo báo cáo của một người tên là Bô-đoanh, chỉ huy tàu An-béc-man, thì người ta đã thấy những mảnh tàu vỡ ở bờ biển Tân Giê-óc-gi. Nhưng Đăng-tơ-rơ-cát-xtô không biết tin đó -và lại nó cũng khá mơ hồ -nên vẫn cho tàu chạy về đảo A-mi-rô-tê, theo báo cáo của thuyền trưởng Hôn-ton, là nơi tàu La Pê-ru-dơ bị đắm. Nhưng cuộc tìm kiếm của Đăng-tơ-rơ Ca-xtô không đem lại kết quả gì. Hai tàu đi cứu đã đi qua Va-ni-cô-rô mà không dừng lại. Chuyển đi kết thúc một cách bí thảm vì chính Đăng-tơ-rơ-ca-xtô, hai thuyền phó và nhiều thủy thủ bị chết. Người đầu tiên dò ra đúng vết tích của đoàn tàu La Pê-ru-dơ là thuyền trưởng Đi-lông, một con sói biển lão luyện, rất thông thạo Thái Bình Dương. Ngày 15 tháng 5 năm 1824, tàu "Xanh Pa-tơ-ríc" của Đi-lông đi ngang qua đảo Ti-cô-pi-a thuộc nhóm đảo Tân %o-brít. Tới đây, một thổ dân chèo thuyền độc mộc ra bán cho Đi-lông một cái chuỗi kiếm bằng bạc trên có khắc chữ. Người này kể lại cho Đi-lông nghe rằng sáu năm trước đây, anh ta thấy trên đảo Va-ni-cô-rô có hai người Âu trong số thủy thủ của hai chiếc tàu bị đắm vì va phải dải đá ngầm gần đảo này. Đi-lông hiểu ngay đó là hai chiếc tàu của La Pê-ru-dơ bị mất tích và đã làm cho toàn thế giới xúc động. Đi-lông quyết định đến Va-ni-cô-rô, nơi theo lời người thổ dân hãy còn vết tích của tàu đắm. Nhưng gió và luồng nước

không cho phép Đi-lông thực hiện được ý định ấy.

Ông ta quay về Can-cút-ta. ở đây Đi-lông đã làm cho Công ty châu á chú ý tới phát hiện của mình và giao cho ông ta một chiếc tàu cũng có tên là Rơ-séc-sơ. Ngày 23 tháng giêng năm 1827, Đi-lông cho tàu nhỏ neo rời Can-cút-ta, có một đại diện Pháp đi theo. Sau nhiều lần ngừng lại ở Thái Bình Dương, ngày 7 tháng 7 năm 1827, tàu Rơ-séc-sơ thả neo ở chính cái vũng nơi tàu Nau-ti-lux đang đắm. Đi-lông tìm thấy ở đây nhiều di vật của tàu bị đắm: mấy cái neo, các loại dụng cụ hàng hải và một cái chuông bằng đồng đen có dòng chữ đề "Ba-danh-đức" và nhãn hiệu của xưởng công binh Brét-xơ năm 1785. Không còn nghi ngờ gì nữa! Đi-lông tiếp tục tìm kiếm di vật và đã ở nơi xảy ra tai nạn tới tháng 10. Sau đó ông ta cho tàu nhỏ neo và về Can-cút-ta bằng đường Niu Di-lon. Ngày 7 tháng 4 năm 1828, Đi-lông về tới Pháp và được vua Sác-lơ X tiếp đón ân cần. Cũng trong thời gian ấy, Đuy-mông Đuyéc-vin, chỉ huy tàu A-xơ-rô-láp, chẳng hay biết gì về phát hiện của Đi-lông, nên vẫn lên đường tìm kiếm nơi tàu đắm. Lúc đó, một người thợ săn cá voi cho biết rằng thổ dân Lu-i-di-át và Tân Ca-lê-đô-ni hiện đang giữ một số huy chương và một huân chương chữ thập thánh Lu-i. Đuy-mông Đuyéc-vin lên đường và cho tàu thả neo ở Hô-bác Tao-nơ hai tháng sau khi Đi-lông rời Va-ni-cô-rô. Đến đây ông ta được biết về kết quả tìm kiếm của Đi-lông. Ngoài ra, ông ta còn nghe tin

báo của một người tên là Giem Hốp-xơ, thuyền phó tàu I-u-ni-on từ Can-cút-ta đến khẳng định rằng khi tới một hòn đảo nằm ở độ vĩ 8,18 độ và độ kinh đông 156,30 độ, Hốp-xơ thấy thổ dân có những thanh sắt dài và những mảnh vải đỏ. Duy-mông Duyết-vin lúng túng trước những tin tức trái ngược đó và không biết có nên tin không. Tuy vậy, ông ta vẫn cho tàu chạy theo đường Đi-lông đã đi. Ngày 9 tháng 2 năm 1828, tàu A-xơ-rô-láp tới đảo Ti-cô-pi-a. Sau khi lấy một người trước là thủy thủ, nay sinh cơ lập nghiệp ở đây, lên tàu làm hoa tiêu và phiên dịch, tàu chạy về Va-ni-cô-rô. Ngày 20 tháng 2, tàu vượt qua hàng rào san hô rồi vào vũng. Ngày 23 tháng 2, thủy thủ tàu A-xơ-rô-láp đi vòng quanh đảo và chỉ mang về một số mảnh tàu vỡ ít giá trị. Thổ dân từ chối không chỉ cho họ chỗ tàu đắm, lấy cớ là không hiểu. Thái độ của thổ dân thật đáng nghi ngờ. Có lẽ họ đã đối xử tàn tệ với những người bị đắm tàu và sợ Duy-mông Duyết-vin đến để trả thù cho La Pê-ru-dơ và những người xấu số cùng đi. Cuối cùng, ngày 26 tháng 2, bị các tặng phẩm cám dỗ và hiểu rằng sẽ không bị trả thù, các thổ dân mới chỉ cho thuyền phó Gia-ki-nô nơi tàu đắm. ở đó, dưới độ sâu bảy, tám mét, neo, súng đại bác và các thứ khác bằng kim loại đã bị phủ một lớp vôi. Anh em thủy thủ vất vả lắm mới kéo lên được một chiếc neo nặng hơn bảy trăm ki-lô-gam, một khẩu đại bác và hai khẩu súng cối. Hỏi thổ dân, Duy-mông Duyết-vin được biết thêm rằng, sau khi cả hai tàu

vấp phải hàng rào san hô bị đắm, La Pê-ru-dơ nhặt những mảnh vỡ để đóng một chiếc thuyền nhỏ. ông ta lại lên đường để lại bị đắm một lần nữa. Nhưng ở đâu thì chẳng ai hay. Thuyền trưởng tàu A-xơ-rô-láp dựng một đài kỷ niệm La Pê-ru-dơ và các thủy thủ dưới bóng cây sù. Đó là một hình tháp bốn cạnh, đơn giản, đặt trên bệ san hô. Duy-mông Đuyếc-vin muốn nhả neo ngay. Nhưng thủy thủ bị sốt rét kịch liệt và bản thân Duy-mông cũng bị ốm. Mãi tới 17 tháng 3, ông ta mới lên đường về được... Đó là tất cả những gì tôi có thể thuật lại cho thuyền trưởng Nê-mô nghe. Nê-mô nói:

-Thế là cho tới nay vẫn chưa biết chiếc thuyền La Pê-ru-dơ đóng sau này bị đắm ở đâu à?

-Thưa không. Nê-mô không trả lời mà chỉ ra hiệu mời tôi theo vào phòng khách. Tàu Nau-ti-lux lặn xuống mấy mét, cánh cửa sắt mở ra. Tôi chạy tới cửa, và giữa đám san hô, giữa ngàn vạn con cá nhỏ tuyệt đẹp, tôi nhận ra những mảnh tàu vỡ, những đại bác, neo... tóm lại, những bộ phận mà Duy-mông Đuyếc-vin không lấy lên được. Tôi đang mãi xem những di vật đáng buồn ấy thì thuyền trưởng Nê-mô nói:

-Thuyền trưởng La Pê-ru-dơ lên đường ngày 7 tháng 12 năm 1785 với hai tàu Bút-xon và A-xơ-rô-láp. Thoạt tiên, ông ta lập căn cứ ở Bô-ta-ni Bây, sau đó đến quần đảo Xô-xi-ê-tê, Tân Ca-lê-đô-ni, Xan-ta, Crux rồi thả neo ở Na-mu-ca nằm trong nhóm

đảo Ha-oai. Cuối cùng, tàu Bút-xon của La Pê-ru-dơ tiến gần đến hàng rào san hô, hồi đó các nhà đi biển chưa biết, va phải dải đá ngầm gần bờ biển phía nam. Tàu A-xơ-rô-láp vội đến cứu và cũng vấp phải dải đá ngầm đó. Tàu Bút-xon bị đắm ngay tức khắc. Tàu A-xơ-rô-láp bị mắc cạn còn đứng được mấy ngày.

Thổ dân trên bờ đối xử với những người gặp nạn khá tốt. La Pê-ru-dơ lên bờ và bắt đầu đóng một chiếc thuyền nhỏ bằng những mảnh vỡ của hai chiếc tàu bị đắm. Một số thủy thủ tự nguyện ở lại Va-ni-cô-rô. Những người còn lại bị ốm đau kiệt quệ thì theo La Pê-ru-dơ đi về hướng quần đảo Xa-lô-mông và hy sinh hết ở gần bờ biển phía tây của hòn đảo chính của quần đảo này!

-Sao thuyền trưởng biết được điều đó?

-Tôi từng sốt.

-Tôi tìm thấy vật này ở nơi đắm tàu cuối cùng đây!

Nê-mô cho tôi xem một cái tráp bằng sắt tây, trên nắp có quốc huy nước Pháp, đã bị gỉ trong nước biển mặn. Khi ông ta mở nắp ra, tôi thấy một tờ giấy cuộn tròn đã ngả màu vàng nhưng vẫn đọc được. Đó là chỉ thị của Bộ trưởng Hải quân Pháp gửi thuyền trưởng La Pê-ru-dơ có lời phê của chính vua Lu-i 16 viết ở lề!

-Đó là cái chết xứng đáng của một thủy thủ!

-Nê-mô nói.

-La Pê-ru-dơ đã an nghỉ dưới năm mồ san hô. Còn cái gì yên tĩnh hơn năm mồ đó nữa? Cầu thượng đế cho tôi và các bạn tôi cũng

được như vậy!